

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

(Theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT)

PHƯỜNG BÌNH PHƯỚC - TỈNH ĐỒNG NAI

Năm 2026

THỐNG KÊ, KIỂM KÊ DIỆN TÍCH ĐẤT ĐAI

Đến ngày 31/12/2025

Đơn vị báo cáo:

Phường Bình Phước

Tỉnh Đồng Nai

Đơn vị tính diện tích: ha

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Diện tích đất theo đối tượng sử dụng đất													Diện tích đất theo đối tượng được giao quản lý đất				
				Tổng số	Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNC)		Tổ chức trong nước (TCC)					Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG)	Cộng đồng dân cư (CDS)	Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (TNG)	Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (NGV)	Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)	Tổng số	Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ)	Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ)	Tổ chức kinh tế (KTQ)	Cộng đồng dân cư (CDQ)
					Cá nhân trong nước (CNV)	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)	Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCN)	Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN)	Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (TXH)	Tổ chức kinh tế (TKT)	Tổ chức khác (TKH)										
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(18)	(5)=(6)+...+(17)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(19)+...+(22)	(19)	(20)	(21)	(22)
	Tổng diện tích		8.638,83	7.840,04	6.404,55	0,00	251,81	93,79	0,00	1.079,59	0,32	9,56	0,42	0,00	0,00	0,00	798,79	796,59	2,19	0,00	0,00
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	6.323,82	6.323,82	5.886,09		29,14			408,59											
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	198,02	198,02	182,29					15,73											
1.1	Đất trồng lúa	LUA	126,14	126,14	126,14																
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC																			
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	126,14	126,14	126,14																
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	71,88	71,88	56,14					15,73											
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.047,65	6.047,65	5.653,13		1,67			392,86											
3	Đất lâm nghiệp	LNP																			
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD																			
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH																			
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX																			
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN																			
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	78,14	78,14	50,67		27,47														
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																			
6	Đất làm muối	LMU																			
7	Đất nông nghiệp khác	NKH																			
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	2.312,82	1.516,22	518,46		222,67	93,79		671,00	0,32	9,56	0,42				796,59	796,59			
1	Đất ở	OTC	655,45	655,45	510,28					145,16											
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT																			
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	655,45	655,45	510,28					145,16											
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	49,46	49,46			49,46														
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	94,02	94,02			94,02														
3.1	Đất quốc phòng	CQP	71,26	71,26			71,26														
3.2	Đất an ninh	CAN	22,76	22,76			22,76														
4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	142,53	142,53			7,55	93,79		40,86	0,32										
4.1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	9,76	9,76			7,04	2,26		0,45											
4.2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH	0,32	0,32							0,32										
4.3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	12,27	12,27				4,83		7,44											
4.4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	90,59	90,59				57,61		32,98											
4.5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	24,21	24,21				24,21													
4.6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH																			
4.7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT																			
4.8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT	0,51	0,51			0,51														
4.9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																			
4.1	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK	4,88	4,88				4,88													
5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	321,32	321,32	3,98					317,34											



Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính	Diện tích đất theo đối tượng sử dụng đất													Diện tích đất theo đối tượng được giao quản lý đất				
				Tổng số	Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNC)		Tổ chức trong nước (TCC)					Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG)	Cộng đồng dân cư (CDS)	Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (TNG)	Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (NGV)	Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)	Tổng số	Cơ quan nhà nước, cơ quan đáng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ)	Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ)	Tổ chức kinh tế (KTQ)	Cộng đồng dân cư (CDQ)
					Cá nhân trong nước (CNV)	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)	Cơ quan nhà nước, cơ quan đáng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCN)	Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN)	Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (TXH)	Tổ chức kinh tế (TKT)	Tổ chức khác (TKH)										
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+(18)	(5)=(6)+...+(17)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)=(19)+...+(22)	(19)	(20)	(21)	(22)
5.1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	207,43	207,43						207,43											
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	148,89	148,89						148,89											
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN	58,53	58,53						58,53											
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT																			
5.2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	51,05	51,05	3,98					47,07											
5.3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	36,50	36,50						36,50											
5.4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	26,34	26,34						26,34											
6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	805,15	213,75			50,54			163,21							591,40	591,40			
6.1	Đất công trình giao thông	DGT	712,51	123,04						123,04							589,47	589,47			
6.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	1,96	0,03						0,03							1,93	1,93			
6.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	7,35	7,35			7,35														
6.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC																			
6.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1,63	1,63			1,63														
6.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	10,41	10,41						10,41											
6.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	0,64	0,64						0,64											
6.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	1,07	1,07						1,07											
6.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,53	1,53			1,53														
6.1	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	68,05	68,05			40,03			28,02											
7	Đất tôn giáo	TON	9,56	9,56								9,56									
8	Đất tín ngưỡng	TIN	0,42	0,42									0,42								
9	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	21,10	21,10			21,10														
10	Đất có mặt nước chuyên dùng	TVC	205,19														205,19	205,19			
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	93,61														93,61	93,61			
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	111,58														111,58	111,58			
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,62	8,62	4,19					4,43											
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	2,19														2,19		2,19		
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	2,19														2,19		2,19		
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS																			
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS																			
4	Núi đá không có rừng cây	NCS																			
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS																			

Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Đơn vị tư vấn lập biểu
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
PHÓ PHẠM VIÊN TRƯỞNG
NGUYỄN CÁI TRUNG

Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Bình Phước
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
LÂM QUỐC HÙNG

Ngày 23 tháng 3 năm 2026
Ủy Ban nhân dân phường Bình Phước
PHÓ CHỦ TỊCH
ĐÀO DINH CHÍ

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

THÔNG KÊ, KIỂM KÊ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ ĐẤT

Đến ngày 31/12/2025

Phường Bình Phước

Tỉnh Đồng Nai

Đơn vị tính số lượng: người

[illegible]

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng số	Số lượng người sử dụng đất												Số lượng người được giao quản lý đất			
				Cá nhân trong nước, người		Tổ chức trong nước (TCC)					Tổ chức tôn giáo, tôn giáo trực thuộc (TTG)	Cộng đồng dân cư (CDS)	Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (TNG)	Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (NGV)	Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)	Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ)	Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ)	Tổ chức kinh tế (KTQ)	Cộng đồng dân cư (CDQ)
				Cá nhân trong nước (CNV)	Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)	Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCN)	Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN)	Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp (TXH)	Tổ chức kinh tế (TKT)	Tổ chức khác (TKH)									
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)
7.4	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	117	38					79										
7.5	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	27						27										
7.6	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	2						2										
8	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	89			61			21							7			
8.1	Đất công trình giao thông	DGT	7						2							5			
8.2	Đất công trình thủy lợi	DTL	3						1							2			
8.3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1			1													
8.4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC																	
8.5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1			1													
8.6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	3						3										
8.7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	1						1										
8.8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	4						4										
8.9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	8			8													
8.10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	61			51			10										
9	Đất tôn giáo	TON	12								12								
10	Đất tín ngưỡng	TIN	5									5							
11	Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt	NTD	1			1													
12	Đất có mặt nước chuyên dùng đang ao, hồ, đầm, phá	MNC	1													1			
13	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	2													2			
14	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	7	4					3										
III Nhóm đất chưa sử dụng		CSD	1														1		
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	1														1		
2	Đất băng chưa sử dụng	BCS																	
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS																	
4	Núi đá không có rừng cây	NCS																	
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS																	

Ngày 10 tháng 3 năm 2026
 Đơn vị tư vấn lập biên
 PHÂN VIỆN
 QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ NÔNG NGHIỆP
 NGUYỄN CẨM TRUNG

Ngày 10 tháng 3 năm 2026
 Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Bình Phước
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
 LÂM QUỐC HÙNG

Ngày 10 tháng 3 năm 2026
Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Bình Phước

**PHÒNG
KINH TẾ,
HẠ TẦNG VÀ
ĐÔ THỊ**

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Lâm Quốc Hùng

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng số		Cơ cấu, diện tích đất theo đối tượng sử dụng đất																		Cơ cấu, diện tích theo đối tượng được giao quản lý đất														
					Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNC)				Tổ chức trong nước (TCC)								Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG)		Cộng đồng dân cư (CDS)		Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (TNG)		Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)		Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)		Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ)		Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ)		Tổ chức kinh tế (KTQ)		Cộng đồng dân cư (CDQ)				
					Cá nhân trong nước (CNV)		Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)		Cơ quan nhà nước, cơ quan đảng và đơn vị vũ trang nhân dân (TCN)		Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN)		Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (TXH)		Tổ chức kinh tế (TKT)																				Tổ chức khác (TKH)		
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	
10.1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	93,61	1,08																									93,61	100,00							
10.2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	111,58	1,29																									111,58	100,00							
11	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	8,62	0,10	4,19	48,61									4,43	51,39																					
III	Nhóm đất chưa sử dụng	CSD	2,19	0,03																																	
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	2,19	0,03																												2,19	100,00				
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS																																			
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS																																			
4	Núi đá không có rừng cây	NCS																																			
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS																																			

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tư vấn lập biểu
PHÒNG PHÂN VIỆN TRƯỞNG
PHÂN VIỆN
QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ
NÔNG NGHIỆP
Nguyễn Tuấn Trung

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Bình Phước
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG
Lâm Quốc Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
CƠ CẤU, DIỆN TÍCH THEO LOẠI ĐẤT VÀ ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG ĐẤT, ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ ĐẤT
Đến ngày 31/12/2025

Đơn vị báo cáo:
Phường Bình Phước
Tỉnh Đồng Nai

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng số		Cơ cấu, diện tích đất theo đối tượng sử dụng đất																										Cơ cấu, diện tích theo đối tượng được giao quản lý đất							
					Cá nhân trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNC)				Tổ chức trong nước (TCC)										Tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc (TTG)		Cộng đồng dân cư (CDS)		Tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao (TNG)		Người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)		Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài (TVN)		Cơ quan nhà nước, cơ quan dân sự và đơn vị vũ trang nhân dân (TCQ)		Đơn vị sự nghiệp công lập (TSQ)		Tổ chức kinh tế (KTQ)		Cộng đồng dân cư (CDQ)			
					Cá nhân trong nước (CNV)		Người Việt Nam định cư ở nước ngoài (CNN)		Cơ quan nhà nước, cơ quan dân sự và đơn vị vũ trang nhân dân (TCN)		Đơn vị sự nghiệp công lập (TSN)		Tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp (TXH)		Tổ chức kinh tế (TKT)		Tổ chức khác (TKH)																					
					Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)																			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)		
	Tổng diện tích		8.638,83	100,00	6.404,55	74,14			251,81	2,92	93,79	1,09			1.079,59	12,50	0,32	0,00	9,56	0,11	0,42	0,01						796,59	9,22	2,19	0,03							
I	Nhóm đất nông nghiệp	NNP	6.323,82	73,20	5.886,09	93,08			29,14	0,46					408,59	6,46																						
1	Đất trồng cây hằng năm	CHN	198,02	2,29	182,29	92,06									15,73	7,94																						
1.1	Đất trồng lúa	LUA	126,14	1,46	126,14	100,00																																
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC																																				
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	126,14	1,46	126,14	100,00																																
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	71,88	0,83	56,14	78,11									15,73	21,89																						
2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	6.047,65	70,01	5.653,13	93,48			1,67	0,03					392,86	6,50																						
3	Đất lâm nghiệp	LNP																																				
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD																																				
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH																																				
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX																																				
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN																																				
4	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	78,14	0,91	50,67	64,85			27,47	35,15																												
5	Đất chăn nuôi tập trung	CNT																																				
6	Đất làm muối	LMU																																				
7	Đất nông nghiệp khác	NKH																																				
II	Nhóm đất phi nông nghiệp	PNN	2.312,82	26,77	518,46	22,42			222,67	9,63	93,79	4,06			671,00	29,01	0,32	0,01	9,56	0,41	0,42	0,02						796,59	34,44									
1	Đất ở	OTC	655,45	7,59	510,28	77,85									145,16	22,15																						
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT																																				
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	655,45	7,59	510,28	77,85									145,16	22,15																						
2	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	49,46	0,57					49,46	100,00																												
3	Đất quốc phòng, an ninh	CQA	94,02	1,09					94,02	100,00																												
3.1	Đất quốc phòng	CQP	71,26	0,83					71,26	100,00																												
3.2	Đất an ninh	CAN	22,76	0,26					22,76	100,00																												

Phụ lục III:

DANH SÁCH CÁC KHOANH ĐẤT THỐNG KÊ, KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

Đến ngày 31/12/2025

Phường Bình Phước, , Tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Thứ tự khoanh đất	Diện tích (m ²)	Mã loại đất		Mã loại đất sử dụng kết hợp	Mã đối tượng		Mã khu vực tổng hợp	Ghi chú
		Hiện trạng	Kỳ trước		Hiện trạng	Kỳ trước		
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	3670,82	SON			TCQ			
2	164582,29	ODT(1350.00);CLN(163232.29)			CNV			
3	8885,63	DGT			TCQ			
4	17705,3	CLN			CNV			
5	46844,08	CLN			CNV			
6	8801,34	DGT			TCQ			
7	25099,15	DGT			TCQ			
8	1036,67	DTL			TCQ			
9	4840	CLN			CNV			
10	451,81	DGT			TCQ			
11	3408,97	DGT			TCQ			
12	754,6	DGT			TCQ			
13	147155,48	CLN			CNV			
14	45199,47	ODT(1000.00);CLN(44199,47)			CNV			
15	2896,98	SON			TCQ			
16	8966,9	CLN			CNV			
17	1466,77	SON			TCQ			
18	13407,17	CLN			CNV			
19	260,12	CLN			CNV			
20	91483,45	CLN			CNV			
21	1037,87	LUK			CNV			
22	5334,24	DGT			TCQ			
23	17577,21	LUK			CNV			
24	85697,16	CLN			CNV			
25	2394,97	LUK			CNV			
26	5525,49	DGT			TCQ			
27	43173,38	CLN			CNV			
28	99022,49	ODT(770.00);CLN(98252.86)	ODT:CLN(60)		CNV			
29	166934,89	ODT(500.00);CLN(166434.89)			CNV			
30	103824,08	ODT(1000.00);CLN(102824.08)			CNV			
31	238,27	CLN			CNV			
32	519,57	DGT			TCQ			
33	651,11	LUK			CNV			
34	169763,28	CLN			CNV			
35	150215,74	DGT			TCQ			
36	638,65	HNK			CNV			
37	118003,29	CLN			CNV			
38	53204,57	DGT			TCQ			
39	285,28	ODT			CNV			
40	82,1	DKV			TKT			
41	306,56	CLN			CNV			
42	4347,1	ODT			CNV			
43	1818,57	SON			TCQ			
44	5140,21	ODT(500.00);CLN(4640.21)			CNV			
45	340,7	DKV			TKT			
46	2553,93	HNK			CNV			
47	1819,14	ODT			CNV			
48	3,14	HNK			CNV			
49	44906,41	SON			TCQ			
50	1931,77	DGT			TCQ			
51	6284,92	DGT			TCQ			
52	5785,45	ODT(700.00);CLN(5085.45)			CNV			
53	5526,3	CLN			CNV			
54	640,37	PNK			TKT			

55	976,3	DKV			TCN			
56	1506,85	NTS			CNV			
57	3434,38	ODT(400.00);CLN(3034.38)			CNV			
58	23677,39	CLN			TKT			
59	43253,75	CLN			CNV			
60	1766,44	ODT			CNV			
61	9483,19	ODT(200.00);CLN(9283.19)			CNV			
62	3129,36	ODT			CNV			
63	2257,84	CLN			CNV			
64	1961,34	NTS			CNV			
65	2520,03	DGT			TCQ			
66	1198,21	ODT			CNV			
67	8252,1	ODT(300.00);CLN(7952.10)			CNV			
68	3793,69	ODT			CNV			
69	364,38	DTL			TCQ			
70	6928,91	DKV			TCN			
71	12479,26	LUK			CNV			
72	1196,22	ODT			CNV			
73	6755,08	ODT(250.00);CLN(6505.08)			CNV			
74	12285,44	ODT(500.00);CLN(11785.44)			CNV			
75	9830,36	DGT			TCQ			
76	17544,47	CLN			TKT			
77	839,13	SON			TCQ			
78	1802,23	DYT			TKT			
79	3668,67	CLN			CNV			
80	10740,95	CLN			CNV			
81	154,16	SON			TCQ			
82	474,78	CLN			CNV			
83	14186,46	TMD			TKT			
84	89036,99	DGT			TCQ			
85	1793,78	DGT			TCQ			
86	1944,4	ODT			CNV			
87	3476,36	ODT			CNV			
88	288,16	DTL			TCQ			
89	8991,4	ODT(300.00);CLN(8691.40)			CNV			
90	170,21	SON			TCQ			
91	3804,87	DKV			TCN			
92	479,53	HNK			CNV			
93	2834,28	ODT			CNV			
94	2539,05	SON			TCQ			
95	1665,66	CLN			CNV			
96	279,2	DGT			TCQ			
97	256,49	SON			TCQ			
98	36412,49	CLN			CNV			
99	4856,81	DGT			TCQ			
100	108,78	CLN			CNV			
101	166,51	SON			TCQ			
102	712,8	CLN			CNV			
103	6601,64	CLN			CNV			
104	6378,71	CLN			TKT			
105	2764,13	ODT			CNV			
106	74,39	ODT			CNV			
107	396,33	CLN			CNV			
108	671,54	SON			TCQ			
109	12369,7	CLN			CNV			
110	12544,1	CLN			CNV			
111	1614,87	ODT			CNV			
112	802,33	ODT			CNV			
113	963,4	HNK			CNV			
114	1817,85	ODT			CNV			
115	676,84	ODT			CNV			
116	4070,92	ODT			CNV			
117	5430,2	ODT			CNV			
118	20730,95	CLN			TKT			
119	2114,2	SON			TCQ			
120	3333,31	DGT			TCQ			
121	39712,3	ODT(1000.00);CLN(38712.30)			CNV			
122	240,48	DTL			TCQ			



123	890,59	CLN			CNV			
124	4017,75	SON			TCQ			
125	244,18	SON			TCQ			
126	50471,51	CLN			CNV			
127	1743,27	ODT			CNV			
128	20246,66	ODT(400.00);CLN(19846.66)			CNV			
129	307,37	CLN			CNV			
130	16085,35	CLN			CNV			
131	947	HNK			CNV			
132	30411,32	CLN			TKT			
133	5430,22	ODT			CNV			
134	11684,42	TMD			TKT			
135	9955,17	CLN			CNV			
136	7375,05	ODT(250.00);CLN(7125.05)			CNV			
137	20800,9	CLN			CNV			
138	110,37	DGT			TCQ			
139	6819,46	DGT			TCQ			
140	18541,74	CLN			CNV			
141	2151,87	DKV			TKT			
142	1307,49	ODT			CNV			
143	182,54	DTL			TCQ			
144	5430,02	ODT			CNV			
145	2984,27	HNK			CNV			
146	10492,84	CLN			CNV			
147	944	DGT			TCQ			
148	20550,03	CGT			TSQ			
149	1783,81	SON			TCQ			
150	1912,49	CLN			CNV			
151	37931,89	ODT(1000.00);CLN(36931.89)			CNV			
152	1081,43	DGT			TCQ			
153	60538,5	CLN			CNV			
154	466,65	DKV			TKT			
155	1525,9	DKV			TKT			
156	1106,42	CLN			CNV			
157	5430,02	ODT			CNV			
158	2870,01	ODT			CNV			
159	2774,67	ODT			CNV			
160	795,17	DGT			TCQ			
161	46379,6	ODT(1350.00);CLN(45029.60)			CNV			
162	192,11	SON			TCQ			
163	1104,69	CLN			CNV			
164	37477,28	CLN			CNV			
165	1005,26	DKV			TKT			
166	8397,66	ODT(300.00);CLN(8097.66)			CNV			
167	16483,18	ODT(640.00);CLN(15843.18)			CNV			
168	122,17	SON			TCQ			
169	28890,77	DGT			TCQ			
170	600,42	DTL			TCQ			
171	39917,21	ODT(1000.00);CLN(38917.21)			CNV			
172	13049,67	DGT			TCQ			
173	4083,27	SON			TCQ			
174	15532,47	ODT(900.00);CLN(14632.47)			CNV			
175	1105,51	DGT			TCQ			
176	63871,17	CLN			CNV			
177	1510,24	ODT			CNV			
178	15752,2	DGT			TCQ			
179	5901,76	ODT			CNV			
180	5620,02	ODT			CNV			
181	13995,58	DGT			TCQ			
182	5368,02	ODT			CNV			
183	4850,02	ODT			CNV			
184	8730,64	DGT			TCQ			
185	6670,4	ODT			CNV			
186	12340,44	DGT			TCQ			
187	7048,07	ODT			CNV			
188	4513,38	ODT(592.50);CLN(3920.82)	ODT:CLN(92.5)		CNV			
189	2302,43	ODT			CNV			
190	3907	SON			TCQ			

A.H.C.
HÒN
INH T
TÂN
ĐÔ T
TUOC

191	27732,95	CLN			CNV			
192	5620,02	ODT			CNV			
193	5368,02	ODT			CNV			
194	6670,02	ODT			CNV			
195	1075	ODT			CNV			
196	4612,2	ODT			CNV			
197	11,06	CLN			CNV			
198	633,6	SON			TCQ			
199	28828,28	CLN			CNV			
200	2288,01	DGD			TSN			
201	34753,33	CAN			TCN			
202	25054,3	ODT(500.00);CLN(24554.30)			CNV			
203	1394,7	DGT			TCQ			
204	7928,9	ODT(250.00);CLN(7678.90)			CNV			
205	7896,78	ODT(250.00);CLN(7646.78)			CNV			
206	2182,24	ODT(300.00);CLN(1882.24)			CNV			
207	1172,5	DGT			TCQ			
208	2412,07	LUK			CNV			
209	7512,76	HNK			CNV			
210	15096,31	TSC			TCN			
211	9744,13	TMD			TKT			
212	5485,02	ODT			CNV			
213	81400,3	ODT(1080.00);CLN(80320.30)			CNV			
214	5239,02	ODT			CNV			
215	5350,02	ODT			CNV			
216	7310,23	ODT			CNV			
217	5056,48	ODT			CNV			
218	3176,6	LUK			CNV			
219	104651,97	CQP			TCN			
220	47202,6	ODT(1000.00);CLN(46202.60)			CNV			
221	1000,15	CLN			CNV			
222	1075	ODT			CNV			
223	21003,44	ODT(500.00);CLN(20503.44)			CNV			
224	284,51	CLN			CNV			
225	108816,59	ODT(1000.00);CLN(107816.59)			CNV			
226	7186,7	ODT(300.00);CLN(6886.70)			CNV			
227	7630,03	ODT			CNV			
228	7141,79	DGT			TCQ			
229	8062,05	ODT			CNV			
230	766	CLN			CNV			
231	5485,02	ODT			CNV			
232	5239,02	ODT			CNV			
233	580,47	DGT			TCQ			
234	46380,85	CLN			CNV			
235	110270	CLN			CNV			
236	17895,16	TSC			TCN			
237	3775,96	ODT			CNV			
238	3910,02	ODT			CNV			
239	5620,02	ODT			CNV			
240	5356,84	ODT			CNV			
241	9336,03	ODT			CNV			
242	7025,24	ODT			CNV			
243	45404,97	CLN			CNV			
244	10374,86	LUK			CNV			
245	16616,1	DGT			TCQ			
246	14112,48	TMD			TKT			
247	200105,6	DGT			TCQ			
248	125967,86	CLN			TKT			
249	75561,28	CLN			TKT			
250	1017,63	DKV			TKT			
251	4055,41	CLN			CNV			
252	69918,29	CLN			CNV			
253	22808,59	CLN			CNV			
254	6968,55	DGT			TCQ			
255	16620,91	CLN			CNV			
256	2491,76	ODT			TKT			
257	1572,4	ODT			TKT			
258	21348,58	DGT			TKT			

259	555,47	LUK			CNV			
260	6118,76	CLN			CNV			
261	3786,24	DGT			TCQ			
262	3794,92	DGT			TCQ			
263	704,14	DTL			TCQ			
264	1695,57	DGT			TCQ			
265	1478,87	DGD			TKT			
266	160886,5	CLN			CNV			
267	29790,11	CLN			CNV			
268	123229,35	ODT(3610.00);CLN(119619.35)			CNV			
269	2735,72	ODT			TKT			
270	2843,92	ODT			TKT			
271	12153,05	CLN			CNV			
272	6390,45	SON			TCQ			
273	9033,01	SKC			TKT			
274	1387,44	DGT			TCQ			
275	67770,49	ODT(1710.00);CLN(66060.49)			CNV			
276	1859,9	ODT			TKT			
277	74122,59	CLN			CNV			
278	13338,06	CLN			CNV			
279	3208,77	ODT			TKT			
280	3145,48	ODT			TKT			
281	8155,26	DGT			TCQ			
282	2284,29	CLN			CNV			
283	4341,78	ODT(300.00);CLN(4041.78)			CNV			
284	1310,45	DGT			TCQ			
285	5363,79	CLN			CNV			
286	2284,08	DGT			TCQ			
287	5472,42	CLN			CNV			
288	2248,71	ODT			TKT			
289	3867,84	ODT			TKT			
290	3330,61	ODT			TKT			
291	10403,1	TMD			TKT			
292	49936,27	CLN			TKT			
293	777,03	DGT			TCQ			
294	35125,82	DGT			TCQ			
295	7084,73	ODT(450.00);CLN(6634.73)			CNV			
296	5349,88	CLN			CNV			
297	8883,99	DGT			TCQ			
298	5431,72	ODT(400.00);CLN(5031.72)			CNV			
299	304,9	CLN			CNV			
300	9023,39	DGD			TKT			
301	190921,63	CLN			CNV			
302	5317,02	CLN			CNV			
303	98656,39	CLN			TKT			
304	1323,21	SKC			TKT			
305	5317,62	SON			TCQ			
306	14543,96	CAN			TCN			
307	75678,61	ODT(2100.00);CLN(73578.61)			CNV			
308	7813,44	LUK			CNV			
309	968,22	HNK			CNV			
310	1489,49	ODT(200.00);CLN(1289.49)			CNV			
311	3912,61	ODT(2700.00);CLN(1212.61)			CNV			
312	607,86	SON			TCQ			
313	6885,17	CLN			CNV			
314	7110,59	SKC			TKT			
315	234,28	CLN			CNV			
316	32507,49	CLN			CNV			
317	12776,26	ODT(2700.00);CLN(10076.26)			CNV			
318	716,8	NTS			CNV			
319	4865,48	ODT			CNV			
320	3954,12	PNK			CNV			
321	39762,23	DGD			TKT			
322	13027,21	SKC			TKT			
323	4674,66	SKC			TKT			
324	29494,97	PNK			TKT			
325	1896,44	HNK			CNV			
326	10874,31	DGT			TCQ			



327	6124,11	CLN			CNV			
328	3798,19	DGT			TCQ			
329	1478,56	CLN			CNV			
330	60972,74	CLN			CNV			
331	281,85	DGT			TCQ			
332	81955,44	CLN(81165.40);ODT(790.04)	ODT:CLN(90)		CNV			
333	10104	DGD			TKT			
334	1743,95	ODT			CNV			
335	1555,85	SON			TCQ			
336	3134,37	ODT			CNV			
337	8247,28	CLN			CNV			
338	412,54	CLN			CNV			
339	1668,21	DGT			TCQ			
340	4066,12	CLN			CNV			
341	243,26	DTL			TCQ			
342	1207,56	DGT			TCQ			
343	7486,38	SKC			TKT			
344	2142,36	ODT			CNV			
345	13402,36	CLN			CNV			
346	1202,38	CLN			CNV			
347	3649,15	ODT			CNV			
348	3498,19	HNK			CNV			
349	14822,32	CLN			CNV			
350	56897,65	CLN			CNV			
351	80757,65	CLN			CNV			
352	1466,68	CLN			CNV			
353	50936,65	CLN			CNV			
354	7091,52	DGT			TCQ			
355	2699,67	CLN			CNV			
356	1276,38	DGT			TCQ			
357	2721,07	CLN			CNV			
358	486,5	CLN			CNV			
359	11328,71	CLN(9328.70);ODT(2000.01)			CNV			
360	735,19	LUK			CNV			
361	36373,34	CLN			CNV			
362	5229,67	ODT			CNV			
363	32313,28	CLN			CNV			
364	1453,18	CLN			CNV			
365	181,04	DGT			TCQ			
366	21901,02	CLN			CNV			
367	450,12	SON			TCQ			
368	66,86	SON			TCQ			
369	112823,88	CLN			CNV			
370	4908,78	ODT			CNV			
371	1361,33	CLN			CNV			
372	943	DGT			TCQ			
373	16699,5	DGD			TSN			
374	11812,81	CLN(10762.80);ODT(1050.01)			CNV			
375	44060,28	CLN			CNV			
376	3159,01	ODT			CNV			
377	1816,74	SON			TCQ			
378	17452,86	ODT			CNV			
379	10536,42	CLN			CNV			
380	312,35	DGT			TCQ			
381	1931,5	DGT			TCQ			
382	1974,65	DGT			TCQ			
383	135356,08	CLN(134556.08);ODT(800.08)			CNV			
384	51119,89	CLN			CNV			
385	1668,8	DGT			TCQ			
386	55043,53	CLN			CNV			
387	5119,04	ODT			CNV			
388	121,43	CLN			CNV			
389	274,82	DTL			TCQ			
390	1161,94	DGT			TCQ			
391	8293,41	LUK			CNV			
392	2652,33	ODT			CNV			
393	34345,72	CQP			TCN			
394	601,45	CLN			CNV			



395	5206,59	ODT			CNV			
396	196,05	HNK			CNV			
397	13250,82	CLN			CNV			
398	543,68	SON			TCQ			
399	22526,25	CLN(22376.55);ODT(150.00)	ODT:CLN(150)		CNV			
400	917,24	LUK			CNV			
401	5425,51	ODT			CNV			
402	1655,88	DGT			TCQ			
403	74569,55	CLN(73019.50);ODT(1550.05)			CNV			
404	853,69	CLN			CNV			
405	5020,38	CLN			CNV			
406	113,29	HNK			CNV			
407	449,33	DGT			TCQ			
408	171,71	SON			TCQ			
409	3291,08	ODT			CNV			
410	115,35	LUK			CNV			
411	25085,64	CLN			CNV			
412	7416,17	LUK			CNV			
413	49882,36	CLN			CNV			
414	16,19	HNK			CNV			
415	422,81	SON			TCQ			
416	241,44	SON			TCQ			
417	5281,29	CLN			CNV			
418	153,34	DTL			TCQ			
419	1856,99	CLN			CNV			
420	2540,71	SON			TCQ			
421	4630,04	CLN			CNV			
422	149,15	DTL			TCQ			
423	428,91	CLN			CNV			
424	15811,43	CLN			CNV			
425	3402,33	ODT			CNV			
426	533,58	HNK			CNV			
427	36141,69	CLN			CNV			
428	2551,24	LUK			CNV			
429	5077,64	DGT			TCQ			
430	203,66	CLN			CNV			
431	1667,91	CLN			CNV			
432	8722,28	CLN			CNV			
433	41497,99	DGD			TKT			
434	264,14	SON			TCQ			
435	2121,82	ODT			CNV			
436	3220,87	HNK			CNV			
437	10480,17	DGD(3478.20);CLN(7001.97)			TKT			
438	9163,98	CLN			CNV			
439	10705,79	CLN			CNV			
440	368,04	DGT			TCQ			
441	5986,65	CLN			CNV			
442	655,81	SON			TCQ			
443	6347,92	ODT(300.00);CLN(6047.92)			CNV			
444	2286,13	CLN			CNV			
445	948,81	SON			TCQ			
446	993,78	SON			TCQ			
447	1627,95	PNK			CNV			
448	1005,85	CGT			TSQ			
449	12962,23	CLN			CNV			
450	69101,11	DGD			TKT			
451	1333,46	CLN			CNV			
452	2303,03	DGT			TCQ			
453	4587,28	ODT			CNV			
454	1084,93	ODT			CNV			
455	17278,83	CLN			CNV			
456	5922,23	DGT			TCQ			
457	11284,39	PNK			CNV			
458	9117,18	ODT(500.00);CLN(8617.18)			CNV			
459	1507,72	SON			TCQ			
460	9602,19	ODT(3800.00);CLN(5802.19)			CNV			
461	16698,61	CLN			CNV			
462	897,62	SON			TCQ			

531	820,89	DGT			TCQ			
532	228,11	DGT			TCQ			
533	14961,86	CLN			CNV			
534	1701,54	SON			TCQ			
535	14412,03	CLN			CNV			
536	2568,59	HNK			CNV			
537	92,87	DGT			TCQ			
538	6193,54	ODT(1500.00);CLN(4693.54)			CNV			
539	1339,08	CLN			CNV			
540	4879,29	ODT			CNV			
541	2105,95	CLN			CNV			
542	7260,53	CLN			CNV			
543	7084,71	CLN			CNV			
544	4600,86	ODT(3600.80);CLN(1000.06)			CNV			
545	29658,39	CLN			CNV			
546	391,17	SON			TCQ			
547	12270,31	CLN			CNV			
548	4173,29	ODT			CNV			
549	1137,39	ODT			CNV			
550	1204,37	NTS			CNV			
551	15245,19	ODT(700.00);CLN(14545.19)			CNV			
552	105239,2	CLN			CNV			
553	23649,82	DGD			TKT			
554	2155,8	CLN			CNV			
555	10214,63	DKV			TKT			
556	28172,68	DGT			TCQ			
557	868,82	CLN			CNV			
558	2089,96	SON			TCQ			
559	7481,88	DGT			TCQ			
560	213,56	SON			TCQ			
561	1322,31	TIN			CDS			
562	2555,25	CLN			CNV			
563	8476,51	ODT(450.00);CLN(8026.51)			CNV			
564	36159,26	CLN			CNV			
565	9492,31	ODT			CNV			
566	250,33	ODT			TKT			
567	319,77	DGT			TCQ			
568	6537,6	ODT			CNV			
569	291,73	ODT			CNV			
570	5642,3	ODT(100.00);CLN(5542.30)	ODT:CLN(100)		CNV			
571	4553,59	ODT			CNV			
572	4703,23	ODT			CNV			
573	2561,38	DGT			TKT			
574	6535,5	ODT(200.00);CLN(6335.50)			CNV			
575	9262,91	ODT(400.00);CLN(8862.91)			CNV			
576	5418,05	CLN			CNV			
577	952,73	SON			TCQ			
578	4368,35	ODT			CNV			
579	49721,77	CLN			CNV			
580	184,13	DKV			TKT			
581	2357,66	CLN			CNV			
582	7248,42	ODT(240.00);CLN(7008.42)			CNV			
583	1658,42	DGT			TKT			
584	1164,5	ODT			CNV			
585	13896,25	CLN			CNV			
586	1459,25	ODT			CNV			
587	455,54	ODT			TKT			
588	700,06	HNK			CNV			
589	730,69	ODT			TKT			
590	1377,52	ODT			CNV			
591	12948,28	DGT			TCQ			
592	10086,73	ODT			CNV			
593	166,71	DGT			TCQ			
594	37,88	ODT			TKT			
595	807,86	HNK			CNV			
596	19,36	DKV			TKT			
597	180,93	CLN			CNV			
598	17,64	ODT			TKT			



599	165,01	DGT			TKT			
600	1124,85	DGT			TKT			
601	1181,19	ODT			TKT			
602	11785,71	DGD			TKT			
603	1397,46	DGT			TKT			
604	841,64	ODT			TKT			
605	6650,08	DSK			TSN			
606	825,48	DKV			TKT			
607	5529,29	ODT(500.00);CLN(5029.29)			CNV			
608	1224,44	HNK			CNV			
609	58208,36	DGT			TCQ			
610	2437,9	DSK			TSN			
611	10772,21	HNK			CNV			
612	2836,23	ODT			CNV			
613	539,29	DKV			TCN			
614	1338,23	ODT			CNV			
615	2433,28	DKV			TKT			
616	110,27	DKV			TKT			
617	1617,38	ODT			TKT			
618	3566,46	ODT			CNV			
619	7734,04	ODT			CNV			
620	240,35	ODT			TKT			
621	61,16	ODT			TKT			
622	879	CLN			CNV			
623	2200,89	CLN			CNV			
624	4501,71	ODT			CNV			
625	47730,86	CLN			CNV			
626	3312,51	ODT			CNV			
627	1071,09	DGT			TKT			
628	88,8	DGT			TKT			
629	2229,21	HNK			CNV			
630	7141,37	ODT(300.00);CLN(6841.37)			CNV			
631	14661,43	ODT			CNV			
632	282,32	DGT			TCQ			
633	1330,39	CLN			CNV			
634	1065,22	ODT			TKT			
635	2745,65	ODT(700.00);CLN(2045.65)			CNV			
636	3051,71	ODT			CNV			
637	180,43	SON			TCQ			
638	531,03	HNK			CNV			
639	3957,29	DGT			TCQ			
640	3355,24	ODT			CNV			
641	4092,97	DGT			TCQ			
642	19768,41	CLN			CNV			
643	926,05	SON			TCQ			
644	1262,79	DKV			TCN			
645	149,59	DGT			TKT			
646	2459,7	TSC			TCN			
647	6527,05	ODT			CNV			
648	267,5	LUK			CNV			
649	3088,21	HNK			CNV			
650	5480	TSC			TCN			
651	8846,63	ODT			CNV			
652	120,01	DKV			TKT			
653	10196,91	CLN			CNV			
654	390,07	DKV			TKT			
655	306,71	ODT			TKT			
656	8294,89	CLN			CNV			
657	5187,02	DKV			TCN			
658	3764,21	TSC			TCN			
659	150,58	DGT			TKT			
660	32976,1	DGT			TCQ			
661	5681,63	DKV			TCN			
662	14621,82	CLN			CNV			
663	5457,83	ODT			CNV			
664	28775,56	DGT			TCQ			
665	1108,33	ODT			TKT			
666	2231,64	SON			TCQ			

735	3832.84	ODT(1000.00);CLN(2832.84)			CNV			
736	42.08	DKV			TKT			
737	3566.53	CLN			CNV			
738	11831.89	ODT			CNV			
739	132.44	CLN			CNV			
740	565.73	ODT			TKT			
741	12738.52	ODT(2020.00);CLN(10718.52)	ODT:CLN(20)		CNV			
742	2629.87	NTS			CNV			
743	8931.91	ODT			CNV			
744	8131.96	TSC			TCN			
745	14349.87	ODT(500.00);CLN(13849.87)			CNV			
746	2237.95	ODT			CNV			
747	11817.98	TSC			TCN			
748	7950.35	ODT			CNV			
749	3411.16	ODT			CNV			
750	727.32	ODT			TKT			
751	134.44	SON			TCQ			
752	1447.2	ODT			CNV			
753	1276.81	ODT			CNV			
754	242.18	NTS			CNV			
755	2204.1	CLN			CNV			
756	1940.69	CLN			CNV			
757	287.74	ODT			CNV			
758	580.46	DGT			TCQ			
759	3837.35	HNK			CNV			
760	1240.78	ODT			CNV			
761	18622.2	ODT(600.00);CLN(18022.20)			CNV			
762	2280.64	DGT			TCQ			
763	3015.01	DGT			TCQ			
764	630.48	DGT			TCQ			
765	1966.23	CLN			CNV			
766	925.18	ODT			CNV			
767	1123.61	DGT			TCQ			
768	42126.06	ODT(2550.00);CLN(39576.06)	ODT:CLN(50)		CNV			
769	268.1	NTS			CNV			
770	6111.23	ODT			CNV			
771	2554.23	ODT			CNV			
772	3792.64	ODT			CNV			
773	11978.84	CLN			CNV			
774	34997.76	DGT			TCQ			
775	392.6	ODT			TKT			
776	70151.21	DGT			TKT			
777	34.23	ODT			TKT			
778	1721.78	DGT			TCQ			
779	109.31	DKV			TKT			
780	1885.09	ODT			TKT			
781	8481.26	TSC			TCN			
782	53.88	SON			TCQ			
783	876.72	ODT			TKT			
784	3428.8	ODT			CNV			
785	3270.43	DGT			TCQ			
786	2044.49	ODT			CNV			
787	24.9	CLN			CNV			
788	12820.71	TMD			TKT			
789	25.73	ODT			TKT			
790	692.03	ODT			TKT			
791	17106.21	CLN			CNV			
792	4221.2	ODT			CNV			
793	84.01	DKV			TKT			
794	1266.38	ODT			TKT			
795	120.02	DKV			TKT			
796	7834.01	ODT			CNV			
797	1060.46	ODT			TKT			
798	592.41	DGT			TCQ			
799	770.48	DGT			TKT			
800	13050.72	CLN			CNV			
801	1665.77	DKV			TKT			
802	16371.89	CLN			CNV			

H
H
NH
T
Đ
TH

803	65382,64	CLN			CNV			
804	9427,47	ODT(670.00);CLN(8757.47)	ODT:CLN(270)		CNV			
805	2043,12	ODT			TKT			
806	10779,71	ODT			CNV			
807	1089,36	DGT			TCQ			
808	3295,65	ODT			CNV			
809	2452,11	CLN			CNV			
810	4367,68	ODT			CNV			
811	4854,92	SON			TCQ			
812	7686,39	ODT			CNV			
813	8653,94	DGT			TCQ			
814	10168,22	ODT			CNV			
815	45,32	ODT			TKT			
816	822,72	CLN			CNV			
817	330,94	SON			TCQ			
818	218,37	CLN			CNV			
819	9982,16	ODT			CNV			
820	652,74	DGT			TKT			
821	892,87	SON			TCQ			
822	11,05	DKV			TKT			
823	618,96	DGT			TKT			
824	40,66	CLN			CNV			
825	2512,19	PNK			CNV			
826	1515,77	DGT			TCQ			
827	4431,11	CLN			CNV			
828	1108,56	ODT			TKT			
829	25048,5	ODT(500.00);CLN(24548.50)			CNV			
830	5829,14	ODT			CNV			
831	9782,47	DGT			TCQ			
832	569,55	ODT			TKT			
833	17696,16	ODT			CNV			
834	204,12	DGT			TKT			
835	1212,64	ODT			TKT			
836	1392,01	ODT			TKT			
837	1120,34	ODT			CNV			
838	1112,09	ODT			TKT			
839	128	DKV			TKT			
840	1202,12	ODT			CNV			
841	1935,99	ODT			TKT			
842	129,27	ODT			CNV			
843	120,01	DKV			TKT			
844	136	DKV			TKT			
845	2356,61	DGT			TCQ			
846	707	DGT			TKT			
847	5245,93	ODT(500.00);CLN(4745.93)			CNV			
848	646,21	ODT			TKT			
849	1797,63	ODT			CNV			
850	1251,04	ODT			CNV			
851	1996,48	ODT			TKT			
852	2775,46	ODT			CNV			
853	7022,56	TSC			TCN			
854	4585,2	ODT			CNV			
855	20240,71	ODT(2260.00);CLN(17980.71)	ODT:CLN(260)		CNV			
856	603,37	DGT			TKT			
857	18309,93	ODT(2330.00);CLN(15979.93)			CNV			
858	3052,47	ODT			CNV			
859	1435,33	DKV			TKT			
860	7900,94	ODT			CNV			
861	1962,28	CLN			CNV			
862	12320,38	DGD			TSN			
863	6727,19	ODT(200.00);CLN(6527.19)			CNV			
864	1146,05	ODT			TKT			
865	83,99	DKV			TKT			
866	327,88	DTL			TCQ			
867	1259,99	ODT			TKT			
868	1884	ODT			TKT			
869	1123,46	ODT			CNV			
870	9615,45	DGD			TSN			

CNV
 NG
 TÊ
 NG
 THI
 3-T

871	1071	ODT			CNV			
872	128	DKV			TKT			
873	967,75	ODT			CNV			
874	5266,03	ODT			CNV			
875	40,13	DGT			TKT			
876	1472,04	ODT			TKT			
877	765,88	ODT			TKT			
878	1725,17	ODT			TKT			
879	2499,96	DGT			TKT			
880	20576,73	ODT			CNV			
881	2944,4	DKV			TKT			
882	1,02	ODT			TKT			
883	65,18	DKV			TKT			
884	1787,61	DGT			TKT			
885	16,96	ODT			TKT			
886	1208,97	ODT			TKT			
887	107,91	DTL			TCQ			
888	951,71	DGT			TCQ			
889	21040,01	ODT			CNV			
890	563,48	ODT			CNV			
891	9246,6	ODT			CNV			
892	5832,99	DKV			TKT			
893	582,57	ODT			TKT			
894	5622,1	ODT			CNV			
895	469,41	ODT			TKT			
896	41,08	ODT			TKT			
897	120,02	DKV			TKT			
898	84	DKV			TKT			
899	1800,05	ODT			TKT			
900	26,9	DKV			TKT			
901	1237,56	ODT			TKT			
902	8782,21	ODT			CNV			
903	890,37	ODT			TKT			
904	50,84	DKV			TKT			
905	12897,18	ODT			CNV			
906	46513,44	SKC			TKT			
907	484,18	ODT			TKT			
908	287,1	ODT			CNV			
909	3634,18	ODT			CNV			
910	120,01	DKV			TKT			
911	5836,09	ODT			CNV			
912	1125,01	ODT			TKT			
913	2701,95	ODT			CNV			
914	2353,89	ODT			CNV			
915	1944	ODT			TKT			
916	84,57	DKV			TKT			
917	2142,52	ODT			CNV			
918	1026,01	HNK			CNV			
919	1202,53	ODT			TKT			
920	1513,79	ODT			TKT			
921	3084,58	ODT			CNV			
922	793,8	CLN			CNV			
923	70,71	DGT			TKT			
924	2052,86	CLN			CNV			
925	1065,65	DGT			TCQ			
926	120	DKV			TKT			
927	1899,11	ODT			TKT			
928	120	DKV			TKT			
929	2596,85	ODT			CNV			
930	460,91	ODT			CNV			
931	744	ODT			TKT			
932	101,38	ODT			TKT			
933	28194,31	DGT			TCQ			
934	2177,06	ODT			CNV			
935	6379,72	ODT			CNV			
936	16,18	DKV			TKT			
937	7456,96	ODT			CNV			
938	2162,18	ODT			CNV			

939	36,41	ODT			TKT			
940	120	DKV			TKT			
941	1393,43	ODT			TKT			
942	2432,74	ODT			CNV			
943	970,03	DGT			TCQ			
944	1124,99	ODT			TKT			
945	1347,08	ODT			TKT			
946	119,99	DKV			TKT			
947	6380,74	CLN			CNV			
948	8782,18	ODT			CNV			
949	118,13	DKV			TKT			
950	1889,98	ODT			TKT			
951	78,9	DTL			TCQ			
952	9754,87	ODT(750.00);CLN(9004.87)	ODT:CLN(50)		CNV			
953	494,62	CLN			CNV			
954	447,42	ODT			TKT			
955	40336,17	CLN			CNV			
956	503,75	ODT			CNV			
957	2116,02	ODT			CNV			
958	65,07	HNK			CNV			
959	13134,15	CLN			CNV			
960	1,2	DGT			TKT			
961	236,32	DGT			TCQ			
962	8622,82	ODT			CNV			
963	109,74	ODT			TKT			
964	9902,91	ODT			CNV			
965	120	DKV			TKT			
966	2029,85	CLN			CNV			
967	5,72	DGT			TKT			
968	681,92	ODT			TKT			
969	1597,75	ODT			TKT			
970	195,91	DGT			TCQ			
971	18304,06	ODT(420.00);CLN(17884.06)	ODT:CLN(20)		CNV			
972	114,98	ODT			TKT			
973	2107,39	TSC			TCN			
974	120	DKV			TKT			
975	1446,34	ODT			TKT			
976	21431,96	CLN			CNV			
977	1460,33	ODT			CNV			
978	3599,29	HNK			CNV			
979	1815,04	ODT			TKT			
980	114,01	ODT			TKT			
981	36,5	DKV			TKT			
982	2964,98	ODT			CNV			
983	2896,4	DGD			TKT			
984	116,51	ODT			CNV			
985	120	DKV			TKT			
986	73,74	ODT			CNV			
987	98,31	ODT			TKT			
988	1759,07	ODT			TKT			
989	270,63	CLN			CNV			
990	4157,29	ODT			CNV			
991	8056,67	ODT(500.00);CLN(7556.67)			CNV			
992	1253,29	DKV			TCN			
993	2694,52	ODT			CNV			
994	3764,2	CLN			CNV			
995	16,59	DKV			TKT			
996	7307,46	ODT			CNV			
997	183,74	DGT			TKT			
998	17,58	ODT			TKT			
999	1,1	ODT			TKT			
1000	1014,76	ODT			CNV			
1001	128	DKV			TKT			
1002	19478,28	DGT			TCQ			
1003	17268,95	ODT			CNV			
1004	1801,73	ODT			TKT			
1005	12059,42	ODT(2149.50);CLN(9909.92)	ODT:CLN(149.5)		CNV			
1006	731,34	ODT			TKT			

1007	1860,74	ODT			TKT			
1008	241,61	ODT			TKT			
1009	5324,38	ODT			CNV			
1010	806	DGT			TCQ			
1011	3018,84	ODT			CNV			
1012	6,51	DKV			TKT			
1013	7863,04	ODT			CNV			
1014	4171,51	TSC			TCN			
1015	1578,26	ODT			TKT			
1016	9568,4	DGT			TCQ			
1017	119,99	DKV			TKT			
1018	15,28	ODT			TKT			
1019	46,77	DGT			TKT			
1020	1819,1	ODT			TKT			
1021	471,61	DKV			TCN			
1022	349,69	ODT			TKT			
1023	521,45	ODT			CNV			
1024	9335,82	ODT			CNV			
1025	165,01	DKV			TKT			
1026	306,34	CLN			CNV			
1027	759,1	DGT			TCQ			
1028	785,49	ODT			TKT			
1029	7,68	ODT			TKT			
1030	436,17	ODT			TKT			
1031	138,71	DGT			TKT			
1032	84,01	DKV			TKT			
1033	69,11	DGT			TKT			
1034	3109,55	ODT			CNV			
1035	2343,99	ODT			CNV			
1036	1323,03	ODT			TKT			
1037	62995,34	DGT			TCQ			
1038	6317,34	DGD			TKT			
1039	3160,1	DGT			TKT			
1040	2912,72	ODT			CNV			
1041	144,56	DGT			TKT			
1042	2435,98	ODT			CNV			
1043	11,44	DKV			TKT			
1044	2433,17	ODT			CNV			
1045	19,47	ODT			TKT			
1046	1052,52	ODT			CNV			
1047	6863,11	ODT			CNV			
1048	82,98	DKV			TKT			
1049	60,07	DKV			TKT			
1050	1804,32	ODT			TKT			
1051	120,01	DKV			TKT			
1052	4916,74	ODT			CNV			
1053	3093	CLN			CNV			
1054	5782,63	ODT			CNV			
1055	1819,08	ODT			TKT			
1056	194,68	ODT			TKT			
1057	6293,76	ODT			CNV			
1058	18215,57	CLN			CNV			
1059	7905,52	ODT			CNV			
1060	259,89	ODT			CNV			
1061	7806,68	ODT(1800.00);CLN(6006.68)			CNV			
1062	17084,15	ODT(2000.00);CLN(15084.15)			CNV			
1063	147,68	DGT			TKT			
1064	17313,24	ODT			CNV			
1065	2786,92	ODT			CNV			
1066	2064,43	DGT			TCQ			
1067	2539,79	TMD			TKT			
1068	3362,08	SON			TCQ			
1069	994,01	ODT			TKT			
1070	2,53	ODT			TKT			
1071	132,67	ODT			CNV			
1072	19928,44	ODT(1500.00);CLN(18428.44)			CNV			
1073	48,92	DKV			TKT			
1074	4482,94	DKV			TCN			

1075	175,4	DGT			TKT			
1076	84,01	DKV			TKT			
1077	120170,95	ODT(2400.00);CLN(117770.95)			CNV			
1078	25858,96	ODT(1000.00);CLN(24858.96)			CNV			
1079	5194,24	ODT			CNV			
1080	68,92	ODT			TKT			
1081	173,63	ODT			TKT			
1082	411,29	ODT			TKT			
1083	4614,31	CLN			CNV			
1084	10357,24	ODT			CNV			
1085	120	DKV			TKT			
1086	1759,11	ODT			TKT			
1087	248,76	ODT			CNV			
1088	165,01	DKV			TKT			
1089	422,97	LUK			CNV			
1090	27,67	ODT			TKT			
1091	62,23	ODT			TKT			
1092	372,64	CLN			CNV			
1093	34,48	ODT			TKT			
1094	1124,98	ODT			TKT			
1095	11811,11	ODT			CNV			
1096	19,53	ODT			TKT			
1097	688,36	DGT			TCQ			
1098	4482,71	TMD			TKT			
1099	38,95	ODT			TKT			
1100	3260,19	DGT			TCQ			
1101	2650,35	ODT			CNV			
1102	4995,06	ODT			CNV			
1103	1893,63	LUK			CNV			
1104	2754,22	ODT			CNV			
1105	9	DGT			TKT			
1106	0,53	ODT			TKT			
1107	12,03	DGT			TKT			
1108	604,95	DGT			TKT			
1109	5443,89	PNK			CNV			
1110	18897,62	ODT(2410.00);CLN(16487.62)	ODT:CLN(910)		CNV			
1111	265,96	ODT			TKT			
1112	50,56	DKV			TKT			
1113	29,5	ODT			TKT			
1114	4751,7	ODT			CNV			
1115	249,73	ODT			TKT			
1116	2337,72	ODT			CNV			
1117	5597,66	ODT			CNV			
1118	149,99	DKV			TKT			
1119	15919,66	ODT(500.00);CLN(15419.66)			CNV			
1120	1977,99	ODT			CNV			
1121	12343,27	CLN			CNV			
1122	17166,76	ODT			CNV			
1123	994,02	ODT			TKT			
1124	3963,11	ODT			CNV			
1125	49,54	DGT			TKT			
1126	21,28	ODT			TKT			
1127	921,37	DGT			TCQ			
1128	127,76	CLN			CNV			
1129	6353,11	ODT			CNV			
1130	86	DKV			TKT			
1131	35,14	ODT			TKT			
1132	3285,18	ODT			CNV			
1133	3479,91	TMD			TKT			
1134	216,22	ODT			TKT			
1135	6,52	ODT			TKT			
1136	2,16	ODT			TKT			
1137	5387,28	ODT			CNV			
1138	1,65	DKV			TKT			
1139	9920,46	ODT			CNV			
1140	6213,49	ODT			CNV			
1141	3086,64	ODT			CNV			
1142	326,11	DGT			TCQ			



1143	113,32	SON			TCQ			
1144	1472,55	ODT			CNV			
1145	1367,94	DGT			TCQ			
1146	4910,24	ODT			CNV			
1147	1200,39	DGT			TCQ			
1148	12790,62	ODT(1560.00);CLN(11230.62)	ODT:CLN(60)		CNV			
1149	3490,98	ODT			CNV			
1150	10901,31	ODT			CNV			
1151	140,08	ODT			TKT			
1152	114,5	ODT			CNV			
1153	5566,57	ODT			CNV			
1154	1437,03	PNK			CNV			
1155	493,44	ODT			CNV			
1156	2917,63	DKV			TKT			
1157	585	TMD			TKT			
1158	727,66	ODT			CNV			
1159	1551,68	DGT			TKT			
1160	17345,32	ODT			CNV			
1161	14,7	DGT			TKT			
1162	363,4	DGT			TCQ			
1163	117,59	ODT			CNV			
1164	363,9	ODT			CNV			
1165	67,73	ODT			TKT			
1166	363,84	ODT			CNV			
1167	173,43	DGT			TKT			
1168	1542,94	ODT			CNV			
1169	2442,55	ODT			CNV			
1170	145,53	DGT			TKT			
1171	1109,77	ODT			CNV			
1172	2870,55	ODT			CNV			
1173	41250,69	ODT(5000.00);CLN(36250.69)			CNV			
1174	1902,38	ODT			CNV			
1175	1180,38	ODT			CNV			
1176	55965,65	DGT			TCQ			
1177	271,1	ODT			CNV			
1178	365,05	ODT			CNV			
1179	3485,26	DGT			TCQ			
1180	235,2	ODT			CNV			
1181	117,21	TMD			TKT			
1182	1293,71	ODT			CNV			
1183	117,59	ODT			CNV			
1184	227,41	ODT			CNV			
1185	1154,72	ODT			CNV			
1186	45192,47	CLN			CNV			
1187	8453,5	ODT			CNV			
1188	9,37	ODT			TKT			
1189	1338,3	ODT			CNV			
1190	1426,8	ODT			CNV			
1191	14546,98	DGT			TCQ			
1192	4611,86	ODT			CNV			
1193	14,15	DKV			TKT			
1194	9807,59	CLN			CNV			
1195	1,38	ODT			TKT			
1196	118,59	ODT			CNV			
1197	118,36	ODT			CNV			
1198	711,58	ODT			CNV			
1199	6464,6	ODT			CNV			
1200	1062,75	DGT			TCQ			
1201	66105,84	ODT(7000.00);CLN(59105.84)			CNV			
1202	24597,82	DGT			TCQ			
1203	17882,28	ODT			CNV			
1204	412,11	ODT			CNV			
1205	3383,8	CLN			CNV			
1206	6710,06	ODT(200.00);CLN(6510.06)			CNV			
1207	10501,35	DGD			TSN			
1208	17467,58	CLN(15467.54);ODT(2000.04)			CNV			
1209	2249,36	DGT			TCQ			
1210	30273,65	CLN			CNV			

H. H. C.
HỒN
NH
TÂN
ĐỒ T

1211	11307,81	DGD			TSN			
1212	79,8	DGT			TKT			
1213	2374,54	SON			TCQ			
1214	7075,91	ODT(200.00);CLN(6875.91)			CNV			
1215	374,17	DGT			TCQ			
1216	10169,97	ODT(1500.00);CLN(8669.97)			CNV			
1217	11554,62	ODT			CNV			
1218	236,42	SON			TCQ			
1219	27844,14	ODT(500.00);CLN(27344.14)			CNV			
1220	9232,59	TSC			TCN			
1221	40748,46	ODT(6010.00);CLN(34738.46)			CNV			
1222	3543,42	CLN			CNV			
1223	39103,2	DVH			TCN			
1224	472,18	DGT			TCQ			
1225	407,65	DGT			TCQ			
1226	559,28	ODT			CNV			
1227	662,22	DGT			TCQ			
1228	542,4	TMD			TKT			
1229	2885,08	ODT			CNV			
1230	902,4	DGT			TCQ			
1231	135,21	CGT			TSQ			
1232	4188,32	DGT			TCQ			
1233	7385,06	ODT(300.00);CLN(7085.06)			CNV			
1234	17185,19	DKV			TCN			
1235	8683,87	ODT(400.00);CLN(8283.87)			CNV			
1236	1035,72	DGT			TCQ			
1237	20098,71	DGT			TCQ			
1238	352,73	DGT			TCQ			
1239	20686,72	DKV			TCN			
1240	2666,03	SON			TCQ			
1241	396,66	ODT			CNV			
1242	7296,61	ODT(300.00);CLN(6996.61)			CNV			
1243	8351,39	DGT			TCQ			
1244	1180,68	SON			TCQ			
1245	436,51	ODT			CNV			
1246	331,56	DGT			TCQ			
1247	3142,17	TON			TTG			
1248	680,95	SON			TCQ			
1249	18854,48	DGD			TSN			
1250	4360,47	CLN			CNV			
1251	1987,1	DYT			TSN			
1252	3757,73	CLN			CNV			
1253	12526,59	CLN			CNV			
1254	3421,35	DKV			TCN			
1255	464,89	DGT			TCQ			
1256	339,25	TMD			TKT			
1257	6911,06	ODT(4633.00);CLN(2278.06)			CNV			
1258	240,1	SON			TCQ			
1259	2356,08	CAN			TCN			
1260	207,26	DGT			TCQ			
1261	2451,27	CLN			CNV			
1262	2385,21	TSC			TCN			
1263	164,53	LUK			CNV			
1264	10185,14	CLN			CNV			
1265	3505,12	ODT			CNV			
1266	51748,91	CLN			CNV			
1267	3347,64	ODT			CNV			
1268	108,7	DGT			TCQ			
1269	64022,88	DKV			TCN			
1270	1913,53	ODT			CNV			
1271	4955,3	CLN(4805.30);ODT(150.00)	ODT:CLN(150)		CNV			
1272	1365,07	ODT			CNV			
1273	8073,3	ODT			CNV			
1274	1242,06	ODT			CNV			
1275	26398,1	ODT(1760.00);CLN(24638.10)			CNV			
1276	5242,79	ODT			CNV			
1277	6230,51	ODT			CNV			
1278	150,5	DGT			TCQ			

VIỆT
 G
 E,
 3 V
 H!
 T Đ

1279	79558,18	CLN(77258.18);ODT(2300.00)	ODT:CLN(300)		CNV			
1280	149,23	SON			TCQ			
1281	32899,63	DGT			TCQ			
1282	1339,83	CLN			CNV			
1283	1592,78	CLN			CNV			
1284	3079,67	CLN			CNV			
1285	2790,46	CLN			CNV			
1286	75,67	DGT			TCQ			
1287	1038,44	ODT			CNV			
1288	26971,72	ODT(5000.00);CLN(21971.72)			CNV			
1289	209,31	SON			TCQ			
1290	1835,56	ODT			CNV			
1291	805,73	ODT			CNV			
1292	1421,54	ODT			CNV			
1293	4480,4	DGT			TCQ			
1294	2015,55	ODT			CNV			
1295	4015,43	ODT			CNV			
1296	2420,71	CLN			CNV			
1297	6960,11	ODT(200.00);CLN(6760.11)			CNV			
1298	547,59	DGT			TCQ			
1299	680,34	SON			TCQ			
1300	207,76	CGT			TSQ			
1301	3410,81	ODT			CNV			
1302	2805,59	ODT			CNV			
1303	5446,3	ODT			CNV			
1304	821,63	DGT			TCQ			
1305	10071,1	CLN(9071.10);ODT(1000.00)			CNV			
1306	3944,53	ODT			CNV			
1307	6163,27	ODT			CNV			
1308	12300,95	ODT			CNV			
1309	157,22	SON			TCQ			
1310	7728,21	CLN(7578.21);ODT(150.00)	ODT:CLN(50)		CNV			
1311	47639,03	CLN(47139.03);ODT(500.00)			CNV			
1312	4270,02	DGT			TCQ			
1313	23878,67	ODT(500.00);CLN(23378.67)			CNV			
1314	71372,11	CLN			CNV			
1315	26960,11	DGT			TCQ			
1316	745,67	ODT			CNV			
1317	1217,65	DGT			TCQ			
1318	2895,18	ODT			CNV			
1319	1821,53	SON			TCQ			
1320	1099,54	DGT			TCQ			
1321	36564,46	ODT(1452.00);CLN(35112.46)			CNV			
1322	1999,34	CLN(999.42);ODT(999.92)			CNV			
1323	1383,85	ODT			CNV			
1324	2311,43	ODT			CNV			
1325	1589,16	ODT			CNV			
1326	45,09	DGT			TCQ			
1327	431,17	DGT			TCQ			
1328	432,62	DGT			TCQ			
1329	6476,96	ODT(200.00);CLN(6276.96)			CNV			
1330	14557,43	ODT			CNV			
1331	9872,69	ODT			CNV			
1332	1054,78	ODT			CNV			
1333	4065,3	CLN			CNV			
1334	787,95	ODT			CNV			
1335	259,69	DGT			TCQ			
1336	1641,36	DGT			TCQ			
1337	3616,19	DGT			TCQ			
1338	1724,99	ODT			CNV			
1339	7322,04	ODT(300.00);CLN(7022.04)			CNV			
1340	604,36	ODT			CNV			
1341	162769,26	MNC			TCQ			
1342	240,28	ODT			CNV			
1343	52327,48	DGT			TCQ			
1344	4,56	DGT			TCQ			
1345	218,01	DGT			TCQ			
1346	74,51	ODT			CNV			

1347	6426,28	ODT			CNV			
1348	4791,81	ODT			CNV			
1349	341,1	TMD			TKT			
1350	9543,99	CLN			CNV			
1351	280,45	DGT			TCQ			
1352	9810,8	ODT(300.00);CLN(9510.80)			CNV			
1353	129,89	DGT			TCQ			
1354	44972,71	TSC			TCN			
1355	11234,13	ODT(700.00);CLN(10534.13)			CNV			
1356	5681,12	CLN			CNV			
1357	599,98	DKV			TCN			
1358	142,88	ODT			CNV			
1359	2057,94	ODT			CNV			
1360	443,12	DGT			TCQ			
1361	5006,21	ODT			CNV			
1362	825,99	ODT			CNV			
1363	899,9	ODT			CNV			
1364	57,91	DGT			TCQ			
1365	1876,57	CLN(1811.87);ODT(64.70)	ODT:CLN(64.7)		CNV			
1366	4301,47	ODT			CNV			
1367	672,44	DKV			TCN			
1368	2611,33	CLN			CNV			
1369	122,64	ODT			CNV			
1370	569,54	DGT			TCQ			
1371	4510,03	ODT			CNV			
1372	249,27	ODT			CNV			
1373	917,05	ODT			CNV			
1374	19677,81	CLN			CNV			
1375	1243,66	ODT			CNV			
1376	3841,64	HNK			CNV			
1377	24781,23	ODT(10000.00);CLN(14781.23)			CNV			
1378	8220,85	CLN(7220.85);ODT(1000.00)			CNV			
1379	2239,13	DGT			TCQ			
1380	2345,07	DGT			TCQ			
1381	952,19	ODT			CNV			
1382	1850,57	DGT			TCQ			
1383	2353,5	ODT			CNV			
1384	9385,55	TMD			TKT			
1385	2181,67	ODT			CNV			
1386	2926,52	ODT			CNV			
1387	406,88	DGT			TCQ			
1388	290,41	ODT			CNV			
1389	526,97	DGT			TCQ			
1390	2708,87	ODT			CNV			
1391	62,99	ODT			CNV			
1392	12220,09	ODT			CNV			
1393	20469,64	CLN			CNV			
1394	14532,84	TON			TTG			
1395	2409,53	TMD			CNV			
1396	2367,44	ODT			CNV			
1397	235,15	ODT			CNV			
1398	880,86	DKV			TCN			
1399	4396,35	ODT			CNV			
1400	16,15	DGT			TCQ			
1401	15405,58	CLN			CNV			
1402	548,79	ODT			CNV			
1403	77,28	DGT			TCQ			
1404	1668,25	DGT			TCQ			
1405	1684,73	ODT			CNV			
1406	4812,57	TMD			TKT			
1407	372,88	DGT			TCQ			
1408	671,97	CLN(472.00);ODT(199.97)			CNV			
1409	5783,26	DGT			TCQ			
1410	7442,85	ODT			CNV			
1411	487,69	DKV			TCN			
1412	11039,03	DGT			TCQ			
1413	1928,07	DGT			TCQ			
1414	8125,41	ODT(250.00);CLN(7875.41)			CNV			

1415	6687,87	ODT			CNV			
1416	2688,65	ODT			CNV			
1417	388,43	DGT			TCQ			
1418	366,75	TMD			TKT			
1419	253,22	DGT			TCQ			
1420	336,07	DGT			TCQ			
1421	5506,94	ODT			CNV			
1422	3771,3	ODT(200.00);CLN(3571.30)			CNV			
1423	6966,51	CLN			CNV			
1424	17941,95	ODT(250.00);CLN(17691.95)			CNV			
1425	649,42	DGT			TCQ			
1426	949,43	ODT			CNV			
1427	2053,56	ODT			CNV			
1428	104,28	ODT			CNV			
1429	6640,56	ODT(200.00);CLN(6440.56)			CNV			
1430	3032,88	DGD			TKT			
1431	423,59	DGT			TCQ			
1432	152,1	DGT			TCQ			
1433	6228,68	ODT(200.00);CLN(6028.68)			CNV			
1434	867,84	DGT			TCQ			
1435	6297,91	DGD			TSN			
1436	10526,41	ODT			CNV			
1437	3350,81	ODT			CNV			
1438	1074,3	DGT			TCQ			
1439	784,56	ODT			CNV			
1440	17331,77	ODT(8802.00);CLN(8529.77)			CNV			
1441	165,69	DGT			TCQ			
1442	3453,36	ODT			CNV			
1443	86,05	SON			TCQ			
1444	5249,09	DGT			TCQ			
1445	194,28	DGT			TCQ			
1446	204,01	SON			TCQ			
1447	18299,96	DGD			TSN			
1448	4266,4	ODT			CNV			
1449	1258,45	ODT			CNV			
1450	390,78	ODT			CNV			
1451	5460,9	ODT			CNV			
1452	30,38	DGT			TCQ			
1453	1277,64	ODT			CNV			
1454	9946,18	DGT			TCQ			
1455	13810,15	CLN			CNV			
1456	1133,07	ODT			CNV			
1457	5196,87	ODT			CNV			
1458	2558,68	ODT			CNV			
1459	82,73	ODT			CNV			
1460	20817,29	DGD			TSN			
1461	52248,15	DGT			TCQ			
1462	784,81	DGT			TCQ			
1463	1481,47	CLN			CNV			
1464	41600,39	DGT			TCQ			
1465	21472,36	CLN(21072.40);ODT(399.96)			CNV			
1466	11158,3	DGD			TSN			
1467	30683,43	DGT			TCQ			
1468	59488,81	DGT			TCQ			
1469	1356,78	DGT			TCQ			
1470	17852,43	CAN			TCN			
1471	67,39	DGT			TCQ			
1472	17614,19	DGT			TCQ			
1473	1920,3	ODT			CNV			
1474	510,06	DGT			TCQ			
1475	51196,9	SON			TCQ			
1476	1258,99	ODT			CNV			
1477	8381,61	ODT			CNV			
1478	524,91	TMD			TKT			
1479	8388,09	ODT			CNV			
1480	11438,86	DGT			TCQ			
1481	4753,86	ODT			CNV			
1482	49517,21	DGT			TCQ			



1483	9065,56	CLN(8425.60);ODT(639.96)			CNV			
1484	2622,88	DGT			TCQ			
1485	4927,34	ODT			CNV			
1486	4364,82	ODT			CNV			
1487	99,61	CLN			CNV			
1488	987,53	DGT			TCQ			
1489	2017,72	ODT			CNV			
1490	6668,85	ODT(3424.00);CLN(3244.85)			CNV			
1491	8692,16	SKC			TKT			
1492	280,24	DGT			TCQ			
1493	4423,12	ODT(4400.00);CLN(23.12)			CNV			
1494	444,33	CLN			CNV			
1495	10363,33	CLN			CNV			
1496	13964,21	ODT(1000.00);CLN(12964.21)			CNV			
1497	7019,32	ODT(2000.00);CLN(5019.32)			CNV			
1498	2262,38	DGT			TCQ			
1499	91,48	CLN			CNV			
1500	42,52	CGT			TSQ			
1501	6460,95	ODT			CNV			
1502	55343,52	CLN			CNV			
1503	15562,77	ODT			CNV			
1504	935,87	DGT			TCQ			
1505	1411,09	SON			TCQ			
1506	898,72	DGT			TCQ			
1507	6283,84	ODT			CNV			
1508	1147,75	DGT			TCQ			
1509	21481,83	DGT			TCQ			
1510	4091,23	ODT(200.00);CLN(3891.23)			CNV			
1511	1378,82	DGT			TCQ			
1512	21139,74	ODT(1000.00);CLN(20139.74)			CNV			
1513	258,45	DGT			TCQ			
1514	1828,09	ODT			CNV			
1515	6023,88	ODT(300.00);CLN(5723.88)			CNV			
1516	1279,05	DGT			TCQ			
1517	8828,83	ODT(200.00);CLN(8628.83)			CNV			
1518	5155,3	ODT(200.00);CLN(4955.30)	ODT:CLN(50)		CNV			
1519	9276,15	CLN			CNV			
1520	12955,43	CLN			CNV			
1521	5264,8	ODT			CNV			
1522	10953,91	CLN			CNV			
1523	7234,63	ODT			CNV			
1524	5162,59	ODT			CNV			
1525	5148,33	ODT(500.00);CLN(4648.33)			CNV			
1526	9323,53	ODT(350.00);CLN(8973.53)	ODT:CLN(50)		CNV			
1527	12242,74	ODT(5000.00);CLN(7242.74)			CNV			
1528	22,73	DGT			TCQ			
1529	6362,8	ODT(300.00);CLN(6062.80)			CNV			
1530	969,08	DGT			TCQ			
1531	392,19	DGT			TCQ			
1532	4297,56	DGD			TSN			
1533	5029,62	ODT(250.00);CLN(4779.62)			CNV			
1534	12,34	DGT			TCQ			
1535	1126,08	DGT			TCQ			
1536	1711,56	ODT			CNV			
1537	2923,22	ODT(200.00);CLN(2723.22)			CNV			
1538	37717,85	CLN			CNV			
1539	1882,52	DYT			TSN			
1540	5587,95	CLN			CNV			
1541	9178,75	SKC			TKT			
1542	2340,84	TMD			TKT			
1543	15501,76	ODT(500.00);CLN(15001.76)			CNV			
1544	469,09	DKV			TCN			
1545	2473,79	ODT			CNV			
1546	929,55	DGT			TCQ			
1547	19147,75	CLN(17547.80);ODT(1599.95)			CNV			
1548	887,97	ODT			CNV			
1549	1071,7	TSC			TCN			
1550	19,44	DGT			TCQ			

NG
 TẾ
 NG
 THI
 10-T

1551	3826,69	ODT			CNV			
1552	49,86	ODT			CNV			
1553	2267,4	ODT			CNV			
1554	283,8	ODT			CNV			
1555	8508,97	ODT			CNV			
1556	2633,46	DGT			TCQ			
1557	8679,63	ODT			CNV			
1558	48674,4	DGT			TCQ			
1559	4879,29	ODT(500.00);CLN(4379.29)			CNV			
1560	3299,94	TSC			TCN			
1561	433,96	DKV			TCN			
1562	59,27	ODT			CNV			
1563	1065,16	ODT			CNV			
1564	435,19	SKC			TKT			
1565	3064,44	HNK			CNV			
1566	1436,36	ODT			CNV			
1567	5490,17	DGT			TCQ			
1568	2701,59	ODT			CNV			
1569	400,65	CLN(150.60);ODT(250.05)			CNV			
1570	3219,91	ODT			CNV			
1571	1976,79	DGT			TCQ			
1572	533,25	DKV			TCN			
1573	3225,58	ODT			CNV			
1574	431,56	DGT			TCQ			
1575	92,4	DGT			TCQ			
1576	3089,65	ODT			CNV			
1577	503,94	DGT			TCQ			
1578	372,84	DGT			TCQ			
1579	8134,08	ODT(200.00);CLN(7934.08)			CNV			
1580	6984,34	ODT(6340.00);CLN(644.34)			CNV			
1581	977,06	ODT			CNV			
1582	12,67	SON			TCQ			
1583	4169,24	ODT			CNV			
1584	1323,16	ODT			CNV			
1585	3625,4	ODT			CNV			
1586	3714,98	ODT			CNV			
1587	29336,28	ODT(4500.00);CLN(24836.28)			CNV			
1588	2758,12	ODT			CNV			
1589	10923,49	ODT(5500.00);CLN(5423.49)			CNV			
1590	7261,49	ODT			CNV			
1591	8230,53	CLN			CNV			
1592	260,4	DKV			TCN			
1593	3237,67	ODT			CNV			
1594	1575,29	ODT			CNV			
1595	649,01	DKV			TCN			
1596	88,81	CLN			CNV			
1597	3545,05	ODT			CNV			
1598	57,01	DNL			TKT			
1599	7931,7	DGT			TCQ			
1600	11729,26	DVH			TCN			
1601	6063,72	ODT			CNV			
1602	4453,29	ODT			CNV			
1603	508,22	ODT			CNV			
1604	8508,73	ODT			CNV			
1605	2387,12	ODT			CNV			
1606	15095,01	ODT(500.00);CLN(14595.01)			CNV			
1607	301,06	DKV			TCN			
1608	20799,92	ODT(2000.00);CLN(18799.92)			CNV			
1609	697,91	DGT			TCQ			
1610	2115,03	TMD			TKT			
1611	6133,65	DGT			TCQ			
1612	1338,92	TMD			TKT			
1613	229,77	DGT			TCQ			
1614	824,69	DGT			TCQ			
1615	1669,71	ODT			TKT			
1616	995,75	ODT			CNV			
1617	509,46	SON			TCQ			
1618	2444,89	ODT(400.00);CLN(2044.89)			CNV			

1619	1282,12	DGT			TCQ			
1620	100,51	ODT			CNV			
1621	152,75	DGT			TCQ			
1622	6566,66	ODT(300.00);CLN(6266.66)			CNV			
1623	3175,73	ODT			CNV			
1624	32815,92	CLN			CNV			
1625	212,26	CLN			CNV			
1626	12478,3	ODT(3000.00);CLN(9478.30)			CNV			
1627	1847,89	DKV			TCN			
1628	1433,68	DGT			TCQ			
1629	263,75	TMD			TKT			
1630	2248,76	DSK			TSN			
1631	1909,82	DSK			TSN			
1632	672,18	DGT			TCQ			
1633	477,59	TMD			TKT			
1634	10,63	SON			TCQ			
1635	598,73	ODT			CNV			
1636	3625,3	ODT			CNV			
1637	3452,42	ODT			CNV			
1638	585,86	DGT			TKT			
1639	4954,61	ODT			CNV			
1640	1564,68	ODT			TKT			
1641	2092,6	TSC			TCN			
1642	10160,14	CLN(10010.14);ODT(150.00)	ODT:CLN(150)		CNV			
1643	1146,51	ODT			CNV			
1644	965,59	DSK			TSN			
1645	6335,41	ODT			CNV			
1646	2558,51	DGT			TCQ			
1647	361,45	DSK			TSN			
1648	1449,6	ODT			CNV			
1649	3310,05	ODT			CNV			
1650	14010,98	ODT(6900.00);CLN(7110.98)			CNV			
1651	75,91	DGT			TCQ			
1652	86,92	DGT			TCQ			
1653	3232,99	ODT			CNV			
1654	6452,57	ODT			CNV			
1655	209,41	DGT			TCQ			
1656	3567,84	ODT			CNV			
1657	1604,75	DKV			TCN			
1658	1020,53	DGT			TKT			
1659	10951,69	ODT			CNV			
1660	4453,19	ODT			CNV			
1661	4560,76	DGT			TKT			
1662	6072,36	ODT			CNV			
1663	2696,93	TMD			TKT			
1664	214,66	ODT			CNV			
1665	16,75	DGT			TCQ			
1666	951,28	TSC			TCN			
1667	2547,87	ODT			CNV			
1668	1178,43	ODT			CNV			
1669	3826,69	ODT			CNV			
1670	1314,1	ODT			TKT			
1671	4162,38	ODT			CNV			
1672	25242,3	ODT(5100.00);CLN(20142.30)	ODT:CLN(100)		CNV			
1673	2273,36	ODT			CNV			
1674	1829,02	TSC			TCN			
1675	925,45	TSC			TCN			
1676	864,58	ODT			CNV			
1677	262,39	SON			TCQ			
1678	2627,13	ODT			CNV			
1679	5370,6	ODT			CNV			
1680	6499,9	ODT			CNV			
1681	353,32	DGT			TCQ			
1682	553,27	DGT			TCQ			
1683	12261,83	ODT(5695.00);CLN(6566.83)			CNV			
1684	490,76	DGT			TKT			
1685	4954,69	ODT			CNV			
1686	3054,03	DGT			TCQ			

1687	131,13	DGT			TCQ			
1688	1209,01	ODT			TKT			
1689	1144,69	ODT			CNV			
1690	164,32	DGT			TCQ			
1691	5513,58	ODT			CNV			
1692	1271,75	TSC			TCN			
1693	9741,49	DGT			TCQ			
1694	1917,96	ODT			CNV			
1695	6335,96	ODT			CNV			
1696	7673,57	ODT(3850.00);CLN(3823.57)			CNV			
1697	3482,39	CLN			CNV			
1698	987,34	DGT			TCQ			
1699	1137,09	ODT			CNV			
1700	7889,46	ODT(3600.00);CLN(4289.46)			CNV			
1701	1762,37	ODT			CNV			
1702	943,25	DGT			TKT			
1703	35604,81	CLN			CNV			
1704	8215,09	DGT			TCQ			
1705	4687,59	HNK			CNV			
1706	3913,03	ODT			CNV			
1707	3792,31	CLN			CNV			
1708	5232,7	ODT			CNV			
1709	167,63	DGT			TCQ			
1710	1077,16	ODT			CNV			
1711	85,56	DGT			TCQ			
1712	35,57	DGT			TCQ			
1713	27371,28	ODT(5000.00);CLN(22371.28)			CNV			
1714	3733,22	TON			TTG			
1715	3176,46	DXH			TKH			
1716	2317,04	ODT			CNV			
1717	676,73	ODT			CNV			
1718	2588,69	ODT			CNV			
1719	39573,61	TSC			TCN			
1720	1499,81	ODT			CNV			
1721	889,3	ODT			CNV			
1722	2174,9	ODT(1200.00);CLN(974.90)			CNV			
1723	191,02	SON			TCQ			
1724	1422,29	ODT			CNV			
1725	2316,2	DGT			TCQ			
1726	7458,73	ODT(7200.00);CLN(258.73)			CNV			
1727	1016,57	ODT			TKT			
1728	6962,71	DBV			TKT			
1729	6997,42	CLN			CNV			
1730	2358,97	ODT(2300.00);CLN(58.97)			CNV			
1731	3798,85	ODT			CNV			
1732	7650,86	CLN			CNV			
1733	1704,05	ODT			CNV			
1734	2114,7	ODT(2050.00);CLN(64.70)			CNV			
1735	783,29	DGT			TKT			
1736	5724,94	ODT(3810.00);CLN(1914.94)			CNV			
1737	232,08	DGT			TCQ			
1738	10681,06	ODT(2000.00);CLN(8681.06)			CNV			
1739	1627,18	ODT			TKT			
1740	1226,28	ODT			CNV			
1741	2743,33	TMD			TKT			
1742	7513,5	ODT			CNV			
1743	106,68	DGT			TCQ			
1744	182,49	DGT			TCQ			
1745	947,5	HNK			CNV			
1746	13351,22	DGT			TCQ			
1747	4114,1	DGT			TCQ			
1748	224,95	ODT			CNV			
1749	759,82	ODT			TKT			
1750	2461,67	ODT			CNV			
1751	8316,17	CLN			CNV			
1752	1030,27	ODT			CNV			
1753	850,08	ODT			CNV			
1754	30,69	SON			TCQ			



1755	3305,55	DGT			TKT			
1756	4279,58	TMD			TKT			
1757	2989,7	ODT(2600.00);CLN(389.70)			CNV			
1758	640,94	ODT			CNV			
1759	331,57	DSK			TSN			
1760	2973,06	ODT			CNV			
1761	735,35	TMD			TKT			
1762	3333,65	ODT			CNV			
1763	272,54	SON			TCQ			
1764	2900,31	ODT			CNV			
1765	2115,97	SKC(1916.00);CLN(199.97)			TKT			
1766	2153,3	CLN			CNV			
1767	29352,86	ODT(200.00);CLN(29152.86)	ODT:CLN(100)		CNV			
1768	520,61	DGT			TKT			
1769	2056,28	NTS			CNV			
1770	3148,74	ODT			CNV			
1771	1,49	DNL			TKT			
1772	647,24	ODT			CNV			
1773	384,81	ODT(300.00);CLN(84.81)			CNV			
1774	470,21	DGT			TCQ			
1775	570,53	TMD			TKT			
1776	983,96	TMD			TKT			
1777	7472,55	DGT			TCQ			
1778	1000,58	ODT			TKT			
1779	95954,91	CAN			TCN			
1780	1112,64	ODT			CNV			
1781	324,31	DGT			TCQ			
1782	257,59	ODT			CNV			
1783	1548,9	ODT			CNV			
1784	8595,21	ODT(1150.00);CLN(7445.21)	ODT:CLN(150)		CNV			
1785	1065,1	HNK			CNV			
1786	368,52	ODT			TKT			
1787	190,19	ODT			CNV			
1788	1413,66	ODT			TKT			
1789	1587,86	NTS			CNV			
1790	121,6	ODT			CNV			
1791	227,03	ODT			CNV			
1792	16261,47	DDD			TCN			
1793	8182,86	TSC			TCN			
1794	113,1	ODT			CNV			
1795	1016,99	DGT			TCQ			
1796	2235,07	NTS			CNV			
1797	1406,28	ODT			TKT			
1798	1430,44	SON			TCQ			
1799	13000,39	CLN			CNV			
1800	2920,14	ODT(2880.00);CLN(40.14)			CNV			
1801	30516,47	CLN			CNV			
1802	279,9	CLN			CNV			
1803	84,94	ODT			CNV			
1804	39548,52	CLN			CNV			
1805	1326,62	DGT			TCQ			
1806	622,52	NTS			CNV			
1807	185,23	DGT			TKT			
1808	3859,43	DGT			TCQ			
1809	158,24	TSC			TCN			
1810	3675,31	CLN			CNV			
1811	4288,9	NTS			CNV			
1812	1772,82	ODT(1700.00);CLN(72.82)			CNV			
1813	263,48	NTS			CNV			
1814	1027,41	ODT			CNV			
1815	2157,99	CLN			CNV			
1816	472,59	DGT			TCQ			
1817	2698,56	ODT(2480.00);CLN(218.56)			CNV			
1818	2505,96	NTS			CNV			
1819	56,59	DNL			TKT			
1820	254,13	DKV			TKT			
1821	6281,31	ODT(5550.00);CLN(731.31)			CNV			
1822	336,12	ODT			TKT			

1823	2193,93	CLN			CNV			
1824	7914,55	DTL			TCQ			
1825	4297,45	DGT			TCQ			
1826	7691,55	ODT(7420.00);CLN(271.55)			CNV			
1827	855,19	ODT			TKT			
1828	172,81	DKV			TKT			
1829	17588,22	ODT(2750.00);CLN(14838.22)	ODT:CLN(350)		CNV			
1830	497,08	DGT			TCQ			
1831	2470,89	ODT			CNV			
1832	37785,88	DGT			TCQ			
1833	3619,2	ODT(3100.00);CLN(519.20)			CNV			
1834	44,32	DKV			TKT			
1835	117,92	DGT			TKT			
1836	14466,57	ODT(14320.00);CLN(146.57)			CNV			
1837	1793,36	ODT(1750.00);CLN(43.36)			CNV			
1838	1415,22	NTS			CNV			
1839	77945,85	DGT			TCQ			
1840	49976,58	DGT			TCQ			
1841	5910,13	CLN(5790.13);ODT(120.00)	ODT:CLN(120)		CNV			
1842	1995,88	ODT(1750.00);CLN(245.88)			CNV			
1843	4490,37	CLN			CNV			
1844	71,34	DGT			TCQ			
1845	35432,42	ODT(150.00);CLN(35282.42)			CNV			
1846	4433,74	CLN			CNV			
1847	201,66	DGT			TCQ			
1848	3619,46	ODT(3460.00);CLN(159.46)			CNV			
1849	2779,61	ODT(2000.00);CLN(779.61)			CNV			
1850	256,13	DGT			TCQ			
1851	3872,79	ODT(3773.60);CLN(99.19)			CNV			
1852	5109,69	ODT			CNV			
1853	3053,05	DGT			TCQ			
1854	248,45	DGT			TCQ			
1855	3606,93	ODT(3240.00);CLN(366.93)			CNV			
1856	17643,08	CLN			CNV			
1857	90,35	DGT			TCQ			
1858	2863,91	ODT			CNV			
1859	65,76	DGT			TCQ			
1860	214,21	DGT			TCQ			
1861	3562,02	ODT			CNV			
1862	12395,83	CLN			CNV			
1863	7633,51	DGT			TCQ			
1864	6013,2	SON			TCQ			
1865	4879,35	DGT			TCQ			
1866	2362,88	HNK			CNV			
1867	3525,24	DGT			TCQ			
1868	5734,95	ODT(5200.00);TMD(534.95)			CNV			
1869	849,8	ODT(800.00);CLN(49.80)			CNV			
1870	27860,08	CLN(26860.08);ODT(1000.00)			CNV			
1871	6047,3	ODT			CNV			
1872	8211,61	ODT(7050.00);CLN(1161.61)			CNV			
1873	1157,39	DGT			TCQ			
1874	626,45	TMD			TKT			
1875	7136,15	ODT(4000.00);CLN(3136.15)			CNV			
1876	1611,73	HNK			CNV			
1877	16449,82	CLN(16399.82);ODT(50.00)	ODT:CLN(50)		CNV			
1878	2405,45	DGT			TCQ			
1879	2595,1	DGT			TCQ			
1880	284,48	ODT			CNV			
1881	6380,94	HNK			CNV			
1882	15660,74	ODT(13600.00);CLN(2060.74)			CNV			
1883	894,4	DGT			TCQ			
1884	13481,34	ODT(3000.00);CLN(10481.34)			CNV			
1885	1090,33	TSC			TCN			
1886	1843,19	ODT			CNV			
1887	3350,21	DSK			TSN			
1888	3659,44	ODT(200.00);CLN(3459.44)			CNV			
1889	169,28	DGT			TCQ			
1890	5193,35	NTS			CNV			

1891	7569,4	ODT			CNV			
1892	2188,72	DBV			TKT			
1893	148,6	DGT			TCQ			
1894	1827,8	CLN			CNV			
1895	6991,08	ODT			CNV			
1896	37792,91	CLN			CNV			
1897	2093	DGT			TCQ			
1898	43420,94	CLN			CNV			
1899	8628,28	DVH			TCN			
1900	5089,08	DKT	TSC		TCN			
1901	35013,93	DGT			TCQ			
1902	2177,73	NTS			CNV			
1903	1624,83	CLN			CNV			
1904	417,8	DGT			TCQ			
1905	1071,34	NTS			CNV			
1906	2494,48	ODT(1000.00);CLN(1494.48)			CNV			
1907	13998,51	ODT(11700.00);CLN(2298.51)			CNV			
1908	3037,94	CLN			CNV			
1909	23142,4	HNK			CNV			
1910	7540,6	ODT			CNV			
1911	2091,27	NTS			CNV			
1912	543,35	DKV			TCN			
1913	581,35	SKC			TKT			
1914	1610,46	TSC			TCN			
1915	11508,33	DGT			TCQ			
1916	1134,86	CLN(934.90);ODT(199.96)			CNV			
1917	1508,69	DGT			TCQ			
1918	4876,2	ODT(70.00);CLN(4806.20)			CNV			
1919	263,22	DGT			TCQ			
1920	5990,7	ODT(600.00);CLN(5390.70)			TKT			
1921	5499,22	ODT			CNV			
1922	39,88	SON			TCQ			
1923	126,38	DGT			TCQ			
1924	5389,44	TSC			TCN			
1925	2556,62	ODT(2520.00);CLN(36.62)			CNV			
1926	12045,14	ODT(6850.00);CLN(5195.14)			CNV			
1927	3752,32	ODT(1000.00);CLN(2752.32)			CNV			
1928	33211,15	DYT			TSN			
1929	3276,31	TSC			TCN			
1930	958,88	TSC			TCN			
1931	1,36	DNL			TKT			
1932	133,12	TMD			TKT			
1933	35,36	TIN			CDS			
1934	5204,25	CLN			CNV			
1935	532,29	ODT			CNV			
1936	12347,53	ODT(500.00);CLN(11847.53)			CNV			
1937	4759,37	ODT(4450.00);CLN(309.37)			CNV			
1938	517,18	ODT			CNV			
1939	230,73	NTS			CNV			
1940	381,22	DGT			TCQ			
1941	3252,67	TSC			TCN			
1942	439,83	ODT(400.00);CLN(39.83)			CNV			
1943	2634,71	ODT(2280.00);CLN(354.71)			CNV			
1944	73,24	DGT			TCQ			
1945	87,57	DGT			TCQ			
1946	5212,87	CLN			CNV			
1947	2887,63	ODT			CNV			
1948	559,45	ODT(500.00);CLN(59.45)			CNV			
1949	576,88	NTS			CNV			
1950	2589,23	CLN			CNV			
1951	22404,55	DGT			TCQ			
1952	958,1	TSC			TCN			
1953	45822,26	TSC			TCN			
1954	756,98	DGT			TCQ			
1955	1133,53	ODT			CNV			
1956	6145,74	CLN			CNV			
1957	8569,26	ODT(8443.10);CLN(126.16)			CNV			
1958	432,46	NTS			CNV			

NG
 ITÉ,
 NG V
 THI
 2-18

1959	550,79	NTS			CNV			
1960	2001,96	ODT			CNV			
1961	567,53	CLN			CNV			
1962	120504,2	ODT(5077.10);CLN(115427.10)			CNV			
1963	2502,63	ODT(2285.00);CLN(217.63)			CNV			
1964	960,26	DSK			TSN			
1965	1230,42	DVH			TCN			
1966	1200	TSC			TCN			
1967	861,63	ODT			CNV			
1968	1763,58	NTS			CNV			
1969	3175,19	NTS			CNV			
1970	461,7	NTS			CNV			
1971	326,29	DGT			TCQ			
1972	147,57	DGT			TCQ			
1973	8354,91	ODT(900.00);CLN(7454.91)			TKT			
1974	14639,12	ODT(12600.00);CLN(2039.12)			CNV			
1975	127650,48	CLN			CNV			
1976	5370,05	CLN			CNV			
1977	6300,59	ODT			CNV			
1978	3060,41	ODT(1940.00);CLN(1120.41)			CNV			
1979	868,09	ODT			CNV			
1980	690,08	DGT			TCQ			
1981	26680,09	DGT			TCQ			
1982	11808,09	ODT			CNV			
1983	3280,04	ODT			CNV			
1984	591,16	DGT			TCQ			
1985	221,13	DGT			TCQ			
1986	39889,82	DGD			TSN			
1987	5379,53	TSC			TCN			
1988	2204,31	ODT(2137.00);CLN(67.31)			CNV			
1989	355,02	DGT			TCQ			
1990	3171,49	ODT(3000.00);CLN(171.49)			CNV			
1991	913,5	ODT			CNV			
1992	457,4	ODT(400.00);CLN(57.40)			CNV			
1993	1837,99	ODT			CNV			
1994	771,89	LUK			CNV			
1995	1936,25	CLN			CNV			
1996	12327,16	ODT(10600.00);CLN(1727.16)			CNV			
1997	855	DVH			TSN			
1998	2971,88	ODT(2500.00);CLN(471.88)			CNV			
1999	29,76	SKC			TKT			
2000	12960,27	CLN			CNV			
2001	180,58	DGT			TCQ			
2002	1086,67	NTS			CNV			
2003	2828,74	ODT(2800.00);CLN(28.74)			CNV			
2004	2126,96	TSC			TCN			
2005	271,02	ODT(240.00);CLN(31.02)			CNV			
2006	102,12	DGT			TCQ			
2007	267,05	DGT			TCQ			
2008	1017,83	ODT(1000.00);CLN(17.83)			CNV			
2009	860,29	ODT(600.00);CLN(260.29)			CNV			
2010	345,84	DGT			TCQ			
2011	3218,2	CLN			CNV			
2012	848,09	DGT			TCQ			
2013	15905,56	CLN			CNV			
2014	4454,82	DGT			TCQ			
2015	8275	NTS(7975.00);ODT(300.00)	ODT:NTS(300)		CNV			
2016	5,67	TIN			CDS			
2017	212,13	ODT			CNV			
2018	31,03	DGT			TCQ			
2019	622,61	DGT			TCQ			
2020	956,01	DGT			TCQ			
2021	2968,54	ODT			CNV			
2022	1777,99	HNK			CNV			
2023	6061,79	ODT			CNV			
2024	877,82	NTS			CNV			
2025	201,04	DGT			TCQ			
2026	1495,5	NTS			CNV			



2027	2268,01	CLN			CNV			
2028	565,35	NTS			CNV			
2029	1203,14	DCH			TCN			
2030	20197,89	CLN			CNV			
2031	912,44	ODT			CNV			
2032	365,47	ODT			CNV			
2033	266,93	NTS			CNV			
2034	3211,13	TSC			TCN			
2035	1272,02	NTS			CNV			
2036	570,43	DKV			TCN			
2037	959,46	SON			TCQ			
2038	201,03	ODT			CNV			
2039	646,57	ODT(600.00);CLN(46.57)			CNV			
2040	4915,52	CLN			CNV			
2041	36,26	SON			TCQ			
2042	5480,98	CLN			CNV			
2043	3596,73	DGT			TCQ			
2044	2485,52	NTS			CNV			
2045	202,43	ODT			CNV			
2046	952,83	ODT			CNV			
2047	1904,9	DGT			TCQ			
2048	628,19	NTS			CNV			
2049	70,66	ODT			CNV			
2050	825,37	ODT			CNV			
2051	75,82	ODT			CNV			
2052	15367,92	ODT(14633.00);CLN(734.92)			CNV			
2053	1773,27	ODT			CNV			
2054	98,75	ODT			CNV			
2055	138,99	DCH			TCN			
2056	5380,71	TSC			TCN			
2057	1219,97	TMD			TKT			
2058	1811,5	HNK			CNV			
2059	2968,42	ODT			CNV			
2060	63,11	DCH			TCN			
2061	2496,14	ODT(2246.00);CLN(250.14)			CNV			
2062	513,41	SON			TCQ			
2063	49,47	DCH			TCN			
2064	9811,31	DGT			TCQ			
2065	1985,61	ODT			CNV			
2066	7210,45	ODT(5800.00);CLN(1410.45)			CNV			
2067	2988,95	TSC			TCN			
2068	501,63	ODT(400.00);CLN(101.63)			CNV			
2069	871,75	LUK			CNV			
2070	8405,71	CLN			CNV			
2071	1604,24	ODT(1200.00);CLN(404.24)			CNV			
2072	24,68	ODT			CNV			
2073	2061,59	CLN			CNV			
2074	2986,62	CLN			CNV			
2075	7545,05	ODT			CNV			
2076	865,9	ODT			CNV			
2077	2189,83	NTS			CNV			
2078	4333,97	ODT(4300.00);CLN(33.97)			CNV			
2079	3247,78	TSC			TCN			
2080	146	ODT			CNV			
2081	1246,4	DCH			TCN			
2082	2405,59	HNK			CNV			
2083	1502,04	CLN			CNV			
2084	1,41	DNL			TKT			
2085	5605,84	ODT(3762.00);CLN(1843.84)	ODT:CLN(12)		CNV			
2086	1637,43	DCH			TCN			
2087	925,86	TMD			TKT			
2088	1512,23	NTS			CNV			
2089	447,42	DGT			TCQ			
2090	548,34	DVH			TCN			
2091	1478,36	NTS			CNV			
2092	7235,97	CLN			CNV			
2093	7575,6	ODT			CNV			
2094	866,62	DGT			TCQ			



2095	8079	LUK			CNV			
2096	2630,88	CLN			CNV			
2097	10414,59	ODT(9925.00);CLN(489.59)	ODT:CLN(25)		CNV			
2098	9250,06	ODT			CNV			
2099	222,97	CAN			TCN			
2100	1106,52	NTS			CNV			
2101	1027,79	ODT			CNV			
2102	2009,4	DGT			TCQ			
2103	15126,11	ODT(12200.00);CLN(2926.11)			CNV			
2104	4853,48	DGT			TCQ			
2105	695,55	ODT			CNV			
2106	12768,65	CLN			CNV			
2107	252,66	HNK			CNV			
2108	12830,29	DGT			TCQ			
2109	977,45	DGT			TCQ			
2110	22639,68	CLN			CNV			
2111	2061,46	ODT			CNV			
2112	4033,46	ODT(4000.00);CLN(33.46)			CNV			
2113	78811,32	CLN			CNV			
2114	15127,22	DGD			TSN			
2115	5598,49	DGT			TCQ			
2116	3969,55	TSC			TCN			
2117	47480,5	DGT			TCQ			
2118	447,08	DCH			TCN			
2119	2117,69	ODT			CNV			
2120	1373,83	ODT(1220.00);CLN(153.83)			CNV			
2121	986,18	NTS(966.18);ODT(20.00)	ODT:NTS(20)		CNV			
2122	11255,14	CLN			CNV			
2123	1713	ODT			CNV			
2124	9509,62	ODT(3800.00);CLN(5709.62)			CNV			
2125	907,6	ODT(818.00);CLN(89.60)			CNV			
2126	15302,31	ODT(10000.00);CLN(5302.31)			CNV			
2127	307,32	ODT			CNV			
2128	3228,64	TSC			TCN			
2129	9616,3	CLN(9587.20);ODT(29.10)	ODT:CLN(29.1)		CNV			
2130	4173,66	CLN			CNV			
2131	207,22	SON			TCQ			
2132	6977,13	ODT(6500.00);CLN(477.13)			CNV			
2133	1338,83	ODT(1320.00);CLN(18.83)			CNV			
2134	980,81	CLN			CNV			
2135	841,4	CLN			CNV			
2136	8642,19	CLN			CNV			
2137	3785,1	TSC			TCN			
2138	74,26	DGT			TCQ			
2139	1777,98	ODT(1500.00);CLN(277.98)			CNV			
2140	22409,66	CLN			CNV			
2141	382,76	DGT			TCQ			
2142	3209,06	TMD			TKT			
2143	57,38	SON			TCQ			
2144	2782,68	NTS			CNV			
2145	848,55	CLN			CNV			
2146	15661,51	PNK			CNV			
2147	1348,96	ODT(200.00);CLN(1148.96)			CNV			
2148	153,67	DGT			TCQ			
2149	27,71	SON			TCQ			
2150	7409,67	TSC			TCN			
2151	780,88	DGT			TCQ			
2152	395,7	SON			TCQ			
2153	5133,64	HNK			CNV			
2154	1309,59	ODT			CNV			
2155	429,75	DGT			TCQ			
2156	1204,09	ODT			CNV			
2157	22303,66	CLN			CNV			
2158	6403,59	ODT			CNV			
2159	3634,86	TMD			TKT			
2160	296,65	ODT			CNV			
2161	316,58	DGT			TCQ			
2162	1329,19	ODT(200.00);CLN(1129.19)			CNV			

PH
KIN
HÀ T
Đ
H PH

2163	2541,19	ODT			CNV			
2164	8346,74	ODT(6000.00);CLN(2346.74)			CNV			
2165	2403,32	CLN			CNV			
2166	1876,79	ODT			CNV			
2167	459,66	DGT			TCQ			
2168	750,44	HNK			CNV			
2169	256,23	ODT			CNV			
2170	5625,82	DGD			TSN			
2171	1115,86	DGT			TCQ			
2172	614,58	ODT			CNV			
2173	2462,2	DGT			TCQ			
2174	8402,36	CLN			CNV			
2175	30503,78	ODT(25000.00);CLN(5503.78)			CNV			
2176	192,73	ODT			CNV			
2177	2942,73	TSC			TCN			
2178	985,03	DGT			TCQ			
2179	1727,61	CLN			CNV			
2180	143,69	SON			TCQ			
2181	348,26	ODT(220.00);CLN(128.26)			CNV			
2182	6550,32	DKV			TCN			
2183	1578,78	ODT			CNV			
2184	2536,08	TMD			TKT			
2185	3761,31	CLN			CNV			
2186	17473,8	CLN			CNV			
2187	61530,69	CLN			CNV			
2188	6204,47	CLN			CNV			
2189	1720,67	ODT			CNV			
2190	13,27	ODT			CNV			
2191	4928,86	TSC			TCN			
2192	66,79	DGT			TCQ			
2193	2901,97	TSC			TCN			
2194	7808,64	ODT			CNV			
2195	857,7	ODT(851.00);CLN(6.70)			CNV			
2196	270,53	NTS			CNV			
2197	347,41	ODT			CNV			
2198	3950,85	HNK			CNV			
2199	730,39	DGT			TCQ			
2200	17633,35	DGT			TCQ			
2201	2760,5	ODT			CNV			
2202	150	SON			TCQ			
2203	410,54	NTS			CNV			
2204	2401,98	CAN			TCN			
2205	9696,95	CLN(9596.71);ODT(100.00)	ODT:CLN(100)		CNV			
2206	1165,17	ODT(1000.00);CLN(165.17)			CNV			
2207	101,18	DGT			TCQ			
2208	4750,96	DKV			TCN			
2209	602,25	SON			TCQ			
2210	18847,87	DGT			TCQ			
2211	3724,8	NTS			CNV			
2212	4691,96	DGT			TCQ			
2213	10674,4	DGT			TCQ			
2214	26,08	ODT			CNV			
2215	946,47	ODT(900.00);CLN(46.47)			CNV			
2216	728,37	DGT			TCQ			
2217	2554,04	ODT			CNV			
2218	190,95	DGT			TCQ			
2219	752,35	ODT			CNV			
2220	1130,35	ODT(1000.00);CLN(130.35)			CNV			
2221	777,02	ODT			CNV			
2222	1320,63	ODT			CNV			
2223	3091,58	CLN(3067.58);ODT(24.00)	ODT:CLN(24)		CNV			
2224	268,73	ODT			CNV			
2225	817,68	ODT			CNV			
2226	600,95	ODT			CNV			
2227	19,48	ODT			CNV			
2228	1142,12	DKV			TCN			
2229	2901,77	DGT			TCQ			
2230	1239,38	ODT(200.00);CLN(1039.25)			CNV			

2231	4120,05	ODT(200.00);CLN(3920.05)			CNV			
2232	3605,29	DGT			TCQ			
2233	6180,15	CLN			CNV			
2234	2663,8	ODT			CNV			
2235	3277,82	ODT			CNV			
2236	8966,54	ODT(160.00);CLN(8806.04)	ODT:CLN(110)		CNV			
2237	1103,89	ODT(1020.00);CLN(83.89)			CNV			
2238	21540,31	ODT(16000.00);CLN(5540.31)			CNV			
2239	3702,03	TMD			TKT			
2240	15457,35	DGT			TCQ			
2241	108,7	SON			TCQ			
2242	1687,94	ODT(1000.00);CLN(687.94)			CNV			
2243	3912,15	ODT	ODT:CLN(72.15)		CNV			
2244	6364,7	ODT			CNV			
2245	4388,57	DKV			TCN			
2246	7266,01	ODT			CNV			
2247	1269,05	ODT(1000.00);CLN(269.05)			CNV			
2248	2781,31	CLN			CNV			
2249	3806,63	ODT			CNV			
2250	7304,78	ODT			CNV			
2251	803,62	DKV			TCN			
2252	4921,91	TSC			TCN			
2253	3161,06	CLN			CNV			
2254	424,1	ODT			CNV			
2255	31088,26	DGT			TCQ			
2256	1055,93	DKV			TCN			
2257	244,04	DGT			TCQ			
2258	437,43	ODT			CNV			
2259	968,3	ODT			CNV			
2260	1439,44	ODT			CNV			
2261	30,77	DGT			TCQ			
2262	23076,72	CLN(22876.84);ODT(200.00)	ODT:CLN(200)		CNV			
2263	232,33	ODT			CNV			
2264	12925,92	CLN			CNV			
2265	1602,18	ODT			CNV			
2266	7034,7	ODT			CNV			
2267	3031,19	TMD			TKT			
2268	2875,13	DKV			TCN			
2269	125,2	ODT			CNV			
2270	681,48	HNK			CNV			
2271	3886,19	NTS			CNV			
2272	1863,94	TMD			TKT			
2273	449,51	ODT(400.00);CLN(49.51)			CNV			
2274	735,84	DKV			TCN			
2275	3542,83	ODT(3500.00);CLN(42.83)			CNV			
2276	1716,58	CLN			CNV			
2277	11368,87	DGT			TCQ			
2278	7144,22	DVH			TCN			
2279	360,34	SON			TCQ			
2280	680,43	ODT(647.00);CLN(33.43)			CNV			
2281	2393,58	TSC			TCN			
2282	66,6	DGT			TCQ			
2283	2864,76	ODT(2800.00);CLN(64.76)			CNV			
2284	529,37	DGT			TCQ			
2285	2570,7	CLN			CNV			
2286	86,3	SON			TCQ			
2287	36212,25	ODT(34550.00);CLN(1662.25)	ODT:CLN(50)		CNV			
2288	10966,2	CLN			CNV			
2289	485	SON			TCQ			
2290	281,56	DGT			TCQ			
2291	36541,57	CLN			CNV			
2292	11950,06	DGT			TCQ			
2293	3380,8	ODT(1118.00);CLN(2262.80)			CNV			
2294	1261,12	LUK			CNV			
2295	4940,29	CLN			CNV			
2296	49,79	DGT			TCQ			
2297	2085,97	TMD			TKT			
2298	1780,88	DGT			TCQ			



2299	122,91	ODT(100.00);CLN(22.91)			CNV			
2300	5677,07	ODT			CNV			
2301	7321,36	ODT			CNV			
2302	212,5	HNK			CNV			
2303	757,5	DGT			TCQ			
2304	633,99	ODT			CNV			
2305	606,99	NTS			CNV			
2306	1517,07	DGT			TCQ			
2307	1579,18	ODT(1550.00);CLN(29.18)			CNV			
2308	7000,79	ODT(7000.00);CLN(0.79)			CNV			
2309	1019,46	ODT(1000.00);CLN(19.46)			CNV			
2310	2921,05	ODT(2899.90);CLN(21.15)			CNV			
2311	751,91	ODT			CNV			
2312	4313,38	ODT			CNV			
2313	7202,33	CLN			CNV			
2314	11,22	DGT			TCQ			
2315	2035,02	ODT			CNV			
2316	4879,54	TSC			TCN			
2317	2325,38	ODT			CNV			
2318	927,07	ODT			CNV			
2319	13017,92	DGD			TSN			
2320	2844,18	CLN			CNV			
2321	2443,14	CLN			CNV			
2322	618,03	LUK			CNV			
2323	3994,11	TSC			TCN			
2324	556,9	SON			TCQ			
2325	509,17	ODT			CNV			
2326	1495,43	ODT			CNV			
2327	996,11	DYT			TSN			
2328	12929,25	HNK			CNV			
2329	6601,39	ODT			CNV			
2330	5988,44	ODT(5415.00);CLN(573.44)			CNV			
2331	247,58	ODT(200.00);CLN(47.58)			CNV			
2332	297,28	DGT			TCQ			
2333	1193,85	HNK			CNV			
2334	7334,76	ODT(6000.00);CLN(1334.76)			CNV			
2335	7032,73	ODT			CNV			
2336	7142,28	DGD			TSN			
2337	1101,26	DGT			TCQ			
2338	4066,62	TSC			TCN			
2339	1012,24	NTS			CNV			
2340	1037,45	DGT			TCQ			
2341	1757,16	ODT(1700.00);CLN(57.16)			CNV			
2342	34466,32	CLN			CNV			
2343	6005,14	ODT(5960.00);CLN(45.14)			CNV			
2344	2279,8	ODT			CNV			
2345	3291,31	ODT			CNV			
2346	110,04	DGT			TCQ			
2347	970,76	LUK			CNV			
2348	326,41	HNK			CNV			
2349	3457,84	ODT(3235.90);CLN(221.94)			CNV			
2350	1927,71	ODT(1920.00);CLN(7.71)			CNV			
2351	529,78	DKV			TCN			
2352	4637,16	CLN			CNV			
2353	47,13	DNL			TKT			
2354	677,08	NTS			CNV			
2355	4144,43	CLN			CNV			
2356	264,18	NTS			CNV			
2357	5078,18	ODT			CNV			
2358	8427,31	DGT			TCQ			
2359	1798,77	NTS			CNV			
2360	744,48	ODT(140.00);CLN(604.48)			CNV			
2361	1069,48	ODT			CNV			
2362	227,97	NTS			CNV			
2363	669,82	TMD			TKT			
2364	2315,53	ODT			CNV			
2365	1620,96	NTS			CNV			
2366	3486,34	CLN			CNV			

2367	6342,14	TMD			TKT			
2368	2222,71	ODT			CNV			
2369	8840,76	ODT			CNV			
2370	323,26	DGT			TCQ			
2371	4943,78	ODT(2540.00);CLN(2403.78)			CNV			
2372	3145,65	CLN			CNV			
2373	4302,69	ODT			CNV			
2374	1177,22	DGT			TCQ			
2375	2838,72	ODT(1117.00);CLN(1721.72)			CNV			
2376	1025,72	ODT(1000.00);CLN(25.72)			CNV			
2377	36804,38	DGT			TCQ			
2378	731,08	ODT			CNV			
2379	6678,49	HNK			CNV			
2380	722,08	ODT			CNV			
2381	10950,07	DGT			TCQ			
2382	107,77	ODT			CNV			
2383	9227,84	DGD			TSN			
2384	306,38	NTS			CNV			
2385	6012,36	LUK			CNV			
2386	317,28	ODT			CNV			
2387	45,44	SON			TCQ			
2388	5891,01	CLN			CNV			
2389	6576,03	ODT			CNV			
2390	1466,53	CLN			CNV			
2391	3531,54	DGT			TCQ			
2392	1515,53	LUK			CNV			
2393	2483,53	ODT(2000.00);CLN(483.53)			CNV			
2394	1680,08	NTS			CNV			
2395	4345,39	ODT(4200.00);CLN(145.39)			CNV			
2396	1398,5	ODT(1000.00);CLN(398.50)			CNV			
2397	2139,95	ODT(2060.00);CLN(79.95)			CNV			
2398	3646	TMD			TKT			
2399	3215,39	ODT			CNV			
2400	1049,62	DGT			TCQ			
2401	4578,75	DGD			TSN			
2402	5719,59	DGT			TCQ			
2403	732,14	DGT			TCQ			
2404	87	TMD			TKT			
2405	7989,8	ODT			CNV			
2406	20042,73	ODT(18000.00);CLN(2042.73)			CNV			
2407	4351,59	DGD			TSN			
2408	133,59	LUK			CNV			
2409	4000	ODT			CNV			
2410	365,04	ODT			CNV			
2411	1494,73	ODT			CNV			
2412	2736	ODT			CNV			
2413	2828,73	ODT(2340.00);CLN(488.73)			CNV			
2414	164,87	DGT			TCQ			
2415	568,78	ODT(500.00);CLN(68.78)			CNV			
2416	559,64	DKV			TCN			
2417	56,57	DGT			TCQ			
2418	1658,59	ODT(1560.00);CLN(98.59)			CNV			
2419	204,73	LUK			CNV			
2420	104,12	LUK			CNV			
2421	762,39	CLN			CNV			
2422	17569,22	NTS			CNV			
2423	285,48	SON			TCQ			
2424	467,04	DGT			TCQ			
2425	2261	ODT(2130.00);CLN(131.00)			CNV			
2426	4487,85	CLN			CNV			
2427	24055,06	DGT			TCQ			
2428	696,11	DGT			TCQ			
2429	23176,15	CLN			CNV			
2430	2948,03	DGT			TCQ			
2431	6389,47	CLN			CNV			
2432	3670,3	TSC			TCN			
2433	10192,78	CLN			CNV			
2434	2087,96	CLN			CNV			



2435	3913,48	ODT(3500.00);CLN(413.48)			CNV			
2436	908,84	ODT			CNV			
2437	1473,29	CLN			CNV			
2438	1901,48	DKV			TCN			
2439	2730,35	TSC			TCN			
2440	2257,33	ODT			CNV			
2441	1834,22	DGT			TCQ			
2442	407,65	LUK			CNV			
2443	1584,51	CQP			TCN			
2444	1428,12	CLN			CNV			
2445	14193,64	ODT(6100.00);CLN(8093.64)			CNV			
2446	28,96	DGT			TCQ			
2447	905,25	ODT			CNV			
2448	10625,57	ODT			CNV			
2449	2237,82	ODT(2233.20);CLN(4.62)			CNV			
2450	5161,91	ODT(5100.00);CLN(61.91)			CNV			
2451	209,49	DGT			TCQ			
2452	8467,72	ODT			CNV			
2453	118,88	DGT			TCQ			
2454	3814,52	TMD			TKT			
2455	58392,37	CLN			CNV			
2456	728,41	ODT			CNV			
2457	1916,13	CLN			CNV			
2458	3957,22	ODT(3800.00);CLN(157.22)			CNV			
2459	559,41	ODT			CNV			
2460	2738,1	TSC			TCN			
2461	11033,6	ODT(8000.00);CLN(3033.60)			CNV			
2462	951,71	DGT			TCQ			
2463	6560,35	SKC			TKT			
2464	13702,98	CLN			CNV			
2465	2456,34	ODT			CNV			
2466	374,89	ODT			CNV			
2467	6752,33	ODT(6700.00);CLN(52.33)			CNV			
2468	2747,92	TSC			TCN			
2469	892,6	SON			TCQ			
2470	6273,46	ODT			CNV			
2471	4500,89	DSK			TSN			
2472	5732,1	CLN			CNV			
2473	2399,9	LUK			CNV			
2474	2674,38	CLN			CNV			
2475	423,15	DVH			TCN			
2476	3459,31	CLN			CNV			
2477	2722,29	TSC			TCN			
2478	201,18	TMD			TKT			
2479	7169,16	ODT(7000.00);CLN(169.16)			CNV			
2480	5719,72	ODT(1000.00);CLN(4719.72)			CNV			
2481	1941,53	NTS			CNV			
2482	3632,37	TSC			TCN			
2483	1397,11	DGT			TCQ			
2484	5790,86	ODT			CNV			
2485	555,24	DGT			TCQ			
2486	630,17	ODT			CNV			
2487	3062,09	SKC			TKT			
2488	1146,62	CLN			CNV			
2489	7221,29	ODT			CNV			
2490	5786,34	ODT(5588.10);CLN(198.24)			CNV			
2491	1059,12	ODT			CNV			
2492	630,22	DGT			TCQ			
2493	1411,25	ODT(1340.00);CLN(71.25)			CNV			
2494	1717,41	DGT			TCQ			
2495	2580,82	ODT			CNV			
2496	4755,37	ODT(4730.00);CLN(25.37)			CNV			
2497	362,35	ODT			CNV			
2498	161631,97	CLN			CNV			
2499	154,87	DGT			TCQ			
2500	456,33	DKV			TCN			
2501	144,94	SON			TCQ			
2502	3269	ODT(3250.00);CLN(19.00)			CNV			



2503	3181,55	CLN			CNV			
2504	12047,75	CLN			CNV			
2505	45201,68	DGT			TCQ			
2506	48141,91	DGT			TCQ			
2507	59913,37	DGT			TCQ			
2508	2061,72	ODT			CNV			
2509	3559,31	TSC			TCN			
2510	2774,67	DSK			TSN			
2511	3970,7	TSC			TCN			
2512	4589,77	CLN			CNV			
2513	9592,26	ODT			CNV			
2514	6286,96	ODT			CNV			
2515	1195,59	TMD(839.30);ODT(356.29)			TKT			
2516	7938,04	LUK			CNV			
2517	8655,9	ODT			CNV			
2518	1431,42	ODT			CNV			
2519	2783,7	TMD			TKT			
2520	796,81	ODT			CNV			
2521	3320,6	HNK			CNV			
2522	2731,99	CAN			TCN			
2523	6062,12	ODT			CNV			
2524	12156,66	ODT(10450.00);CLN(1706.66)			CNV			
2525	4108,77	ODT(3243.00);CLN(865.77)			CNV			
2526	26031,03	CLN			CNV			
2527	214,31	SON			TCQ			
2528	4864,23	CAN			TCN			
2529	4213,8	ODT(1600.00);CLN(2613.80)			CNV			
2530	2917,59	TSC			TCN			
2531	3650,21	ODT(3400.00);CLN(250.21)			CNV			
2532	2280,59	ODT			CNV			
2533	71465,48	ODT(500.00);CLN(70965.48)			CNV			
2534	4670,69	ODT(4500.00);CLN(170.69)			CNV			
2535	906,16	ODT			CNV			
2536	27493,99	ODT(10000.00);CLN(17493.99)			CNV			
2537	1153,07	ODT			CNV			
2538	387,17	ODT			CNV			
2539	2807,37	ODT			CNV			
2540	3626,42	DSK			TSN			
2541	1857,59	ODT(1700.00);CLN(157.59)			CNV			
2542	7376,14	ODT(1050.00);CLN(6326.14)	ODT:CLN(50)		CNV			
2543	26,22	DGT			TCQ			
2544	1391,58	TMD			TKT			
2545	1760,1	ODT(1140.00);CLN(620.10)			CNV			
2546	3461,88	ODT			CNV			
2547	184,06	HNK			CNV			
2548	173,27	ODT			CNV			
2549	4310,37	ODT(3600.00);CLN(710.37)			CNV			
2550	16635,84	ODT(5800.00);CLN(10835.84)			CNV			
2551	4188	CLN			CNV			
2552	6578,35	ODT(5730.00);CLN(848.35)			CNV			
2553	1111,99	DGT			TCQ			
2554	117,96	DGT			TCQ			
2555	236,42	DGT			TCQ			
2556	789,65	ODT			CNV			
2557	2830,35	ODT			CNV			
2558	648,86	ODT			CNV			
2559	367,9	DGT			TCQ			
2560	19071,58	ODT			CNV			
2561	4465,06	ODT			CNV			
2562	296,33	HNK			CNV			
2563	12138,68	ODT(9000.00);CLN(3138.68)			CNV			
2564	6982,72	CLN			CNV			
2565	2452,23	ODT			CNV			
2566	1636,79	ODT(60.00);CLN(1576.73)	ODT:CLN(60)		CNV			
2567	3117,86	ODT			CNV			
2568	4119,97	LUK			CNV			
2569	35697,46	CLN			CNV			
2570	73,07	DGT			TCQ			

2571	68259,69	CLN			CNV			
2572	9583,02	ODT			CNV			
2573	506,74	HNK			CNV			
2574	4073,23	ODT(500.00);CLN(3573.23)			CNV			
2575	753,78	ODT			CNV			
2576	467,05	DGT			TCQ			
2577	5794,82	ODT			CNV			
2578	2200,96	ODT(2000.00);CLN(200.96)			CNV			
2579	744,14	ODT			CNV			
2580	174,64	NTS			CNV			
2581	1417,02	NTS			CNV			
2582	728,17	DKV			TCN			
2583	4495,42	ODT			CNV			
2584	1628,55	DGT			TCQ			
2585	2824,49	DGT			TCQ			
2586	9715,66	ODT(7753.30);CLN(1962.36)			CNV			
2587	7145,13	LUK			CNV			
2588	17827,37	ODT(9000.00);CLN(8827.37)			CNV			
2589	536,66	CLN			CNV			
2590	1356,7	HNK			CNV			
2591	110,24	ODT			CNV			
2592	28802,98	ODT(25580.00);CLN(3222.98)	ODT:CLN(30)		CNV			
2593	3530,64	TSC			TCN			
2594	269,02	DGT			TCQ			
2595	538,25	DGT			TCQ			
2596	66,6	HNK			CNV			
2597	2712,49	ODT			CNV			
2598	1073,16	ODT			CNV			
2599	36,72	DNL			TKT			
2600	5932,28	ODT(5100.00);CLN(832.28)			CNV			
2601	7863,5	CLN			CNV			
2602	2141,13	NTS			CNV			
2603	3568,32	TSC			TCN			
2604	1633,82	DGT			TCQ			
2605	220,77	ODT			CNV			
2606	122,81	NTS			CNV			
2607	2392,06	CLN			CNV			
2608	4901,82	ODT(1000.00);CLN(3901.82)			CNV			
2609	2810,44	LUK			CNV			
2610	4052,22	ODT			CNV			
2611	43,44	SON			TCQ			
2612	4264,29	ODT(3870.00);CLN(394.29)			CNV			
2613	6432,66	CLN			CNV			
2614	10655,8	DGT			TCQ			
2615	234,02	DGT			TCQ			
2616	62,64	DGT			TCQ			
2617	238,96	NTS			CNV			
2618	1066,57	HNK			CNV			
2619	971,49	DGT			TCQ			
2620	486,33	HNK			CNV			
2621	3778,46	CLN			CNV			
2622	3494,79	TSC			TCN			
2623	1582,75	DGT			TCQ			
2624	17023,75	ODT(4000.00);CLN(13023.75)			CNV			
2625	1127,51	DGT			TCQ			
2626	431,97	ODT			CNV			
2627	8299,91	CLN(8249.91);ODT(50.00)	ODT:CLN(50)		CNV			
2628	3318,82	DSK			TSN			
2629	2633,02	ODT(1800.00);CLN(833.02)			CNV			
2630	658,31	DGT			TCQ			
2631	10831,32	ODT			CNV			
2632	2147,41	ODT(1350.00);CLN(797.41)			CNV			
2633	3166,8	TMD			TKT			
2634	3470,76	TSC			TCN			
2635	783,76	ODT			CNV			
2636	237,05	SON			TCQ			
2637	7101,16	ODT(6200.00);CLN(901.16)			CNV			
2638	9339,17	HNK			CNV			

VIỆT
G
TÈ,
IG VÀ
THỊ
ĐC.T.9

2639	2666,77	LUK			CNV			
2640	622,25	DGT			TCQ			
2641	89651,93	CLN			CNV			
2642	359,05	DGT			TCQ			
2643	3291,37	DSK			TSN			
2644	1019,52	LUK			CNV			
2645	7958,96	ODT			CNV			
2646	395,22	ODT			CNV			
2647	418,27	DGT			TCQ			
2648	786,98	ODT			CNV			
2649	1988,71	ODT(300.00);CLN(1688.71)			CNV			
2650	1433,15	DGT			TCQ			
2651	2727,33	CLN			CNV			
2652	4048,75	TSC			TCN			
2653	8417,52	ODT(6600.00);CLN(1817.52)			CNV			
2654	520,05	DGT			TCQ			
2655	1649,9	LUK			CNV			
2656	142,84	DGT			TCQ			
2657	610,52	TMD			TKT			
2658	2246,83	LUK			CNV			
2659	931,84	ODT(800.00);CLN(131.84)			CNV			
2660	4307,91	ODT(3609.00);CLN(698.91)			CNV			
2661	7291,54	ODT(6150.00);CLN(1141.54)			CNV			
2662	464,52	DGT			TCQ			
2663	91,99	DGT			TCQ			
2664	2721,71	TSC			TCN			
2665	725,06	TMD			CNV			
2666	280,78	DGT			TCQ			
2667	780,6	DGT			TCQ			
2668	210274,9	DTT			TSN			
2669	1252,27	CLN			CNV			
2670	2430,38	ODT(2357.40);CLN(72.98)			CNV			
2671	93,8	LUK			CNV			
2672	1861,94	ODT(1340.00);CLN(521.94)			CNV			
2673	3368,95	ODT(2356.00);CLN(1012.95)			CNV			
2674	1220,56	DGT			TCQ			
2675	1442,34	HNK			CNV			
2676	2641,93	ODT(2000.00);CLN(641.93)			CNV			
2677	2721,86	TSC			TCN			
2678	5925,46	CLN			CNV			
2679	84798,08	CLN			CNV			
2680	5000,03	DGT			TCQ			
2681	62,47	DGT			TCQ			
2682	2128,61	LUK			CNV			
2683	76090,03	CLN			CNV			
2684	177,17	CLN			CNV			
2685	903,38	ODT			CNV			
2686	1,38	DNL			TKT			
2687	850,95	ODT(800.00);CLN(50.95)			CNV			
2688	1429,38	NTS			CNV			
2689	1538,37	TMD			TKT			
2690	1961,05	TMD			TKT			
2691	2285,83	ODT			CNV			
2692	1347,44	LUK			CNV			
2693	1208,9	DGT			TCQ			
2694	3499,92	ODT(3288.00);CLN(211.92)			CNV			
2695	1795,11	ODT(1680.00);CLN(115.11)			CNV			
2696	327,03	DGT			TCQ			
2697	903,56	ODT(820.00);CLN(83.56)			CNV			
2698	3056,28	TMD			TKT			
2699	43,76	CLN			CNV			
2700	4,65	DGT			TCQ			
2701	53797,21	CLN			CNV			
2702	28582,15	ODT			CNV			
2703	26161,28	ODT(2600.00);CLN(23561.28)			CNV			
2704	548,04	ODT			CNV			
2705	5336,89	ODT			CNV			
2706	4297,96	DSK			TSN			

* NAI *

2707	909,67	CLN			CNV			
2708	2817,46	ODT(2000.00);CLN(817.46)			CNV			
2709	505,08	LUK			CNV			
2710	50,07	DGT			TCQ			
2711	2971,24	TSC			TCN			
2712	3075,45	CLN			CNV			
2713	3592,3	ODT(200.00);CLN(3392.30)			CNV			
2714	688,49	HNK			CNV			
2715	196,51	HNK			CNV			
2716	328,34	DGT			TCQ			
2717	1127,95	DSK			TSN			
2718	808,64	LUK			CNV			
2719	3497,4	ODT			CNV			
2720	4595,62	DGT			TCQ			
2721	3107,75	TSC			TCN			
2722	336,21	SON			TCQ			
2723	14476,73	DGT			TCQ			
2724	8130,92	CLN			CNV			
2725	4063,63	ODT(1000.00);CLN(3063.63)			CNV			
2726	1155,36	DBV			TKT			
2727	1832,24	DGT			TCQ			
2728	827,64	DGT			TCQ			
2729	14187,54	CLN			CNV			
2730	3125,42	TSC			TCN			
2731	137,39	SON			TCQ			
2732	85,94	DGT			TCQ			
2733	1595,1	CLN			CNV			
2734	7805,57	HNK			CNV			
2735	2718,55	TSC			TCN			
2736	10956,24	DGD			TSN			
2737	2258,36	LUK			CNV			
2738	629	LUK			CNV			
2739	3081,5	DSK			TSN			
2740	489,64	HNK			CNV			
2741	22924,44	DGT			TCQ			
2742	905,48	ODT(630.00);CLN(275.48)			CNV			
2743	108,41	ODT(100.00);CLN(8.41)			CNV			
2744	653,26	DGT			TCQ			
2745	8240,38	ODT(1000.00);CLN(7240.38)			CNV			
2746	542,92	TMD			CNV			
2747	176,78	DGT			TCQ			
2748	1988,7	LUK			CNV			
2749	79,61	DGT			TCQ			
2750	3201,82	TMD			TKT			
2751	9160,73	CLN			CNV			
2752	3153,72	TSC			TCN			
2753	841,41	HNK			CNV			
2754	3090,67	ODT(2500.00);CLN(590.67)			CNV			
2755	4689,29	ODT(4000.00);CLN(689.29)			CNV			
2756	4433,07	NTS			CNV			
2757	10913,18	SON			TCQ			
2758	148,49	DGT			TCQ			
2759	883,93	TMD			TKT			
2760	2565,16	DGT			TCQ			
2761	10538,61	ODT(6800.00);CLN(3738.61)			CNV			
2762	5177,46	ODT(4000.00);CLN(1177.46)			CNV			
2763	2007,4	NTS			CNV			
2764	831,55	HNK			CNV			
2765	1501,36	ODT(200.00);CLN(1301.36)			CNV			
2766	537,33	ODT			CNV			
2767	139,68	DGT			TCQ			
2768	1084,95	DGT			TCQ			
2769	18113,65	ODT(1000.00);CLN(17113.65)			CNV			
2770	34,13	DGT			TCQ			
2771	881,2	TMD			TKT			
2772	5400,67	TMD			CNV			
2773	263163,3	DGT			TCQ			
2774	3197,32	TSC			TCN			

2775	3232,65	CLN			CNV			
2776	13039,12	DGD			TSN			
2777	31591,74	CLN			CNV			
2778	18427,63	ODT(16070.00);CLN(2357.63)			CNV			
2779	1580,61	NTS			CNV			
2780	25170,54	CLN			CNV			
2781	3447,21	SON			TCQ			
2782	427,64	LUK			CNV			
2783	11760,16	ODT(2711.20);CLN(9048.96)			CNV			
2784	205055,13	CLN			CNV			
2785	929,95	NTS			CNV			
2786	3206,16	TMD			TKT			
2787	168,17	DGT			TCQ			
2788	9844,12	ODT(5680.00);CLN(4164.12)			CNV			
2789	18624,56	ODT(5000.00);CLN(13624.56)			CNV			
2790	4103,17	CLN			CNV			
2791	234,17	LUK			CNV			
2792	422,81	DGT			TCQ			
2793	154286,43	DGD			TSN			
2794	2724,11	NTS			CNV			
2795	874,48	NTS			CNV			
2796	3559,01	CLN			CNV			
2797	249,54	HNK			CNV			
2798	37,45	DGT			TCQ			
2799	509,37	NTS			CNV			
2800	164,88	DGT			TCQ			
2801	3728,48	DGT			TCQ			
2802	130,25	DGT			TCQ			
2803	1298,56	ODT(1000.00);CLN(298.56)			CNV			
2804	4282,94	ODT			CNV			
2805	470,71	LUK			CNV			
2806	4105,77	DGT			TCQ			
2807	3846,36	NTS			CNV			
2808	13145,1	CLN			CNV			
2809	8257,56	ODT(3530.00);CLN(4727.56)			CNV			
2810	186,61	DGT			TCQ			
2811	2442,48	ODT(2340.00);CLN(102.48)			CNV			
2812	2568,06	HNK			CNV			
2813	1082,03	ODT(1000.00);CLN(82.03)			CNV			
2814	792,35	CLN			CNV			
2815	34,65	DGT			TCQ			
2816	191,11	DGT			TCQ			
2817	71,48	LUK			CNV			
2818	1922,74	NTS			CNV			
2819	102,11	HNK			CNV			
2820	2267,38	CLN			CNV			
2821	56,02	DNL			TKT			
2822	1925,09	ODT(1200.00);CLN(725.09)			CNV			
2823	942,45	DGT			TCQ			
2824	11998,37	ODT(1030.00);CLN(10968.37)			CNV			
2825	1002,81	ODT(1000.00);CLN(2.81)			CNV			
2826	1974,85	NTS			CNV			
2827	1010,66	ODT(1000.00);CLN(10.66)			CNV			
2828	346,89	DGT			TCQ			
2829	27673,44	ODT(6880.00);CLN(20793.44)			CNV			
2830	591,06	DGT			TCQ			
2831	9160,37	DGT			TCQ			
2832	693,19	NTS			CNV			
2833	1994,7	CLN			CNV			
2834	5332,17	CLN			CNV			
2835	100,14	DGT			TCQ			
2836	9158,06	ODT(5600.00);CLN(3558.06)			CNV			
2837	5258,76	CLN			CNV			
2838	8576,24	ODT(6000.00);CLN(2576.24)			CNV			
2839	907,4	NTS			CNV			
2840	2879,35	ODT(1130.00);CLN(1749.35)			CNV			
2841	14532,13	DGT			TCQ			
2842	1012,56	ODT(1000.00);CLN(12.56)			CNV			



2843	30333,25	ODT(30000.00);CLN(333.25)			CNV			
2844	1602,85	CLN			CNV			
2845	422,91	CLN			CNV			
2846	1472,76	CLN			CNV			
2847	253,49	LUK			CNV			
2848	2261,58	TMD			TKT			
2849	3966,61	CLN			CNV			
2850	89,7	DGT			TCQ			
2851	13844,08	ODT(5745.00);TMD(7591.00);CLN(508.08)			CNV			
2852	118,43	SON			TCQ			
2853	1101,04	NTS			CNV			
2854	3588,55	ODT(200.00);CLN(3388.55)			CNV			
2855	146,92	NTS			CNV			
2856	3047,92	CLN			CNV			
2857	16447,22	DGD			TSN			
2858	709,81	CLN			CNV			
2859	261,39	DGT			TCQ			
2860	649,14	NTS			CNV			
2861	239,24	DGT			TCQ			
2862	1210,07	NTS			CNV			
2863	502,78	DGT			TCQ			
2864	289,66	NTS			CNV			
2865	152,25	CLN			TCN			
2866	3280,11	SON			TCQ			
2867	1458,75	NTS			CNV			
2868	14425,75	CLN			CNV			
2869	4857,38	DGT			TCQ			
2870	23,5	SON			TCQ			
2871	1484,32	CLN			CNV			
2872	9,54	HNK			CNV			
2873	697,24	NTS			CNV			
2874	527,27	SON			TCQ			
2875	5102,76	DGT			TCQ			
2876	680,36	NTS			CNV			
2877	948,45	ODT(880.00);CLN(68.45)			CNV			
2878	2348,74	DGT			TCQ			
2879	44,08	SON			TCQ			
2880	19786,57	ODT(16200.00);CLN(3586.57)			CNV			
2881	49926,35	CAN			TCN			
2882	795,88	HNK			CNV			
2883	85,66	CLN			CNV			
2884	200,8	DGT			TCQ			
2885	1579,48	TMD			CNV			
2886	290,74	DGT			TCQ			
2887	1362,88	NTS			CNV			
2888	4398,36	ODT(3410.00);CLN(988.36)			CNV			
2889	26733,83	ODT(6100.00);CLN(20633.83)			CNV			
2890	124,86	HNK			CNV			
2891	1127,49	ODT(1000.00);CLN(127.49)			CNV			
2892	249,23	DTL			TCQ			
2893	4288,21	ODT(4000.00);CLN(288.21)			CNV			
2894	1420,66	CLN			CNV			
2895	2162,28	ODT(1500.00);CLN(662.28)			CNV			
2896	1230,69	SON			TCQ			
2897	6022,87	ODT(3343.00);CLN(2679.87)			CNV			
2898	413,24	ODT			CNV			
2899	42474,92	CLN			CNV			
2900	4424,76	ODT(4092.10);CLN(332.66)			CNV			
2901	135,07	NTS			CNV			
2902	1074,13	NTS			CNV			
2903	7843,73	ODT(2015.00);CLN(5828.73)			CNV			
2904	150,42	DGT			TCQ			
2905	3851,43	CLN			CNV			
2906	1238,04	TMD			TKT			
2907	1067,54	ODT(700.00);CLN(367.54)			CNV			
2908	2512,43	LUK			CNV			
2909	468,22	NTS			CNV			
2910	228,91	ODT			CNV			

H.C.N
 PHÒNG
 H TẾ
 NG V
 THỊ
 .T.Đ

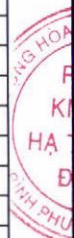
2911	1193,94	ODT(1000.00);CLN(193.94)			CNV			
2912	499,31	NTS			CNV			
2913	883,54	DGT			TCQ			
2914	45,46	CLN			CNV			
2915	549,18	NTS			CNV			
2916	10049,2	CLN			CNV			
2917	4243,45	CLN			CNV			
2918	2025,99	DKV			TCN			
2919	388,79	HNK			CNV			
2920	209,57	DGT			TCQ			
2921	3515,99	ODT(3117.00);CLN(398.99)			CNV			
2922	166,84	DGT			TCQ			
2923	790,07	TON			TTG			
2924	400,11	DGT			TCQ			
2925	2691,13	ODT(2601.40);CLN(89.73)			CNV			
2926	23362,21	ODT(10260.00);CLN(13102.21)	ODT:CLN(30)		CNV			
2927	2616,11	TIN			CDS			
2928	422,92	NTS			CNV			
2929	9044,04	TON			TTG			
2930	397,52	HNK			CNV			
2931	1842,49	TMD			CNV			
2932	279,35	DGT			TCQ			
2933	6353,79	ODT(4500.00);CLN(1853.79)			CNV			
2934	15985,75	ODT(8500.00);CLN(7485.75)			CNV			
2935	1012,74	DKV			TCN			
2936	2889,95	DGT			TCQ			
2937	76,96	HNK			CNV			
2938	797,54	DGT			TCQ			
2939	548,55	HNK			CNV			
2940	1009,19	ODT(250.00);CLN(759.19)			CNV			
2941	17007,45	CLN(16927.45);ODT(80.00)	ODT:CLN(80)		CNV			
2942	8595,55	ODT(1052.00);CLN(7543.55)	ODT:CLN(52)		CNV			
2943	3096,14	ODT(2000.00);CLN(1096.14)			CNV			
2944	16489,79	NTS			CNV			
2945	6975,71	ODT(6960.00);CLN(15.71)			CNV			
2946	17897,65	CLN(17857.65);ODT(40.00)	ODT:CLN(40)		CNV			
2947	1371,16	ODT(250.00);CLN(1121.16)			CNV			
2948	1323,3	HNK			CNV			
2949	13136,77	ODT(8700.00);CLN(4436.77)	ODT:CLN(300)		CNV			
2950	453,49	CLN			CNV			
2951	756,03	ODT			CNV			
2952	2790,67	ODT(1000.00);CLN(1790.67)			CNV			
2953	456,41	ODT(300.00);CLN(156.41)			CNV			
2954	35,71	SON			TCQ			
2955	9017,99	SKC			TKT			
2956	12235,37	CLN			CNV			
2957	963,35	SON			TCQ			
2958	2595,97	ODT(250.00);CLN(2345.97)			CNV			
2959	1403,98	ODT(500.00);CLN(903.98)			CNV			
2960	2110,44	HNK			CNV			
2961	214,36	ODT			CNV			
2962	8822,69	ODT(4000.00);CLN(4822.69)			CNV			
2963	1000,94	DYT			TKT			
2964	5947,06	ODT(5000.00);CLN(947.06)			CNV			
2965	281,53	DGT			TCQ			
2966	47410,66	ODT(19250.00);CLN(28160.66)			CNV			
2967	8798,47	ODT(6000.00);CLN(2798.47)			CNV			
2968	54601,97	CLN			CNV			
2969	709,16	NTS			CNV			
2970	2024,27	ODT(1000.00);CLN(1024.27)			CNV			
2971	32799,25	CLN			CNV			
2972	7032,84	ODT			CNV			
2973	11490,12	CLN			CNV			
2974	9015,02	DGD			TSN			
2975	19611,61	DGT			TCQ			
2976	208,01	LUK			CNV			
2977	3292,51	ODT			CNV			
2978	1807,01	CLN			CNV			

2979	70150,34	DGT			TCQ			
2980	62,1	ODT			CNV			
2981	745,03	ODT			CNV			
2982	14333,11	ODT(3820.00);CLN(10513.11)	ODT:CLN(50)		CNV			
2983	188,41	ODT			CNV			
2984	20,14	HNK			CNV			
2985	16986,58	CLN			CNV			
2986	963,94	TMD			TKT			
2987	779,2	LUK			CNV			
2988	1434,65	HNK			CNV			
2989	1196,18	ODT(1000.00);CLN(196.18)			CNV			
2990	6418,09	DGT			TCQ			
2991	459,39	LUK			CNV			
2992	9886,99	CLN			CNV			
2993	9926,26	ODT(640.00);CLN(9286.26)			CNV			
2994	6757,13	CLN			CNV			
2995	577,62	DKV			TCN			
2996	10547,4	DCH			TCN			
2997	3759,25	ODT(460.00);CLN(3299.25)			CNV			
2998	2849,01	ODT(2000.00);CLN(849.01)			CNV			
2999	14339,36	CLN			CNV			
3000	7907,84	CLN			CNV			
3001	710,24	DGT			TCQ			
3002	1408,15	ODT(800.00);CLN(608.15)			CNV			
3003	473,78	LUK			CNV			
3004	648,52	SON			TCQ			
3005	1496,65	ODT(200.00);CLN(1296.65)			CNV			
3006	15265,19	DGD			TSN			
3007	992,85	DGT			TCQ			
3008	1474,48	ODT(200.00);CLN(1274.48)			CNV			
3009	6544,75	CLN			CNV			
3010	353,51	LUK			CNV			
3011	1372,43	ODT(400.00);CLN(972.43)			CNV			
3012	11482,54	ODT(3000.00);CLN(8482.54)			CNV			
3013	6328,96	ODT(5884.00);CLN(444.96)			CNV			
3014	14421,91	CLN			CNV			
3015	21296,87	CLN			CNV			
3016	1377,24	ODT			CNV			
3017	611,29	CLN			CNV			
3018	122,46	LUK			CNV			
3019	1555,3	HNK			CNV			
3020	101,6	LUK			CNV			
3021	24498,78	ODT(9040.00);CLN(15458.78)	ODT:CLN(40)		CNV			
3022	336,92	ODT			CNV			
3023	9684,6	ODT(6000.00);CLN(3684.60)			CNV			
3024	2420,11	NTS			CNV			
3025	3251,53	NTS			CNV			
3026	4984	CLN			CNV			
3027	6443,04	ODT			CNV			
3028	2345,93	TSC			TCN			
3029	568,21	ODT(500.00);CLN(68.21)			CNV			
3030	2659,81	ODT			CNV			
3031	248,43	LUK			CNV			
3032	2394,38	ODT(1800.00);CLN(594.38)			CNV			
3033	352	DGT			TCQ			
3034	217,69	ODT(200.00);CLN(17.69)			CNV			
3035	686,81	HNK			CNV			
3036	15827,13	ODT(11000.00);CLN(4827.13)			CNV			
3037	267,76	NTS			CNV			
3038	5672,03	CLN			CNV			
3039	6772,37	ODT(6000.00);CLN(772.37)			CNV			
3040	6785,98	ODT(3000.00);CLN(3785.98)			CNV			
3041	5970,86	ODT(5330.00);CLN(640.86)			CNV			
3042	541,67	CLN			CNV			
3043	80,4	ODT			CNV			
3044	11929,29	HNK			CNV			
3045	2245,51	LUK			CNV			
3046	37132,92	CLN			CNV			

3251	174447,44	CLN			CNV			
3252	76,83	CLN			CNV			
3253	883,64	TMD			CNV			
3254	32025,25	ODT(7851.00);CLN(24174.25)			CNV			
3255	1024,83	NTS			CNV			
3256	3566,31	DGT			TCQ			
3257	22700,2	CLN			CNV			
3258	13292,26	CLN			CNV			
3259	5674,82	ODT(840.00);CLN(4834.82)			CNV			
3260	5809,05	HNK			CNV			
3261	4297,39	CLN			CNV			
3262	8693,68	DGT			TCQ			
3263	1372,14	SON			TCQ			
3264	1906,3	CLN			CNV			
3265	3861,83	CLN			CNV			
3266	10204,03	DGT			TCQ			
3267	962,64	DGT			TCQ			
3268	6835,96	ODT(2000.00);CLN(4835.96)			CNV			
3269	550236,88	CLN			CNV			
3270	700,34	NTS			CNV			
3271	524,68	NTS			CNV			
3272	855,37	NTS			CNV			
3273	2258,78	CLN			CNV			
3274	12036,77	ODT			CNV			
3275	704,8	DGT			TCQ			
3276	582,81	NTS			CNV			
3277	23111,2	ODT(8000.00);CLN(15111.20)			CNV			
3278	5779,15	ODT(1000.00);CLN(4779.15)			CNV			
3279	1104,76	NTS			CNV			
3280	2647,89	ODT(260.00);CLN(2387.89)			CNV			
3281	31694,16	TMD			TKT			
3282	3034,92	NTS			CNV			
3283	18466,79	LUK			CNV			
3284	6317,39	ODT			CNV			
3285	51629,92	ODT(6848.50);CLN(44781.42)	ODT:CLN(1348.00)		CNV			
3286	494,14	SON			TCQ			
3287	2403,95	ODT(400.00);CLN(2003.95)			CNV			
3288	29379,97	CLN			CNV			
3289	11979,36	DGT			TCQ			
3290	20408,68	CLN			CNV			
3291	16322,94	ODT			CNV			
3292	4359,08	LUK			CNV			
3293	10167,7	PNK			TKT			
3294	2112,64	ODT			CNV			
3295	112255,02	CLN(110051.47);ODT(2203.55)	ODT:CLN(2180.3)		CNV			
3296	12678,43	ODT(3200.00);CLN(9478.43)			CNV			
3297	1262,72	DGT			TCQ			
3298	1360,35	DGT			TCQ			
3299	11078,08	ODT			CNV			
3300	13409,56	DGT			TCQ			
3301	81892,67	ODT(5000.00);CLN(76892.67)			CNV			
3302	772,93	DKV			TCN			
3303	47834,12	ODT(7970.00);CLN(39864.12)			CNV			
3304	16419,11	ODT			CNV			
3305	10083,57	DGT			TCQ			
3306	24063,81	ODT(4000.00);CLN(20063.81)			CNV			
3307	26094,88	ODT			CNV			
3308	431,48	DGT			TCQ			
3309	6643,49	ODT(3000.00);CLN(3643.49)			CNV			
3310	2075,9	DGT			TCQ			
3311	129247,6	ODT(6700.00);CLN(122547.60)			CNV			
3312	924,44	NTS			CNV			
3313	6592,6	ODT(3000.00);CLN(3592.60)			CNV			
3314	1074,93	DGT			TCQ			
3315	45196,14	ODT(100.00);CLN(45096.14)			CNV			
3316	13838,82	ODT			CNV			
3317	152,6	NTS			CNV			
3318	375,52	HNK			CNV			

3319	692,12	ODT			CNV			
3320	9063,52	ODT			CNV			
3321	3713,69	CLN			CNV			
3322	873,95	DGT			TCQ			
3323	5809,39	ODT			CNV			
3324	1100,64	NTS			CNV			
3325	1121,15	DKV			TCN			
3326	13199,32	ODT			CNV			
3327	3505,87	ODT			CNV			
3328	1316,09	SON			TCQ			
3329	5107,53	ODT(2000.00);CLN(3107.53)			CNV			
3330	16985,19	ODT(15895.30);CLN(1089.89)			CNV			
3331	1553,19	HNK			CNV			
3332	9251,64	ODT			CNV			
3333	2024,9	DGT			TCQ			
3334	5804,19	DGT			TCQ			
3335	20453,66	CLN			CNV			
3336	2062,91	ODT			CNV			
3337	3078,52	CLN			CNV			
3338	1518,09	CLN			CNV			
3339	475,09	NTS			CNV			
3340	7294,94	DGT			TCQ			
3341	946,56	HNK			CNV			
3342	12671,97	ODT			CNV			
3343	15410,02	CLN			CNV			
3344	3987,06	ODT(2000.00);CLN(1987.06)			CNV			
3345	7977,8	ODT			CNV			
3346	6962,56	TMD			TKT			
3347	1123,37	DGT			TCQ			
3348	476,89	SON			TCQ			
3349	4048,04	DGT			TCQ			
3350	9923,73	CLN			CNV			
3351	6534,53	ODT			CNV			
3352	9639,61	HNK			CNV			
3353	358,74	NTS			CNV			
3354	22952,35	ODT(2000.00);CLN(20952.35)			CNV			
3355	6679,42	DGT			TCQ			
3356	709,52	HNK			CNV			
3357	60470,33	CLN			CNV			
3358	16584,9	ODT			CNV			
3359	15262,22	ODT(50.00);CLN(15212.22)	ODT:CLN(50)		CNV			
3360	6040,14	ODT			CNV			
3361	597,2	DGT			TCQ			
3362	49566,75	ODT(15309.00);CLN(34257.75)			CNV			
3363	11128,2	ODT(4100.00);CLN(7028.19)			CNV			
3364	10887,8	ODT(2110.00);CLN(8777.80)	ODT:CLN(110)		CNV			
3365	3235,43	CLN			CNV			
3366	4633,96	TON			TTG			
3367	2852,48	DGT			TCQ			
3368	4860,66	ODT(1000.00);CLN(3860.66)			CNV			
3369	2364,02	ODT(260.00);CLN(2104.02)			CNV			
3370	2245,51	DGT			TCQ			
3371	8900,39	ODT(4200.00);CLN(4700.39)			CNV			
3372	240,33	TMD			TKT			
3373	31923,8	CLN			CNV			
3374	8809,95	ODT			CNV			
3375	1616,09	CLN			CNV			
3376	8866,68	ODT			CNV			
3377	9057,99	ODT(1800.00);CLN(7257.99)			CNV			
3378	9436,3	DGT			TCQ			
3379	989	SON			TCQ			
3380	9957,64	ODT(3500.00);CLN(6457.64)			CNV			
3381	8460,66	ODT			CNV			
3382	9014,68	ODT(1000.00);CLN(8014.68)			CNV			
3383	4640,47	ODT(2000.00);CLN(2640.47)			CNV			
3384	4795,96	DNL			TKT			
3385	2217,8	ODT			CNV			
3386	1080,79	HNK			CNV			

3455	97842,34	ODT(6070.00);CLN(91772.34)			CNV			
3456	2167,43	ODT			CNV			
3457	3565,49	LUK			CNV			
3458	10113,2	NTD			TCN			
3459	511,48	ODT			CNV			
3460	703,78	NTS			CNV			
3461	2235,24	ODT			CNV			
3462	510,19	ODT			CNV			
3463	11022,83	TSC			TCN			
3464	1275,15	CLN			CNV			
3465	114,42	ODT			CNV			
3466	5745,68	ODT			CNV			
3467	1310,98	TON			TTG			
3468	2012,68	ODT			CNV			
3469	9387,45	ODT(1000.00);CLN(8387.45)			CNV			
3470	15871,04	ODT(130.00);CLN(15741.04)	ODT:CLN(30)		CNV			
3471	2390,62	CLN			CNV			
3472	1832,49	ODT			CNV			
3473	21132,09	ODT(83.50);CLN(21048.59)	ODT:CLN(83.5)		CNV			
3474	7805,78	ODT(2000.00);CLN(5805.78)			CNV			
3475	1746,2	ODT			CNV			
3476	1611,42	CLN			CNV			
3477	1514,8	ODT			CNV			
3478	1966,71	CLN			CNV			
3479	4300,72	CLN			CNV			
3480	3770,28	ODT			CNV			
3481	807,49	NTS			CNV			
3482	2247,02	SON			TCQ			
3483	5281,55	LUK			CNV			
3484	11866,72	TMD			TKT			
3485	5559,7	LUK			CNV			
3486	3504,14	ODT			CNV			
3487	362,04	DGT			TCQ			
3488	3216,02	ODT			CNV			
3489	2343,8	ODT(630.00);CLN(1713.80)			CNV			
3490	475,82	DGT			TCQ			
3491	779,39	LUK			CNV			
3492	6108,32	ODT			CNV			
3493	707,44	SON			TCQ			
3494	95	CLN			TCN			
3495	9190,22	HNK			CNV			
3496	1070,34	LUK			CNV			
3497	356,5	NTS			CNV			
3498	1867,38	DGT			TCQ			
3499	2998,75	ODT			CNV			
3500	1619,93	CLN			CNV			
3501	2796,49	ODT			CNV			
3502	2313,27	DGT			TCQ			
3503	4138,78	ODT			CNV			
3504	6024,24	LUK			CNV			
3505	130983,16	ODT(126.00);CLN(130857.16)	ODT:CLN(86)		CNV			
3506	280,85	SON			TCQ			
3507	2444,51	ODT(756.00);CLN(1688.51)			CNV			
3508	10990,08	CLN			CNV			
3509	1228,84	HNK			CNV			
3510	93318,68	CLN			CNV			
3511	6589,28	LUK			CNV			
3512	597,46	NTS			CNV			
3513	815,84	DGT			TCQ			
3514	7959,88	CLN			CNV			
3515	261,17	LUK			CNV			
3516	3719,41	ODT			CNV			
3517	29165,89	LUK			CNV			
3518	104106,81	CLN			CNV			
3519	44176,17	CLN			CNV			
3520	111590,69	CLN			CNV			
3521	6702,83	HNK			CNV			
3522	222,86	CLN			TCN			



3523	1198,76	LUK			CNV			
3524	314,69	DGT			TCQ			
3525	3569,81	DGT			TCQ			
3526	98055,28	ODT(6406.00);CLN(91649.28)	ODT:CLN(2650)		CNV			
3527	55,65	LUK			CNV			
3528	2638,31	DGT			TCQ			
3529	21438,67	ODT(2000.00);CLN(19438.67)			CNV			
3530	677,13	LUK			CNV			
3531	28,15	LUK			CNV			
3532	983,05	DKV			TCN			
3533	18139,74	DGT			TCQ			
3534	39058,32	ODT(13350.00);CLN(25708.32)			CNV			
3535	1501,73	DGT			TCQ			
3536	6294,8	SON			TCQ			
3537	9274,53	ODT			CNV			
3538	7865,28	CLN			CNV			
3539	9516,6	CLN			CNV			
3540	46835,51	DGT			TCQ			
3541	868,34	NTS			CNV			
3542	2619,47	NTS			CNV			
3543	819,22	LUK			CNV			
3544	1176,73	ODT(200.00);CLN(976.73)			CNV			
3545	8291,46	ODT(800.00);CLN(7491.46)			CNV			
3546	12865,93	ODT(7430.00);CLN(5435.93)			CNV			
3547	6072,03	LUK			CNV			
3548	7750,56	ODT			CNV			
3549	18669,35	DGT			TCQ			
3550	54,14	LUK			CNV			
3551	2802,27	LUK			CNV			
3552	113,55	LUK			CNV			
3553	1967,91	NTS			CNV			
3554	2578,87	ODT			CNV			
3555	3543,75	NTS			CNV			
3556	15291,79	CLN			CNV			
3557	8707,24	ODT(1000.00);CLN(7707.24)			CNV			
3558	3784,19	CLN			CNV			
3559	367,64	DGT			TCQ			
3560	8472,57	ODT			CNV			
3561	3816,64	CLN			CNV			
3562	232,78	LUK			CNV			
3563	2814,39	LUK			CNV			
3564	48299,41	ODT(100.00);CLN(48199.41)	ODT:CLN(100)		CNV			
3565	2584,62	ODT			CNV			
3566	2257,1	CLN			CNV			
3567	6050,36	CLN			CNV			
3568	29332,92	HNK			CNV			
3569	3955,76	SON			TCQ			
3570	1237,16	NTS			CNV			
3571	2600,25	ODT			CNV			
3572	16491,98	LUK			CNV			
3573	363,22	NTS			CNV			
3574	3985,58	DGT			TCQ			
3575	1059,24	DGT			TCQ			
3576	1165,4	LUK			CNV			
3577	1560,93	SON			TCQ			
3578	26635,27	ODT(10000.00);CLN(16635.27)			CNV			
3579	999,78	DGT			TCQ			
3580	23203,31	ODT(1000.00);CLN(22203.31)			CNV			
3581	4551,87	LUK			CNV			
3582	7471,49	ODT			CNV			
3583	8384,15	CLN			CNV			
3584	391,28	LUK			CNV			
3585	3988,99	ODT			CNV			
3586	2555,1	ODT			CNV			
3587	6252,76	DGT			TCQ			
3588	1067,1	NTS			CNV			
3589	1620,37	SON			TCQ			
3590	2374,09	ODT			CNV			

K.H
HỒ
VH
TÂN
Ô T

3591	12249,31	CLN			CNV			
3592	963,55	NTS			CNV			
3593	715,04	NTS			CNV			
3594	7435,97	LUK			CNV			
3595	1526,76	NTS			CNV			
3596	8102,08	LUK			CNV			
3597	989,08	NTS			CNV			
3598	1212,12	NTS			CNV			
3599	9639,73	ODT(4200.00);CLN(5439.73)			CNV			
3600	2606,77	LUK			CNV			
3601	742,23	DVH			TCN			
3602	577,56	HNK			CNV			
3603	2312,19	DGD			TSN			
3604	3933,71	LUK			CNV			
3605	46,98	DNL			TKT			
3606	1182,56	NTS			CNV			
3607	2033,92	LUK			CNV			
3608	8678,67	LUK			CNV			
3609	132,97	LUK			CNV			
3610	86624,73	ODT(1000.00);CLN(85624.73)			CNV			
3611	298,28	DGT			TCQ			
3612	6509,78	CLN			CNV			
3613	19253,96	HNK			CNV			
3614	9758,84	ODT			CNV			
3615	3695,18	LUK			CNV			
3616	9373,74	LUK			CNV			
3617	960,97	NTS			CNV			
3618	1547,6	NTS			CNV			
3619	8590,69	LUK			CNV			
3620	340,38	ODT			CNV			
3621	507,05	NTS			CNV			
3622	636,11	NTS			CNV			
3623	63212,73	DGT			TCQ			
3624	6738,01	DGT			TCQ			
3625	2170,04	LUK			CNV			
3626	26937,51	ODT(60.00);CLN(26877.51)	ODT:CLN(60)		CNV			
3627	674,29	ODT			CNV			
3628	8914,92	CLN			CNV			
3629	11415,17	ODT(1800.00);CLN(9615.17)			CNV			
3630	17246,43	LUK			CNV			
3631	100989,69	SON			TCQ			
3632	4112,03	DTT			TSN			
3633	3994,49	ODT			CNV			
3634	84,36	SON			TCQ			
3635	2204,55	ODT			CNV			
3636	79,8	SON			TCQ			
3637	158,15	DGT			TCQ			
3638	1478,61	ODT			CNV			
3639	580,27	NTS			CNV			
3640	3165,93	ODT			CNV			
3641	3134,33	SON			TCQ			
3642	2151,16	LUK			CNV			
3643	926,72	ODT			CNV			
3644	3193,58	ODT			CNV			
3645	154,03	ODT			CNV			
3646	34883,37	ODT(11600.00);CLN(23283.37)	ODT:CLN(600)		CNV			
3647	8537,87	CLN			CNV			
3648	3178,57	CLN			CNV			
3649	2743,23	ODT			CNV			
3650	24780,33	CLN			CNV			
3651	3724,38	ODT			CNV			
3652	4633,57	NTS			CNV			
3653	3499,73	ODT			CNV			
3654	108,09	DGT			TCQ			
3655	3425,26	ODT			CNV			
3656	1728,49	NTS			CNV			
3657	3359,65	LUK			CNV			
3658	4364,12	LUK			CNV			

2.N.V.
 VG
 TẾ,
 3.VÀ
 H
 ĐỒNG

3591	12249,31	CLN			CNV			
3592	963,55	NTS			CNV			
3593	715,04	NTS			CNV			
3594	7435,97	LUK			CNV			
3595	1526,76	NTS			CNV			
3596	8102,08	LUK			CNV			
3597	989,08	NTS			CNV			
3598	1212,12	NTS			CNV			
3599	9639,73	ODT(4200.00);CLN(5439.73)			CNV			
3600	2606,77	LUK			CNV			
3601	742,23	DVH			TCN			
3602	577,56	HNK			CNV			
3603	2312,19	DGD			TSN			
3604	3933,71	LUK			CNV			
3605	46,98	DNL			TKT			
3606	1182,56	NTS			CNV			
3607	2033,92	LUK			CNV			
3608	8678,67	LUK			CNV			
3609	132,97	LUK			CNV			
3610	86624,73	ODT(1000.00);CLN(85624.73)			CNV			
3611	298,28	DGT			TCQ			
3612	6509,78	CLN			CNV			
3613	19253,96	HNK			CNV			
3614	9758,84	ODT			CNV			
3615	3695,18	LUK			CNV			
3616	9373,74	LUK			CNV			
3617	960,97	NTS			CNV			
3618	1547,6	NTS			CNV			
3619	8590,69	LUK			CNV			
3620	340,38	ODT			CNV			
3621	507,05	NTS			CNV			
3622	636,11	NTS			CNV			
3623	63212,73	DGT			TCQ			
3624	6738,01	DGT			TCQ			
3625	2170,04	LUK			CNV			
3626	26937,51	ODT(60.00);CLN(26877.51)	ODT:CLN(60)		CNV			
3627	674,29	ODT			CNV			
3628	8914,92	CLN			CNV			
3629	11415,17	ODT(1800.00);CLN(9615.17)			CNV			
3630	17246,43	LUK			CNV			
3631	100989,69	SON			TCQ			
3632	4112,03	DTT			TSN			
3633	3994,49	ODT			CNV			
3634	84,36	SON			TCQ			
3635	2204,55	ODT			CNV			
3636	79,8	SON			TCQ			
3637	158,15	DGT			TCQ			
3638	1478,61	ODT			CNV			
3639	580,27	NTS			CNV			
3640	3165,93	ODT			CNV			
3641	3134,33	SON			TCQ			
3642	2151,16	LUK			CNV			
3643	926,72	ODT			CNV			
3644	3193,58	ODT			CNV			
3645	154,03	ODT			CNV			
3646	34883,37	ODT(11600.00);CLN(23283.37)	ODT:CLN(600)		CNV			
3647	8537,87	CLN			CNV			
3648	3178,57	CLN			CNV			
3649	2743,23	ODT			CNV			
3650	24780,33	CLN			CNV			
3651	3724,38	ODT			CNV			
3652	4633,57	NTS			CNV			
3653	3499,73	ODT			CNV			
3654	108,09	DGT			TCQ			
3655	3425,26	ODT			CNV			
3656	1728,49	NTS			CNV			
3657	3359,65	LUK			CNV			
3658	4364,12	LUK			CNV			

3659	10282,84	DGT			TCQ			
3660	4035,46	ODT			CNV			
3661	1444,49	NTS			CNV			
3662	2423,86	HNK			CNV			
3663	1201,11	LUK			CNV			
3664	12398,17	CLN			CNV			
3665	539,07	CLN			CNV			
3666	4801,07	LUK			CNV			
3667	3572,85	ODT			CNV			
3668	4428,26	LUK			CNV			
3669	62685,35	ODT(1502.00);CLN(61183.35)			CNV			
3670	817,56	SON			TCQ			
3671	3493,92	NTS			CNV			
3672	3652,19	ODT(1860.00);CLN(1792.19)			CNV			
3673	3630,75	ODT			CNV			
3674	1686,99	LUK			CNV			
3675	24093,22	DGT			TCQ			
3676	2879,5	LUK			CNV			
3677	1236,05	ODT			CNV			
3678	2022,92	LUK			CNV			
3679	4367,26	ODT			CNV			
3680	682,72	ODT			CNV			
3681	805,82	NTS			CNV			
3682	1200,14	NTS			CNV			
3683	2179,03	LUK			CNV			
3684	6072,33	ODT(1000.00);CLN(5072.33)			CNV			
3685	9143,56	TMD			TKT			
3686	1096,64	NTS			CNV			
3687	2669,33	CLN			CNV			
3688	5399,86	CLN			CNV			
3689	1697,86	ODT(300.00);CLN(1397.86)			TKT			
3690	1373,96	CLN			CNV			
3691	4491,46	SON			TCQ			
3692	1912,92	NTS			CNV			
3693	893,31	NTS			CNV			
3694	3230,06	ODT(1000.00);CLN(2230.06)			CNV			
3695	6649,36	NTS			CNV			
3696	29343,96	LUK			CNV			
3697	5972,15	LUK			CNV			
3698	15683,03	ODT(2000.00);HNK(13683.03)			CNV			
3699	2781,77	LUK			CNV			
3700	120088,57	CLN			CNV			
3701	2231,4	LUK			CNV			
3702	5832,37	CLN			CNV			
3703	1048,92	NTS			CNV			
3704	2671,34	NTS			CNV			
3705	4504,67	CLN			CNV			
3706	4896,13	ODT			CNV			
3707	1264,59	CLN			TCN			
3708	4111,36	NTS			CNV			
3709	3469,55	LUK			CNV			
3710	259,15	NTS			CNV			
3711	200,64	SON			TCQ			
3712	4785,4	CLN			CNV			
3713	7027,16	LUK			CNV			
3714	146,09	NTS			CNV			
3715	1076,94	NTS			CNV			
3716	1581,14	LUK			CNV			
3717	2409,69	NTS			CNV			
3718	6359,83	ODT(1800.00);CLN(4559.83)			CNV			
3719	993,39	DGT			TCQ			
3720	2204,72	NTS			CNV			
3721	5156,88	ODT			CNV			
3722	9414,37	ODT(1000.00);CLN(8414.37)			CNV			
3723	19279,92	ODT(1000.00);CLN(18279.92)			CNV			
3724	1325,25	SON			TCQ			
3725	164,38	DGT			TCQ			
3726	1100,28	NTS			CNV			

3727	652,77	LUK			CNV			
3728	1157,58	NTS			CNV			
3729	1346,98	NTS			CNV			
3730	9236,95	CLN			CNV			
3731	20034,2	HNK			CNV			
3732	7338,57	DGT			TCQ			
3733	920,99	SON			TCQ			
3734	63,29	DGT			TCQ			
3735	39489,63	CLN			CNV			
3736	1302,73	LUK			CNV			
3737	11800,22	LUK			CNV			
3738	38494,51	DCT			TCN			
3739	275,58	SON			TCQ			
3740	1945,36	SON			TCQ			
3741	172642,8	CLN			CNV			
3742	2263,43	DGT			TCQ			
3743	18380,93	DGT			TCQ			
3744	11750,19	DGT			TCQ			
3745	5351,58	ODT			CNV			
3746	113,56	LUK			CNV			
3747	39196,4	ODT(11200.00);CLN(27996.40)	ODT:CLN(200)		CNV			
3748	4675,84	LUK			CNV			
3749	2329,21	LUK			CNV			
3750	27017,9	CLN(26817.90);ODT(200.00)	ODT:CLN(200)		CNV			
3751	329,97	NTS			CNV			
3752	1874,27	NTS			CNV			
3753	35002,51	DCT			TCN			
3754	1243,19	DGT			TCQ			
3755	823,09	CLN			CNV			
3756	5657,52	ODT			CNV			
3757	2934,22	LUK			CNV			
3758	243,78	LUK			CNV			
3759	1805,74	NTS			CNV			
3760	206,33	DGT			TCQ			
3761	58113,79	CLN			CNV			
3762	1451,42	NTS			CNV			
3763	1070,7	NTS			CNV			
3764	4487,55	LUK			CNV			
3765	8206,86	CLN			CNV			
3766	1202,08	DGT			TCQ			
3767	538,55	NTS			CNV			
3768	10251,29	CLN			CNV			
3769	131,88	NTS			CNV			
3770	2128,91	NTS			CNV			
3771	159,33	LUK			CNV			
3772	933,82	ODT			CNV			
3773	1435,42	SON			TCQ			
3774	19295,5	CLN			CNV			
3775	1994,67	ODT(805.00);CLN(1189.67)			CNV			
3776	623,16	NTS			CNV			
3777	906,4	ODT			CNV			
3778	109,36	LUK			CNV			
3779	1011,18	ODT			CNV			
3780	1243,58	LUK			CNV			
3781	1123,65	LUK			CNV			
3782	442,42	ODT			CNV			
3783	23,8	SON			TCQ			
3784	1254,08	CLN			CNV			
3785	2965,21	CLN			CNV			
3786	1251,9	HNK			CNV			
3787	16317,98	LUK			CNV			
3788	799,81	NTS			CNV			
3789	1120,04	NTS			CNV			
3790	1060,13	LUK			CNV			
3791	636,76	LUK			CNV			
3792	24492,84	CLN			CNV			
3793	276,01	LUK			CNV			
3794	1462,7	NTS			CNV			

3795	425,46	ODT			CNV			
3796	1071,6	SON			TCQ			
3797	29921,11	DGT			TCQ			
3798	673,27	LUK			CNV			
3799	1598,58	ODT			CNV			
3800	68675,99	ODT(200.00);CLN(68475.99)			CNV			
3801	2061,45	LUK			CNV			
3802	1332,66	NTS			CNV			
3803	557,23	ODT(200.00);CLN(357.23)			CNV			
3804	667,95	DGT			TCQ			
3805	8294,19	CLN			CNV			
3806	6423,03	SON			TCQ			
3807	722177,57	CLN			CNV			
3808	17333,89	CLN			CNV			
3809	747,69	NTS			CNV			
3810	41893,04	CLN			CNV			
3811	1965,62	DGT			TCQ			
3812	10045,36	ODT(1000.00);CLN(9045.36)			CNV			
3813	7440,42	ODT(1000.00);CLN(6440.42)			CNV			
3814	7983,55	DGT			TCQ			
3815	3938,99	TMD			CNV			
3816	2131,9	LUK			CNV			
3817	48729,84	ODT(16135.00);CLN(32594.84)			CNV			
3818	646,86	SON			TCQ			
3819	5144,7	DGT			TCQ			
3820	518,52	CLN			CNV			
3821	1001,36	HNK			CNV			
3822	1510,14	ODT(400.00);CLN(1110.14)			CNV			
3823	201,68	DGT			TCQ			
3824	32184,54	CLN			CNV			
3825	4154,19	DGT			TCQ			
3826	659,19	CLN			CNV			
3827	5227,74	CLN			CNV			
3828	1306,89	LUK			CNV			
3829	496,29	ODT			CNV			
3830	16037,61	CLN			CNV			
3831	7732,33	LUK			CNV			
3832	39518,25	SKK			TKT			
3833	82261,85	ODT(700.00);CLN(81561.85)	ODT:CLN(700)		CNV			
3834	7540,46	CLN			CNV			
3835	652,32	DGT			TCQ			
3836	17664,59	LUK			CNV			
3837	2883,83	LUK			CNV			
3838	2705,74	ODT(500.00);CLN(2205.74)			CNV			
3839	19709,56	LUK			CNV			
3840	2524,06	CLN			CNV			
3841	81,46	DGT			TCQ			
3842	8995,23	LUK			CNV			
3843	45151,87	SKK			TKT			
3844	67974,47	SKK			TKT			
3845	8240,82	ODT(1000.00);CLN(7240.82)			CNV			
3846	38600,07	ODT(8530.00);CLN(30070.07)			CNV			
3847	401,58	ODT			CNV			
3848	9316,73	ODT(2000.00);CLN(7316.73)			CNV			
3849	536,5	LUK			CNV			
3850	1198,86	NTS			CNV			
3851	63626,77	CLN			CNV			
3852	1441,28	NTS			CNV			
3853	45024,44	SKK			TKT			
3854	15971,09	LUK			CNV			
3855	75,33	HNK			CNV			
3856	69078,42	CLN			CNV			
3857	9533,78	CLN			CNV			
3858	341,58	SON			TCQ			
3859	27655,66	NTS			CNV			
3860	1087,99	NTS			CNV			
3861	7430,05	CLN			CNV			
3862	407,32	HNK			CNV			

3863	383,09	SON			TCQ			
3864	955,77	LUK			CNV			
3865	5259,72	NTS			CNV			
3866	4652,06	LUK			CNV			
3867	3890,97	CLN			CNV			
3868	707,55	LUK			CNV			
3869	16847,43	CLN			CNV			
3870	59,75	CLN			CNV			
3871	2278,15	CLN			CNV			
3872	1500,15	NTS			CNV			
3873	3555,21	DGT			TCQ			
3874	15299,38	DGT			TCQ			
3875	1356,58	LUK			CNV			
3876	29367,09	CLN			CNV			
3877	9648,66	ODT(2000.00);CLN(7648.66)			CNV			
3878	47,29	DNL			TKT			
3879	4625,82	HNK			CNV			
3880	12019,04	CLN			CNV			
3881	2920,49	NTS			CNV			
3882	5309,81	TMD			CNV			
3883	22169,03	CLN			CNV			
3884	360,4	DGT			TCQ			
3885	1056,08	SON			TCQ			
3886	80748,52	CLN			CNV			
3887	5704,12	DTL			TCQ			
3888	1531,98	NTS			CNV			
3889	240,63	CLN			CNV			
3890	266493,86	ODT(1180.10);CLN(265313.76)	ODT:CLN(1180.1)		CNV			
3891	22,83	DNL			TKT			
3892	3208,24	DGT			TCQ			
3893	74697,32	ODT(7900.00);CLN(66797.32)	ODT:CLN(100)		CNV			
3894	19161,26	LUK			CNV			
3895	1098,96	ODT			CNV			
3896	37493,08	DGT			TCQ			
3897	130980,51	CLN			CNV			
3898	571,68	ODT			CNV			
3899	10447,36	NTS			CNV			
3900	427,82	DGT			TCQ			
3901	2725,76	LUK			CNV			
3902	2346,54	TMD			CNV			
3903	237909,98	DGT			TCQ			
3904	2027,44	LUK			CNV			
3905	3873,26	LUK			CNV			
3906	23753,9	ODT(2730.00);CLN(21023.90)			CNV			
3907	2164,83	NTS			CNV			
3908	7717,84	ODT(1320.00);CLN(6397.84)			CNV			
3909	5727,3	NTS			CNV			
3910	14314,93	DGT			TCQ			
3911	3472,13	ODT(700.00);CLN(2772.13)			CNV			
3912	17365,04	NTS			CNV			
3913	4046,9	NTS			CNV			
3914	2415,42	NTS			CNV			
3915	1654,07	NTS			CNV			
3916	1825,74	TMD			TKT			
3917	16843,61	CLN			CNV			
3918	1335,25	NTS			CNV			
3919	2269,53	LUK			CNV			
3920	57058,69	CLN			CNV			
3921	708,79	ODT			CNV			
3922	76467,47	SON			TCQ			
3923	98087,23	CLN			CNV			
3924	2924,04	ODT			TKT			
3925	4608,77	NTS			CNV			
3926	5118,51	NTS			CNV			
3927	2075,87	SON			TCQ			
3928	797,81	NTS			CNV			
3929	4231,5	LUK			CNV			
3930	193,91	CLN			CNV			

3863	383,09	SON			TCQ			
3864	955,77	LUK			CNV			
3865	5259,72	NTS			CNV			
3866	4652,06	LUK			CNV			
3867	3890,97	CLN			CNV			
3868	707,55	LUK			CNV			
3869	16847,43	CLN			CNV			
3870	59,75	CLN			CNV			
3871	2278,15	CLN			CNV			
3872	1500,15	NTS			CNV			
3873	3555,21	DGT			TCQ			
3874	15299,38	DGT			TCQ			
3875	1356,58	LUK			CNV			
3876	29367,09	CLN			CNV			
3877	9648,66	ODT(2000.00);CLN(7648.66)			CNV			
3878	47,29	DNL			TKT			
3879	4625,82	HNK			CNV			
3880	12019,04	CLN			CNV			
3881	2920,49	NTS			CNV			
3882	5309,81	TMD			CNV			
3883	22169,03	CLN			CNV			
3884	360,4	DGT			TCQ			
3885	1056,08	SON			TCQ			
3886	80748,52	CLN			CNV			
3887	5704,12	DTL			TCQ			
3888	1531,98	NTS			CNV			
3889	240,63	CLN			CNV			
3890	266493,86	ODT(1180.10);CLN(265313.76)	ODT:CLN(1180.1)		CNV			
3891	22,83	DNL			TKT			
3892	3208,24	DGT			TCQ			
3893	74697,32	ODT(7900.00);CLN(66797.32)	ODT:CLN(100)		CNV			
3894	19161,26	LUK			CNV			
3895	1098,96	ODT			CNV			
3896	37493,08	DGT			TCQ			
3897	130980,51	CLN			CNV			
3898	571,68	ODT			CNV			
3899	10447,36	NTS			CNV			
3900	427,82	DGT			TCQ			
3901	2725,76	LUK			CNV			
3902	2346,54	TMD			CNV			
3903	237909,98	DGT			TCQ			
3904	2027,44	LUK			CNV			
3905	3873,26	LUK			CNV			
3906	23753,9	ODT(2730.00);CLN(21023.90)			CNV			
3907	2164,83	NTS			CNV			
3908	7717,84	ODT(1320.00);CLN(6397.84)			CNV			
3909	5727,3	NTS			CNV			
3910	14314,93	DGT			TCQ			
3911	3472,13	ODT(700.00);CLN(2772.13)			CNV			
3912	17365,04	NTS			CNV			
3913	4046,9	NTS			CNV			
3914	2415,42	NTS			CNV			
3915	1654,07	NTS			CNV			
3916	1825,74	TMD			TKT			
3917	16843,61	CLN			CNV			
3918	1335,25	NTS			CNV			
3919	2269,53	LUK			CNV			
3920	57058,69	CLN			CNV			
3921	708,79	ODT			CNV			
3922	76467,47	SON			TCQ			
3923	98087,23	CLN			CNV			
3924	2924,04	ODT			TKT			
3925	4608,77	NTS			CNV			
3926	5118,51	NTS			CNV			
3927	2075,87	SON			TCQ			
3928	797,81	NTS			CNV			
3929	4231,5	LUK			CNV			
3930	193,91	CLN			CNV			



3931	456,26	LUK			CNV			
3932	24310,77	DGT			TKT			
3933	676,98	DGT			TCQ			
3934	1916,92	LUK			CNV			
3935	3632,03	ODT			TKT			
3936	11731,98	HNK			CNV			
3937	1299061,9	CLN			CNV			
3938	427289,51	CLN			CNV			
3939	2170,37	NTS			CNV			
3940	195,77	LUK			CNV			
3941	1747,24	TMD			TKT			
3942	1785,65	ODT			TKT			
3943	23688,43	ODT(2000.00);CLN(21688.43)			CNV			
3944	2431,01	NTS			CNV			
3945	6557,38	NTS			CNV			
3946	1824	ODT			TKT			
3947	10130,13	CLN			CNV			
3948	999,71	CLN			CNV			
3949	2932,15	NTS			CNV			
3950	2019,37	ODT			TKT			
3951	1220,91	LUK			CNV			
3952	2749,35	CLN			CNV			
3953	6424,62	CLN			CNV			
3954	502,59	DGT			TCQ			
3955	44,32	DGT			TCQ			
3956	1768	ODT			TKT			
3957	124113,11	SKK			TKT			
3958	1984	ODT			TKT			
3959	2285,63	ODT			TKT			
3960	86587	SKK			TKT			
3961	772,22	HNK			CNV			
3962	3716,53	ODT(1030.00);CLN(2686.53)			CNV			
3963	1503,97	DKV			TKT			
3964	20691,56	ODT(9860.00);CLN(10831.56)			CNV			
3965	8887,79	ODT			CNV			
3966	1169,76	SON			TCQ			
3967	290,94	SON			TCQ			
3968	7299,23	SON			TCQ			
3969	17639,96	DGT			TCQ			
3970	1648,01	TMD			TKT			
3971	7967,61	ODT(1240.00);CLN(6727.61)			CNV			
3972	8450,82	ODT(2200.00);CLN(6250.82)			CNV			
3973	2367,99	ODT			TKT			
3974	9097,27	ODT(700.00);CLN(8397.27)			CNV			
3975	31992,56	CLN			CNV			
3976	1080,02	DGD			TKT			
3977	3840,42	TMD			TKT			
3978	2111,99	ODT			TKT			
3979	1849,24	HNK			TKT			
3980	9303,16	ODT(1000.00);CLN(8303.16)			CNV			
3981	3479,21	DGT			TCQ			
3982	1384,01	ODT			TKT			
3983	1809,2	NTS			CNV			
3984	2179,66	NTS			CNV			
3985	1461,07	ODT			TKT			
3986	2367,99	ODT			TKT			
3987	76239,83	CLN(76169.63);ODT(70.00)	ODT:CLN(70)		CNV			
3988	33307,54	ODT(4300.00);CLN(29007.54)			CNV			
3989	11174,37	ODT			CNV			
3990	1504,01	ODT			TKT			
3991	222,3	ODT(200.00);CLN(22.30)			CNV			
3992	13444,04	DGT			TCQ			
3993	2345,89	DKV			TCN			
3994	42958,26	ODT(4545.40);CLN(38412.86)			CNV			
3995	2368,04	ODT			TKT			
3996	27711,37	ODT(2000.00);CLN(25711.37)			CNV			
3997	106255,66	CLN			CNV			
3998	3516,46	DGT			TCQ			

3999	1863,82	ODT(400.00);CLN(1463.82)			CNV			
4000	4477,75	ODT(1580.00);CLN(2897.75)			CNV			
4001	1889,85	ODT			TKT			
4002	6092,61	TMD			TKT			
4003	2248,02	ODT			TKT			
4004	8307,83	ODT(1000.00);CLN(7307.83)			CNV			
4005	3257,25	HNK			TKT			
4006	20767,4	DGT			TCQ			
4007	3014,71	ODT(500.00);CLN(2514.71)			CNV			
4008	4423,98	ODT(700.00);CLN(3723.98)			CNV			
4009	7492,79	LUK(3166.30);CLN(4326.49)			CNV			
4010	11517,27	ODT(4900.00);CLN(6617.27)			CNV			
4011	29968,76	DGT			TCQ			
4012	47,14	DNL			TKT			
4013	3183,97	NTS			CNV			
4014	911,97	ODT			TKT			
4015	563159,35	ODT(262.90);CLN(562896.45)	ODT:CLN(262.90)		CNV			
4016	23507,33	HNK			CNV			
4017	24881,82	ODT(2956.00);CLN(21925.82)	ODT:CLN(156)		CNV			
4018	217728,07	ODT(500.00);CLN(217228.07)	ODT:CLN(500)		CNV			
4019	377502,87	CLN			CNV			
4020	9730,44	ODT(50.00);CLN(9680.44)	ODT:CLN(50)		CNV			
4021	11358,32	TON			TTG			
4022	5668,88	NTS			CNV			
4023	71396,3	SKK			TKT			
4024	12942,17	DGT			TCQ			
4025	10386	ODT(1300.00);CLN(9086.00)			CNV			
4026	37087,87	SKK			TKT			
4027	19471,3	SKK			TKT			
4028	146438,68	SKK			TKT			
4029	150689,25	SKK			TKT			
4030	1048,19	DNL			TKT			
4031	6151,51	ODT(1000.00);CLN(5151.51)			CNV			
4032	8084,26	ODT(5540.00);CLN(2544.26)			CNV			
4033	16187,2	SON			TCQ			
4034	206031,51	CLN			CNV			
4035	1169,68	CLN			CNV			
4036	2984,12	DGT			TCQ			
4037	13409,82	ODT(1570.00);CLN(11839.82)	ODT:CLN(70)		CNV			
4038	8387,4	ODT(2600.00);CLN(5787.40)			CNV			
4039	1290,62	HNK			TKT			
4040	3322,95	ODT(500.00);CLN(2822.95)			CNV			
4041	139409,29	CLN			CNV			
4042	1964,66	ODT			CNV			
4043	38324,26	LUK			CNV			
4044	443987,52	CLN			CNV			
4045	78069,17	DGT			TCQ			
4046	3309,91	ODT(500.00);CLN(2809.91)			CNV			
4047	7150,01	CLN			CNV			
4048	1733,07	ODT(500.00);CLN(1233.07)			CNV			
4049	27847,79	CLN			CNV			
4050	1882,95	DGT			TCQ			
4051	23176,37	ODT(3150.00);CLN(20026.37)	ODT:CLN(150)		CNV			
4052	27861,86	TMD			TKT			
4053	7470,98	ODT(1200.00);CLN(6270.98)	ODT:CLN(200)		CNV			
4054	1550,24	ODT(300.00);CLN(1250.24)			CNV			
4055	1457,76	HNK			TKT			
4056	13405,61	LUK			CNV			
4057	7803,84	DGT			TCQ			
4058	1997,87	ODT(400.00);CLN(1597.87)			CNV			
4059	17706,32	CLN			CNV			
4060	146,59	ODT			CNV			
4061	595,22	TMD			TKT			
4062	185,94	DGT			TCQ			
4063	1133,19	SON			TCQ			
4064	3886,88	ODT(600.00);CLN(3286.88)			CNV			
4065	40215,63	ODT(3270.40);CLN(36945.23)	ODT:CLN(270.4)		CNV			
4066	69823,56	CLN			TKT			

4067	122778,2	DGT			TKT			
4068	143281,52	CLN			TKT			
4069	2833,39	ODT(100.00);CLN(2733.39)	ODT:CLN(100)		CNV			
4070	6712,53	ODT(780.00);CLN(5932.75)	ODT:CLN(780)		CNV			
4071	21093,51	ODT(4073.20);CLN(17020.31)	ODT:CLN(1073.2)		CNV			
4072	838,96	CLN			CNV			
4073	1240,57	ODT(200.00);CLN(1040.57)			CNV			
4074	1485,12	DGT			TCQ			
4075	1867,29	HNK			TKT			
4076	5605,88	ODT(1000.00);CLN(4605.88)			CNV			
4077	1779,94	DGT			TCQ			
4078	53351,83	ODT(43.80);CLN(53308.03)	ODT:CLN(43.8)		CNV			
4079	1416,67	SON			TCQ			
4080	970,89	CLN			TCN			
4081	412,4	DGT			TCQ			
4082	14874,35	ODT(1500.00);CLN(13374.35)			CNV			
4083	13322,05	SON			TCQ			
4084	61555,62	SKK			TKT			
4085	39629,86	CLN			CNV			
4086	665,77	DTL			TCQ			
4087	81227,49	CLN			CNV			
4088	40980,67	CLN			CNV			
4089	387245,86	CLN			CNV			
4090	4021,24	ODT			CNV	TKT		
4091	7317	DGT			TCQ			
4092	4217,05	LUK			CNV			
4093	635275,65	ODT(100.00);CLN(635175.65)	ODT:CLN(100)		CNV			
4094	67078,06	DGT			TCQ			
4095	79027,4	CLN			CNV			
4096	47,09	DNL			TKT			
4097	4501,71	ODT(1000.00);CLN(3501.71)			CNV			
4098	6067,65	DGT			TKT			
4099	21081,58	ODT(2120.00);CLN(18961.58)			CNV			
4100	5306,67	ODT			CNV	TKT		
4101	39548,82	ODT(4680.00);CLN(34868.82)	ODT:CLN(80)		CNV			
4102	35933,57	SON			TCQ			
4103	650449,95	CLN			CNV			
4104	222048,26	CLN			CNV			
4105	317,24	DGT			TCQ			
4106	3105,82	ODT(500.00);CLN(2605.82)			CNV			
4107	13915,74	DGT			TCQ			
4108	115,86	SON			TCQ			
4109	3299,95	CLN			CNV			
4110	427650,86	CLN			CNV			
4111	91833,7	DRA			TKT			
4112	7018,78	LUK			CNV			
4113	7926,44	ODT(1000.00);CLN(6926.44)			CNV			
4114	199300,13	CLN			CNV			
4115	78015,32	CLN			CNV			
4116	3503,08	SKC			TKT			
4117	285,97	DKV			TKT			
4118	1264703,6	CLN			CNV			
4119	127752,74	DGT			TKT			
4120	2208,25	ODT			TKT			
4121	14689,89	SON			TCQ			
4122	15051,39	CLN			CNV			
4123	9648,3	DKV			TKT			
4124	3590,22	ODT			TKT			
4125	1713,33	ODT			TKT			
4126	11941,72	SKC			TKT			
4127	94721,33	SKK			TKT			
4128	97902,58	SKK			TKT			
4129	110344,98	SKK			TKT			
4130	161,93	DKV			TKT			
4131	1090,76	ODT			TKT			
4132	119,35	DKV			TKT			
4133	307,14	HNK			TKT			
4134	12192,66	DGD			TKT			

K.H.
PHO
KINH
A T
D
PHU

4135	1904,58	CLN			TCN			
4136	149,66	DKV			TKT			
4137	413382,09	CLN			TKT			
4138	2576,84	ODT			CNV	TKT		
4139	59212,76	CLN			CNV			
4140	2252,6	SON			TCQ			
4141	988,6	ODT			CNV			
4142	12439,89	ODT(1420.00);CLN(11019.89)	ODT:CLN(120)		CNV			
4143	120,01	HNK			TKT			
4144	10649,96	ODT(2000.00);CLN(8649.96)			CNV			
4145	272,99	CLN			CNV			
4146	47689	ODT(5070.00);CLN(42618.91)	ODT:CLN(70)		CNV			
4147	34522,95	ODT(5000.00);CLN(29522.95)	ODT:CLN(200)		CNV			
4148	17515,21	ODT(3700.00);CLN(13815.21)			CNV			
4149	1831,85	SKC			TKT			
4150	4125,54	ODT			CNV			
4151	3527,97	DGD			TKT			
4152	2537,24	CLN			CNV			
4153	3603,14	ODT			TKT			
4154	22593,85	HNK			TKT			
4155	1105,5	DGT			TCQ			
4156	2674,92	HNK			TKT			
4157	444310,15	CLN			CNV			
4158	7908,88	ODT(700.00);CLN(7208.88)			CNV			
4159	53033,84	SKC			TKT			
4160	3527,66	TMD			TKT			
4161	13803,27	LUK			CNV			
4162	4257,75	ODT(600.00);CLN(3657.75)			CNV			
4163	689,64	DGT			TCQ			
4164	676,39	DGT			TCQ			
4165	1926,07	ODT			TKT			
4166	1199,9	ODT			TKT			
4167	2112,82	PNK			TKT			
4168	2668,63	ODT			TKT			
4169	2933,87	ODT			TKT			
4170	3066,22	ODT			TKT			
4171	2776,13	ODT			TKT			
4172	3416,72	ODT			TKT			
4173	3196,12	ODT			TKT			
4174	3284,09	ODT			TKT			
4175	9764,82	ODT(800.00);CLN(8964.82)			CNV			
4176	3270,88	ODT			TKT			
4177	1400,09	ODT			TKT			
4178	69380,2	CLN			TKT			
4179	2778,14	DKV			TKT			
4180	649,27	SON			TCQ			
4181	1647,68	DGT			TCQ			
4182	76183,22	CLN			CNV			
4183	114744,45	CLN			TKT			
4184	3796,58	ODT(1200.00);CLN(2596.58)	ODT:CLN(200)		CNV			
4185	2708,64	ODT			TKT			
4186	2791,92	ODT			TKT			
4187	3101,29	ODT			TKT			
4188	2741,27	ODT			TKT			
4189	3451,59	ODT			TKT			
4190	3160,92	ODT			TKT			
4191	25124,37	ODT(4473.30);CLN(20651.07)	ODT:CLN(273.3)		CNV			
4192	3301,48	ODT			TKT			
4193	3288,14	ODT			TKT			
4194	880,69	ODT			CNV			
4195	799,84	ODT			CNV			
4196	1188,01	ODT			TKT			
4197	993,49	ODT			CNV			
4198	477,4	ODT			CNV			
4199	84783,18	DGT			TKT			
4200	603,62	DGT			TCQ			
4201	1241	HNK			TKT			
4202	11020,1	ODT(1200.00);CLN(9820.10)	ODT:CLN(150)		CNV			

NG
 TẾ,
 NG V
 THI
 C.T Đ

4203	10848,39	ODT(1200.00);CLN(9648.39)	ODT:CLN(1200)		CNV			
4204	4209,06	ODT(1240.00);CLN(2969.06)			CNV			
4205	955,64	DKV			TKT			
4206	6263,83	DKV			TKT			
4207	11445,7	TMD			TKT			
4208	37581,08	CLN(34651.88);ODT(2929.20)	ODT:CLN(2929.20)		CNV			
4209	3148,5	ODT			TKT			
4210	13322,7	NTS			CNV			
4211	2694,39	ODT			TKT			
4212	3499,12	ODT			TKT			
4213	1108,73	DGT			TCQ			
4214	615453,83	CLN			CNV			
4215	67928,22	DGT			TKT			
4216	5909,96	ODT			TKT			
4217	5910,03	ODT			TKT			
4218	6101,41	ODT			TKT			
4219	276	DKV			TKT			
4220	5949,02	ODT			TKT			
4221	7247,69	ODT			TKT			
4222	79615,75	DGT			TKT			
4223	276	DKV			TKT			
4224	6528,69	ODT			TKT			
4225	711	DKV			TKT			
4226	711	DKV			TKT			
4227	32902,64	DGT			TKT			
4228	8141,72	ODT			TKT			
4229	276	DKV			TKT			
4230	8792,9	ODT			TKT			
4231	276	DKV			TKT			
4232	6575,68	ODT			TKT			
4233	70761,68	DGT			TCQ			
4234	8645,31	ODT			TKT			
4235	3113,5	ODT			TKT			
4236	11866,4	DYT			TKT			
4237	1671,24	ODT			TKT			
4238	181064,02	ODT(87961.08);DGT(67834.00);DKV(1272	ODT:CLN(87961.08)+DGT:CLN(1272)		TKT	CNV		
4239	660,02	ODT			TKT			
4240	10792,68	DKV			TKT			
4241	4502,69	LUK			CNV			
4242	2282,3	DGT			TCQ			
4243	899,1	ODT(200.00);CLN(699.10)			CNV			
4244	5838,92	DRA			TKT			
4245	1877,59	ODT			TKT			
4246	1061,72	DGT			TCQ			
4247	1716,14	ODT			TKT			
4248	25532,84	ODT(2600.00);CLN(22932.84)	ODT:CLN(100)		CNV			
4249	2028,1	ODT			TKT			
4250	9661,65	DGT			TCQ			
4251	1844,76	HNK			TKT			
4252	1688,05	DGT			TCQ			
4253	89491,99	CLN			TKT			
4254	3239,64	ODT			TKT			
4255	3092,01	ODT			TKT			
4256	3239,71	ODT			TKT			
4257	15415,1	DKV			TKT			
4258	770	TMD			TKT			
4259	5877	ODT			TKT			
4260	3163,87	ODT			TKT			
4261	1095	DKV			TKT			
4262	3163,87	ODT			TKT			
4263	7368,8	ODT			TKT			
4264	7368,8	ODT			TKT			
4265	4443,78	ODT			TKT			
4266	1095	DKV			TKT			
4267	6100,98	ODT			TKT			
4268	1095	DKV			TKT			
4269	4738,89	ODT			TKT			
4270	68596,62	CLN			CNV			

4407	2537,44	ODT			TKT			
4408	78494,11	CLN			CNV			
4409	479,7	DKV			TKT			
4410	33260,73	ODT(14381.52);DGT(625.00);DKV(1458.10)	ODT:CLN(14381.52)+DGT:C		TKT			
4411	2540,2	ODT(500.00);CLN(2040.20)			CNV			
4412	1764,15	ODT			TKT			
4413	4237,41	ODT			TKT			
4414	2508,16	ODT			TKT			
4415	4562,36	ODT			TKT			
4416	17840,98	DGD			TSN			
4417	2330,2	DGT			TCQ			
4418	11651,54	ODT(3500.00);CLN(8151.54)			CNV			
4419	1528,17	DKV			TKT			
4420	4500,94	DVH			TKT			
4421	4192,67	DGT			TCQ			
4422	225028,14	ODT(500.00);CLN(224528.14)	ODT:CLN(500)		CNV			
4423	1460,47	HNK			TKT			
4424	29969,15	DGT			TCQ			
4425	352,48	DGT			TCQ			
4426	2687,06	ODT			TKT			
4427	3942,26	DGD			TSN			
4428	824,93	DKV			TCN			
4429	4554,96	ODT(460.00);CLN(4094.98)			CNV			
4430	9229,13	ODT(3500.00);CLN(5729.13)			CNV			
4431	189515,9	CLN			CNV			
4432	13652,34	HNK			TKT			
4433	1875069,3	CLN			CNV			
4434	122169,54	CLN			TKT			
4435	115242,8	CLN			CNV			
4436	30636,83	CLN			TKT			
4437	1931,7	ODT			TKT			
4438	3204,11	ODT			TKT			
4439	3945,59	ODT			TKT			
4440	4255,77	ODT			TKT			
4441	4255,4	ODT			TKT			
4442	3057,91	ODT			TKT			
4443	3285,37	ODT			TKT			
4444	12088,05	SON			TCQ			
4445	313511,54	CQP			TCN			
4446	4118,69	SON			TCQ			
4447	1589,52	DKV			TKT			
4448	55105,53	CLN			TKT			
4449	379110,01	CLN			CNV			
4450	2952,42	DYT			TSN			
4451	142888,52	CLN			CNV			
4452	1435,69	ODT			TKT			
4453	535,13	ODT			TKT			
4454	1579,41	ODT			TKT			
4455	12278,85	DGD			TSN			
4456	1905,05	ODT			TKT			
4457	13585,54	LUK			CNV			
4458	379157,46	ODT(2421.00);CLN(376736.46)	ODT:CLN(2421.0)		CNV			
4459	319226,19	CLN			CNV			
4460	6137,34	ODT			TKT			
4461	3464,86	ODT			TKT			
4462	429,82	DKV			TKT			
4463	399,01	DKV			TKT			
4464	7641,33	ODT			TKT			
4465	7807,52	ODT			TKT			
4466	3445,01	SON			TCQ			
4467	5620,73	ODT			TKT			
4468	139892,13	CLN(133692.08);HNK(6200.05)			CNV			
4469	3079,22	ODT			TKT			
4470	62700,51	ODT(3650.00);CLN(59050.51)	ODT:CLN(650)		CNV			
4471	2329,11	ODT			TKT			
4472	822,28	DGT			TKT			
4473	503,01	ODT(100.00);CLN(403.01)	ODT:CLN(100)		CNV			
4474	3832,12	ODT(1000.00);CLN(2832.12)			CNV			

4475	1513,68	ODT			TKT			
4476	4585,63	DKV			TKT			
4477	1639,93	ODT(300.00);CLN(1339.93)			CNV			
4478	8561,66	ODT			TKT			
4479	982,69	ODT			CNV			
4480	2405,17	ODT			TKT			
4481	3856,01	HNK			TKT			
4482	1693,46	ODT			TKT			
4483	1472,14	ODT			CNV			
4484	247961,13	SON			TCQ			
4485	383,27	ODT			CNV			
4486	7709,12	DGT			TCQ			
4487	734,41	DGT			TCQ			
4488	745,78	ODT			CNV			
4489	3766,83	DKV			TKT			
4490	70066,56	CLN			CNV			
4491	131447,33	ODT(90.00);CLN(131357.78)			CNV			
4492	4452,58	DGT			TCQ			
4493	626,14	ODT			CNV			
4494	62555,34	CLN(61649.04);ODT(906.30)	ODT:CLN(906.30)		CNV			
4495	177537,2	ODT(5225.00);CLN(172312.20)	ODT:CLN(225)		CNV			
4496	127,19	DKV			TKT			
4497	13257,78	SON			TCQ			
4498	68,81	DKV			TKT			
4499	2522,07	ODT			TKT			
4500	907,18	DGT			TKT			
4501	2799,43	ODT			TKT			
4502	10428,37	ODT			TKT			
4503	1504,74	SON			TCQ			
4504	8157,47	DGT			TKT			
4505	737,89	DKV			TKT			
4506	16081,8	ODT(2000.00);CLN(14081.80)			CNV			
4507	32031,51	CLN			CNV			
4508	3586,56	ODT(400.00);CLN(3186.56)			CNV			
4509	57087,9	LUK			CNV			
4510	19080,89	DKV			TKT			
4511	36496,83	DGT			TCQ			
4512	8138,59	ODT(1000.00);CLN(7138.59)			CNV			
4513	1795,59	ODT			TKT			
4514	1253,44	ODT			TKT			
4515	8372,59	ODT			TKT			
4516	7907,76	ODT			TKT			
4517	524,87	ODT			CNV			
4518	1184,74	ODT			TKT			
4519	2893,63	LUK			CNV			
4520	1019,9	ODT(200.00);CLN(819.90)			CNV			
4521	1643,77	ODT(500.00);CLN(1143.77)			CNV			
4522	497613,92	CLN(497413.92);ODT(200.00)	ODT:CLN(200)		CNV			
4523	3421,36	ODT(500.00);CLN(2921.36)	ODT:CLN(500)		CNV			
4524	70,45	DKV			TKT			
4525	24532,46	ODT(4140.00);CLN(20392.46)	ODT:CLN(80)		CNV			
4526	1391,92	ODT			TKT			
4527	2664,39	ODT			TKT			
4528	2816,36	ODT			TKT			
4529	3970,82	ODT			TKT			
4530	354,88	DKV			TKT			
4531	3272,21	ODT			TKT			
4532	11592,71	ODT(1000.00);CLN(10592.71)			CNV			
4533	1160,1	DGT			TCQ			
4534	1096,68	LUK			CNV			
4535	1469,83	SON			TCQ			
4536	220905,67	CLN			CNV			
4537	1581,58	TMD			TKT			
4538	484	DKV			TKT			
4539	520,39	DKV			TKT			
4540	5224,37	ODT			TKT			
4541	2428,67	ODT			TKT			
4542	61542,58	DGT			TCQ			

C.N.V
 ỜNG
 H TẾ,
 ẦNG V
 Ồ THỊ
 G.T.S

4747	4811,98	ODT			TKT			
4748	2014,94	ODT			TKT			
4749	2155,67	ODT			TKT			
4750	3091,1	ODT			TKT			
4751	3099,4	ODT			TKT			
4752	754,72	ODT			TKT			
4753	251289,09	CLN			TKT			
4754	274,32	DKV			TKT			
4755	2784,09	DKV			TKT			
4756	239088,95	CLN			CNV			
4757	2812,69	ODT			TKT			
4758	30375,92	ODT(3800.00);CLN(26575.92)			CNV			
4759	11417,23	DGT			TCQ			
4760	973,51	ODT(900.00);CLN(73.51)			CNV			
4761	2899,13	CLN			CNV			
4762	13558,53	SON			TCQ			
4763	11081,65	ODT(2450.00);CLN(8631.65)	ODT:CLN(450)		CNV			
4764	587,15	ODT			TKT			
4765	1741,01	SON			TCQ			
4766	3436,94	ODT			TKT			
4767	4833,03	ODT			TKT			
4768	280695,42	CLN			CNV			
4769	1018,22	DKV			TKT			
4770	1168417,3	CLN			CNV			
4771	5809,98	DGT			TCQ			
4772	2030,64	DGD			TKT			
4773	722249,44	CLN			CNV			
4774	2325,69	ODT			TKT			
4775	10172,82	LUK			CNV			
4776	405,53	LUK			CNV			
4777	96,01	SON			TCQ			
4778	21659,24	LUK(21439.14);ODT(220.10)	ODT:LUK(220.10)		CNV			
4779	12982,78	ODT(2582.10);CLN(10400.68)	ODT:CLN(82.1)		CNV			
4780	1016,47	DKV			TCN			
4781	2735,99	ODT			TKT			
4782	6485,79	SKC			TKT			
4783	11145,09	ODT(1000.00);CLN(10145.09)			CNV			
4784	2015,54	ODT(400.00);CLN(1615.54)			CNV			
4785	305,55	DGT			TCQ			
4786	176513,73	CLN			TKT			
4787	16227,02	SON			TCQ			
4788	23187,04	ODT(1500.00);CLN(21687.04)			CNV			
4789	10214,99	CLN(9814.99);ODT(400.00)	ODT:CLN(400)		CNV			
4790	3909,03	LUK			CNV			
4791	127999,5	CLN(127599.50);ODT(400.00)	ODT:CLN(400)		CNV			
4792	309923,48	DGT			TCQ			
4793	4706,19	SON			TCQ			
4794	2994,8	HNK			TKT			
4795	1796,37	HNK			TKT			
4796	351648,2	CLN			CNV			
4797	10473,03	SKS			TKT			
4798	2469,36	CLN			CNV			
4799	3751,48	TMD			TKT			
4800	1208,13	ODT			TKT			
4801	1209,35	ODT			TKT			
4802	574,63	ODT			TKT			
4803	2004,81	ODT(400.00);CLN(1604.81)			CNV			
4804	14171,86	LUK			CNV			
4805	152998,24	CLN			CNV			
4806	3930,22	SKC			TKT			
4807	826,46	ODT(300.00);CLN(526.46)			CNV			
4808	749,72	ODT(300.00);CLN(449.72)			CNV			
4809	5090,5	DGT			TCQ			
4810	725,19	ODT(233.00);CLN(492.19)			CNV			
4811	10943,23	CLN			CNV			
4812	718,06	LUK			CNV			
4813	117357,55	CLN			TKT			
4814	670,41	DGT			TCQ			

4543	3557,26	DGT			TCQ			
4544	85176,27	CLN			CNV			
4545	584445,83	CLN			CNV			
4546	30250,37	LUK			CNV			
4547	10396,07	ODT(900.00);CLN(9496.07)			CNV			
4548	5977,26	CLN			CNV			
4549	12726,18	ODT(1000.00);CLN(11726.18)			CNV			
4550	50796,5	ODT(860.10);CLN(49936.40)	ODT:CLN(860.1)		CNV			
4551	14001,78	LUK			CNV			
4552	3831,76	ODT(1500.00);CLN(2331.76)			CNV			
4553	11748,75	ODT(2900.00);CLN(8848.75)			CNV			
4554	1147,15	CLN			CNV			
4555	21569,61	LUK			CNV			
4556	10955,64	DGT			TCQ			
4557	109650,52	CLN			CNV			
4558	2184,79	ODT			TKT			
4559	2385,54	CLN			CNV			
4560	26657,92	ODT(2250.00);CLN(24407.92)	ODT:CLN(250)		CNV			
4561	3284,63	ODT(1600.00);CLN(1684.63)			CNV			
4562	984,33	DGT			TCQ			
4563	6724,6	HNK			TKT			
4564	7774,23	ODT(1000.00);CLN(6774.23)			CNV			
4565	206,6	DGT			TCQ			
4566	6946,66	ODT(600.00);CLN(6346.66)			CNV			
4567	62836,9	CLN			CNV			
4568	512424,01	CLN			CNV			
4569	2790,58	HNK			TKT			
4570	58333,16	CLN			CNV			
4571	5797,99	ODT(800.00);CLN(4997.99)			CNV			
4572	7799,83	DGT			TCQ			
4573	537498,21	ODT(400.00);CLN(537098.21)			CNV			
4574	10160,98	ODT(800.00);CLN(9360.98)			CNV			
4575	12650,46	ODT(1200.00);CLN(11450.46)			CNV			
4576	51846,28	CLN			CNV			
4577	12856,35	ODT(3620.00);CLN(9236.35)	ODT:CLN(20)		CNV			
4578	1909,3	ODT(300.00);CLN(1609.30)			CNV			
4579	11845,35	ODT(1000.00);CLN(10845.35)			CNV			
4580	19543,88	SON			TCQ			
4581	1886,85	NTS			CNV			
4582	1693,83	DGT			TCQ			
4583	8300,57	SON			TCQ			
4584	28084,87	ODT(2400.00);CLN(25684.87)			CNV			
4585	11566,52	NTS(8606.57);CLN(2959.95)			CNV			
4586	2204,69	LUK			CNV			
4587	735,38	SON			TCQ			
4588	584,46	SON			TCQ			
4589	6066,84	ODT(800.00);CLN(5266.84)			CNV			
4590	5993,79	LUK			CNV			
4591	2054,63	NTS			CNV			
4592	165069,61	CLN			TKT			
4593	177411,38	CLN			CNV			
4594	216312,5	CLN			TKT			
4595	11146,95	DGT			TCQ			
4596	8191,74	LUK			CNV			
4597	588,93	LUK			CNV			
4598	2057,81	LUK			CNV			
4599	384007,68	CLN			CNV			
4600	8677,8	ODT(800.00);CLN(7877.80)			CNV			
4601	13110,49	ODT(1000.00);CLN(12110.49)			CNV			
4602	11487,4	ODT(1000.00);CLN(10487.40)			CNV			
4603	10630,94	LUK			CNV			
4604	79930,43	DGT			TCQ			
4605	10678,37	ODT(1000.00);CLN(9678.37)			CNV			
4606	15109,06	ODT(1500.00);CLN(13609.06)			CNV			
4607	1041,94	DGT			TCQ			
4608	93849,48	CLN(91350.53);ODT(2498.95)	ODT:CLN(2501.65)		CNV			
4609	5492,53	ODT(500.00);CLN(4992.53)			CNV			
4610	6262,95	LUK			CNV			

4815	7465,91	CLN			CNV			
4816	2460,8	ODT			TKT			
4817	2812,53	ODT			TKT			
4818	3052,45	ODT			TKT			
4819	1105,29	DTT			TSN			
4820	499,08	CLN			CNV			
4821	821,29	ODT			TKT			
4822	2561,64	SON			TCQ			
4823	222933,4	DGT			TKT			
4824	1064,3	ODT			TKT			
4825	152,88	DKV			TKT			
4826	393,2	ODT			TKT			
4827	1998,26	ODT			TKT			
4828	4830,25	DGT			TCQ			
4829	23462,54	SON			TCQ			
4830	4634,02	DGD			TKT			
4831	150,72	SON			TCQ			
4832	3224,7	ODT			TKT			
4833	26553,25	ODT(4000.00);CLN(22553.25)			CNV			
4834	6009,2	SKS			TKT			
4835	19763,9	SKC			TKT			
4836	1985,13	ODT			TKT			
4837	16774,72	ODT(2000.00);CLN(14774.72)			CNV			
4838	13490,57	TMD			TKT			
4839	2812,69	ODT			TKT			
4840	2056,05	LUK			CNV			
4841	14574,5	HNK			TKT			
4842	1774,29	DKV			TKT			
4843	1101,89	ODT(300.00);CLN(801.89)			CNV			
4844	3302,6	LUK			CNV			
4845	374110,2	CLN			CNV			
4846	6175,72	ODT(1289.00);CLN(4886.72)	ODT:CLN(998)		CNV			
4847	505,11	TMD			TKT			
4848	2596,54	ODT(800.00);CLN(1796.54)			CNV			
4849	16412,81	CLN			CNV			
4850	38976,96	ODT(330.00);CLN(38647.33)	ODT:CLN(50)		CNV			
4851	15469,79	ODT(1500.00);CLN(13969.79)			CNV			
4852	5456,92	ODT(1167.00);CLN(4289.92)			CNV			
4853	2159,8	ODT			TKT			
4854	495,1	ODT			CNV			
4855	83002,57	CLN			CNV			
4856	37475,06	CLN(37425.06);ODT(50.00)	ODT:CLN(50)		CNV			
4857	18026,13	ODT(1000.00);CLN(17026.13)			CNV			
4858	103,11	DGT			TCQ			
4859	513,81	DGD			TKT			
4860	522,51	DKV			TKT			
4861	489,2	ODT			TKT			
4862	2847,51	ODT			TKT			
4863	3411,2	DGT			TCQ			
4864	342,24	DKV			TKT			
4865	170891,71	CLN			CNV			
4866	354,23	DBV			TKT			
4867	303,92	ODT			CNV			
4868	2818,01	DKV			TCN			
4869	708,7	HNK			TKT			
4870	3582,07	ODT			TKT			
4871	1410,81	DGT			TCQ			
4872	7035,32	DGT			TCQ			
4873	45614,67	CLN			TKT			
4874	3972,22	DGT			TKT			
4875	2198,34	ODT			TKT			
4876	3286,73	ODT(1000.00);CLN(2286.73)			CNV			
4877	14023,11	ODT(2000.00);CLN(12023.11)			CNV			
4878	2224,06	ODT			TKT			
4879	690,1	DKV			TKT			
4880	104,16	ODT			TKT			
4881	3484,46	LUK			CNV			
4882	2401,4	LUK			CNV			

4883	203,5	ODT			CNV			
4884	2232,41	LUK			CNV			
4885	63,18	HNK			TKT			
4886	77460,15	ODT			TKT			
4887	17072,43	SKS			TKT			
4888	5566,36	DGT			TCQ			
4889	80062,61	ODT(5384.40);CLN(74678.21)	ODT:CLN(50)		CNV			
4890	436,18	ODT			CNV			
4891	1666,8	ODT			TKT			
4892	11279,58	CLN			CNV			
4893	1479,13	ODT			TKT			
4894	955,29	SON			TCQ			
4895	255,16	SON			TCQ			
4896	821,77	CLN			CNV			
4897	57922,22	DYT			TKT			
4898	1612,38	HNK			TKT			
4899	1118,86	SON			TCQ			
4900	1900,48	PNK			TKT			
4901	556,44	DGT			TCQ			
4902	216,55	DKV			TKT			
4903	216337,52	CLN			CNV			
4904	1021,27	LUK			CNV			
4905	976,95	ODT(300.00);CLN(676.95)			CNV			
4906	2924,09	DKV			TKT			
4907	18721,32	DGT			TKT			
4908	10102,25	CLN			CNV			
4909	1675,05	DGT			TCQ			
4910	173140,09	CLN(173090.09);ODT(50.00)	ODT:CLN(50)		CNV			
4911	3003,55	ODT			TKT			
4912	559,02	DGT			TCQ			
4913	2209,15	ODT			CNV			
4914	10723,68	DGD			TKT			
4915	3869,89	ODT(1000.00);CLN(2869.89)			CNV			
4916	722,9	DGT			TCQ			
4917	47632,35	CLN			TKT			
4918	2588,8	ODT			TKT			
4919	1751,46	CLN			CNV			
4920	2583,91	ODT			TKT			
4921	25,69	DKV			TKT			
4922	6534,04	CLN			CNV			
4923	2584	ODT			TKT			
4924	85642,59	CLN			CNV			
4925	3260,99	SON			TCQ			
4926	163,45	DGT			TCQ			
4927	1809,32	ODT			TKT			
4928	6560,93	ODT(1000.00);CLN(5560.93)			CNV			
4929	3002,76	ODT			TKT			
4930	23221,17	CLN			CNV			
4931	22652,51	NTS			TCN			
4932	601,29	DGT			TCQ			
4933	3607,17	DGD			TKT			
4934	136691,64	ODT(900.00);CLN(135791.64)	ODT:CLN(800)		CNV			
4935	40662,48	CQP			TCN			
4936	30053,58	DGT			TKT			
4937	58,19	DKV			TKT			
4938	1144,15	ODT(400.00);CLN(744.15)			CNV			
4939	4943,6	ODT			TKT			
4940	2738,31	ODT			TKT			
4941	824,5	ODT			TKT			
4942	135752,36	CLN(135702.36);ODT(50.00)	ODT:CLN(50)		CNV			
4943	2584,3	ODT			TKT			
4944	553,46	DGT			TCQ			
4945	129695,69	CLN			TKT			
4946	3765,48	DKV			TKT			
4947	15838,25	CLN			CNV			
4948	3848	ODT			TKT			
4949	2495,15	ODT			TKT			
4950	374469,3	CLN			CNV			



5019	4435,06	HNK			TKT			
5020	2742,19	ODT			CNV			
5021	1844,11	ODT			TKT			
5022	665,16	HNK			TKT			
5023	1893617,6	CLN			CNV			
5024	1844,21	ODT			TKT			
5025	8919,81	ODT(2000.00);CLN(6919.81)			CNV			
5026	9576,47	TMD			TKT			
5027	60,01	DGT			TCQ			
5028	1248,17	ODT			CNV			
5029	2728,44	CLN			CNV			
5030	6820	ODT			TKT			
5031	3409,14	ODT			CNV			
5032	7446,38	ODT(200.00);CLN(7246.38)			CNV			
5033	1843,96	ODT			TKT			
5034	3549,73	ODT			CNV			
5035	6869,24	DGT			TCQ			
5036	29739,87	CLN			CNV			
5037	101078,67	CQP			TCN			
5038	10398,56	ODT			CNV			
5039	1844,3	ODT			TKT			
5040	1595,2	ODT(600.00);CLN(995.20)			CNV			
5041	79068,16	CQP			TCN			
5042	2582,1	ODT			TKT			
5043	1869,53	ODT			TKT			
5044	753,57	DGT			TCQ			
5045	1068419,5	CLN			CNV			
5046	28968,16	DGD			TSN			
5047	5563,38	SON			TCQ			
5048	13506,17	ODT			CNV			
5049	31497,22	CLN			CNV			
5050	30364,45	CLN(30114.45);ODT(250.00)	ODT:CLN(250)		CNV			
5051	1920,19	ODT			TKT			
5052	1905,59	NTS			CNV			
5053	1824,32	ODT			TKT			
5054	321640,2	CLN(319640.20);ODT(2000.00)	ODT:CLN(2000)		CNV			
5055	1627,65	ODT			TKT			
5056	6762,59	CLN			CNV			
5057	599,21	DGT			TCQ			
5058	8400,2	CLN			CNV			
5059	165,54	CLN			CNV			
5060	5129,51	CLN			TKT			
5061	10811,11	DKV			TKT			
5062	2248,75	ODT			TKT			
5063	957,13	DGT			TCQ			
5064	11498,53	ODT(300.00);CLN(11198.53)			CNV			
5065	1595,08	ODT			TKT			
5066	1816,22	ODT(400.00);CLN(1416.22)			CNV			
5067	10429,49	DGT			TCQ			
5068	2121,3	ODT(1900.00);CLN(221.30)			CNV			
5069	2056,21	ODT			TKT			
5070	302	HNK			TKT			
5071	376267,09	CLN			CNV			
5072	1877,45	ODT			TKT			
5073	7302,31	HNK			TKT			
5074	4927,56	TMD			TKT			
5075	1783,77	ODT			TKT			
5076	1919,87	ODT			TKT			
5077	1690,86	ODT			TKT			
5078	1637,39	ODT			TKT			
5079	1784,31	ODT			TKT			
5080	1314,62	DGT			TCQ			
5081	5582,96	LUK			CNV			
5082	5487,07	ODT			CNV	TKT		
5083	22683,27	ODT(3000.00);CLN(19683.27)			CNV			
5084	17740,94	DGT			TCQ			
5085	2842,84	ODT			CNV			
5086	2264,02	ODT			TKT			

4951	176455,72	CLN			TKT			
4952	2584	ODT			TKT			
4953	241,29	CLN			CNV			
4954	222023,8	CLN			TKT			
4955	985,88	ODT			TKT			
4956	726,47	DGD			TKT			
4957	1297,47	CLN			CNV			
4958	4294,88	TMD			TKT			
4959	190,31	SON			TCQ			
4960	6441,35	ODT(1050.00);CLN(5391.35)	ODT:CLN(50)		CNV			
4961	9027,53	CLN			CNV			
4962	1563,94	ODT			TKT			
4963	135303,13	CLN(135153.13);ODT(150.00)			CNV			
4964	1379,42	DGT			TCQ			
4965	3269,85	DKV			TKT			
4966	92210,78	SKK			TKT			
4967	1862,78	ODT			TKT			
4968	309,72	DTL			TKT			
4969	1018,7	DGT			TCQ			
4970	1563,96	ODT			TKT			
4971	3419,06	DKV			TKT			
4972	2500,19	DGT			TCQ			
4973	19712,75	SKC			TKT			
4974	1563,79	ODT			TKT			
4975	1887,17	ODT			TKT			
4976	1238,93	ODT			TKT			
4977	1281,67	DGT			TKT			
4978	2619,41	DKV			TCN			
4979	4847,3	ODT			TKT			
4980	1563,98	ODT			TKT			
4981	547,78	DKV			TKT			
4982	28119,3	SKK			TKT			
4983	37297,39	CLN(36997.39);ODT(300.00)	ODT:CLN(300)		CNV			
4984	4524,72	SKC			TKT			
4985	1564,21	ODT			TKT			
4986	24605,12	ODT			TKT			
4987	266,38	DGT			TCQ			
4988	101305,96	SKK			TKT			
4989	2071,84	ODT			TKT			
4990	1948,06	ODT			TKT			
4991	1563,94	ODT			TKT			
4992	1254,47	ODT			TKT			
4993	1564,21	ODT			TKT			
4994	1991,18	DKV			TKT			
4995	4034,68	DYT			TSN			
4996	13642,92	SKS			TKT			
4997	1564,02	ODT			TKT			
4998	1885,89	ODT			TKT			
4999	133,92	SON			TCQ			
5000	4251,25	ODT(1000.00);CLN(3251.25)			CNV			
5001	1090,27	DKV			TKT			
5002	8539,53	CLN			CNV			
5003	218,67	DGT			TCQ			
5004	17149,32	ODT(300.00);CLN(16849.32)			CNV			
5005	193398,06	SKS			TKT			
5006	1564,19	ODT			TKT			
5007	2716,48	TMD			TKT			
5008	29660,31	SON			TCQ			
5009	1550,41	ODT			TKT			
5010	372,4	DGT			TKT			
5011	6090,93	LUK			CNV			
5012	8565,11	ODT			CNV			
5013	1564,17	ODT			TKT			
5014	2333,5	ODT			TKT			
5015	11119,41	CLN			CNV			
5016	13037,52	DTT			TSN			
5017	1823,9	ODT			TKT			
5018	9393,23	TMD			TKT			

5087	1784,02	ODT			TKT			
5088	1603,79	ODT			TKT			
5089	46152,76	CLN(46092.76);ODT(60.00)	ODT:CLN(60)		CNV			
5090	5949,55	CLN			CNV			
5091	2504,25	ODT			TKT			
5092	4463,96	ODT			TKT			
5093	2063,96	ODT			TKT			
5094	3425,64	CLN(3405.64);ODT(20.00)	ODT:CLN(20)		CNV			
5095	1783,94	ODT			TKT			
5096	2851,62	DGT			TCQ			
5097	3674,47	ODT			CNV	TKT		
5098	2024,26	ODT			TKT			
5099	1894,56	HNK			TKT			
5100	2263,84	ODT			TKT			
5101	1783,97	ODT			TKT			
5102	2263,93	ODT			TKT			
5103	2024,08	ODT			TKT			
5104	2504,1	ODT			TKT			
5105	1784,29	ODT			TKT			
5106	2504,14	ODT			TKT			
5107	1616,81	CLN			CNV			
5108	2024,02	ODT			TKT			
5109	2964,48	DKV			TKT			
5110	2264,2	ODT			TKT			
5111	11120,21	CLN			CNV			
5112	17201,68	DKV			TKT			
5113	1243,82	CLN			CNV			
5114	2024,38	ODT			TKT			
5115	7745,26	ODT			TKT			
5116	2504,13	ODT			TKT			
5117	1001,31	DGT			TKT			
5118	585304,22	SKN			TKT			
5119	67707,14	LUK			CNV			
5120	1783,83	ODT			TKT			
5121	2023,98	ODT			TKT			
5122	4571,03	SON			TCQ			
5123	684,65	ODT(300.00);CLN(384.65)			CNV			
5124	5754	DGD			TKT			
5125	2264	ODT			TKT			
5126	4426,91	DGD			TSN			
5127	1783,82	ODT			TKT			
5128	1203,62	SON			TCQ			
5129	2024,01	ODT			TKT			
5130	100144	CLN			CNV			
5131	525384,05	CLN			CNV			
5132	3967,8	ODT			TKT			
5133	13628,55	DKV			TKT			
5134	2503,83	ODT			TKT			
5135	5230,69	LUK			CNV			
5136	12824,12	SKS			TKT			
5137	2208,59	SON			TCQ			
5138	3967,86	ODT			TKT			
5139	3968,3	ODT			TKT			
5140	1100,66	CLN			CNV			
5141	2023,79	ODT			TKT			
5142	5178,73	ODT			TKT			
5143	1666,4	ODT(600.00);CLN(1066.40)			CNV			
5144	1555,6	ODT(600.00);CLN(955.60)			CNV			
5145	2168,16	DGD			TSN			
5146	7083,51	ODT			TKT			
5147	3968,19	ODT			TKT			
5148	2023,82	ODT			TKT			
5149	2529,89	DGT			TCQ			
5150	59479,94	CLN			CNV			
5151	686,81	DGT			TKT			
5152	3967,96	ODT			TKT			
5153	527000,39	CLN			CNV			
5154	1264,93	CLN			CNV			

5155	439831,05	CLN			CNV			
5156	669,48	DGT			TCQ			
5157	69334,24	SKK			TKT			
5158	5990,36	ODT(5802.80);CLN(187.56)			TKT			
5159	3968,3	ODT			TKT			
5160	579,95	TMD			TKT			
5161	2243,05	DGT			TCQ			
5162	2305,68	CLN			CNV			
5163	5833,41	HNK			TKT			
5164	6180,16	LUK			CNV			
5165	12532,17	DGT			TCQ			
5166	788,5	DKV			TKT			
5167	4121,91	TMD			TKT			
5168	1136,87	ODT(500.00);CLN(636.87)			CNV			
5169	74537,61	CLN			CNV			
5170	37319,51	CLN			CNV			
5171	2684,65	DGT			TCQ			
5172	2423,18	CLN			CNV			
5173	193,65	DGT			TCQ			
5174	143945,62	LUK			CNV			
5175	4581,61	TMD			TKT			
5176	2487,81	HNK			TKT			
5177	945,1	ODT(500.00);CLN(445.10)			CNV			
5178	90268,92	CLN			CNV			
5179	9499,97	ODT			TKT			
5180	10078,76	DKV			TKT			
5181	6701,11	CLN			CNV			
5182	96,97	SON			TCQ			
5183	11280,83	CLN			CNV			
5184	4329,12	DGD			TKT			
5185	1120,17	SKC			TKT			
5186	507,39	LUK			CNV			
5187	10078,53	DKV			TKT			
5188	5526,93	ODT			TKT			
5189	4044,19	ODT			TKT			
5190	396,5	DGT			TCQ			
5191	871,97	LUK			CNV			
5192	4095,17	SON			TCQ			
5193	130	DGT			TCQ			
5194	418,35	ODT(200.00);CLN(218.35)			CNV			
5195	93685,86	CLN			CNV			
5196	9500	ODT			TKT			
5197	34,57	ODT			CNV			
5198	6582,34	DGT			TCQ			
5199	1129,97	ODT(600.00);CLN(529.97)			CNV			
5200	1176,82	ODT(400.00);CLN(776.82)			CNV			
5201	139,16	ODT			CNV			
5202	264687,65	CLN			CNV			
5203	9398,72	DKV			TKT			
5204	560,6	DGT			TCQ			
5205	3483	SON			TCQ			
5206	8710,55	ODT(1200.00);CLN(7510.55)			CNV			
5207	1923,16	CLN			CNV			
5208	21335,33	HNK			TKT			
5209	273,23	DGT			TCQ			
5210	194197,03	CLN			CNV			
5211	1089,42	NTS			CNV			
5212	2271,52	DGT			TCQ			
5213	5931,83	ODT(600.00);CLN(5331.83)			CNV			
5214	10765,26	DGT			TCQ			
5215	7586,89	DGT			TCQ			
5216	527,88	DKV			TCN			
5217	1156,13	LUK			CNV			
5218	238471,37	CLN			CNV			
5219	3645,9	ODT			TKT			
5220	1251,28	ODT			TKT			
5221	3039,08	ODT			TKT			
5222	9982,65	SKS			TKT			

5223	157910,6	CLN			CNV			
5224	1645,97	CLN			CNV			
5225	4637,18	TON			TTG			
5226	115158,28	CLN			CNV			
5227	11674,77	LUK			CNV			
5228	1702,34	CLN			CNV			
5229	2683,29	SON			TCQ			
5230	2421,52	ODT(400.00);CLN(2021.52)			CNV			
5231	2342,13	CLN			CNV			
5232	1738,28	LUK			CNV			
5233	1355,62	CLN			CNV			
5234	172379,13	CLN			CNV			
5235	4007,07	CLN			CNV			
5236	36122,94	CLN			CNV			
5237	3732,07	SON			TCQ			
5238	9839,32	DGT			TCQ			
5239	1974072,1	CLN			CNV			
5240	2261,89	ODT(300.00);CLN(1961.89)			CNV			
5241	149,21	SON			TCQ			
5242	6388,39	CLN			CNV			
5243	7343,7	SON			TCQ			
5244	2201,69	ODT(300.00);CLN(1901.69)			CNV			
5245	1674,16	LUK			CNV			
5246	46558,8	CLN			CNV			
5247	4324,55	DGT			TCQ			
5248	2681,57	DGT			TCQ			
5249	83434,06	CLN			CNV			
5250	14546,86	SON			TCQ			
5251	93173,34	CLN			CNV			
5252	8098,53	DGT			TCQ			
5253	1601,98	CLN			CNV			
5254	34746,84	NTS			CNV			
5255	2254,03	DGT			TCQ			
5256	86518,6	CLN			CNV			
5257	175198,66	CLN			CNV			
5258	22595,01	SON			TCQ			
5259	93919,39	CLN			CNV			
5260	190525,93	CLN			CNV			
5261	4067,31	SON			TCQ			
5262	15118,9	DGT	CLN(15118.90)		TCQ	CNV		
5263	4536,02	DGT	CLN(4536.02)		TCQ	CNV		
5264	18870,45	DGT	CLN(18870.45)		TCQ	CNV		
5265	52788,28	DGT	CLN(52788.28)		TCQ	CNV		
5266	8273,18	CLN			CNV			
5267	29315,91	DGT	CLN(29315.91)		TCQ	CNV		
5268	18817,07	DGT	CLN(18817.07)		TCQ	CNV		
5269	21084,18	DGT	CLN(21084.18)		TCQ	CNV		
5270	2908,67	DGT	CLN(2908.67)		TCQ	CNV		
5271	8513,72	DGT	CLN(8513.72)		TCQ	CNV		
5272	108,12	DGT	CLN(108.12)		TCQ	CNV		
5273	2959,95	DGT	NTS(2959.95)		TCQ	CNV		
5274	518,24	DGT	NTS(518.24)		TCQ	CNV		
5275	237,8	DGT	CLN(237.80)		TCQ	CNV		
5276	44,43	DGT	DGT:CLN(12.23)		TCQ	TKT		
5277	911,94	DGT	CLN(911.94)		TCQ	CNV		
5278	6056,67	DGT	CLN(6056.67)		TCQ	CNV		
5279	7234,3	DGT	CLN(7234.30)		TCQ	CNV		
5280	8062,19	DGT	CLN(8062.19)		TCQ	CNV		
5281	10763,65	DGT	HNK(2806.01);CLN(7957.64)		TCQ	CNV		
5282	2477,7	DGT	CLN(2477.70)		TCQ	CNV		
5283	574,37	HNK			TKT			
5284	5699,38	CLN			CNV			
5285	1,75	DGT	CLN		TCQ	CNV		
5286	2938,39	DGT	CLN(2938.39)		TCQ	CNV		
5287	32,25	DGT	CLN(32.25)		TCQ	CNV		
5288	18557,96	DGT	CLN(18557.96)		TCQ	TKT		
5289	10493,83	CLN			TKT			
5290	27776,76	DGT	CLN(27776.76)		TCQ	TKT		

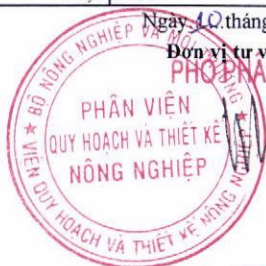
C.N
V.G
T.E
G.V
H.I
Đ.C

5291	799,83	DGT			TCQ	TKT		
5292	168,86	ODT(60.00);CLN(108.86)	ODT:DGT(60)+CLN:DGT(10		CNV			
5293	0,8	DGT	CLN(0.80)		TCQ	CNV		
5294	3,9	CLN			CNV			
5295	1541,54	DGT	CLN(1541.54)		TCQ	CNV		
5296	1942,48	DGT	CLN(1942.48)		TCQ	CNV		
5297	27,8	DGT	CLN(27.80)		TCQ	CNV		

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Đơn vị tư vấn lập biểu

PHÒNG AN VIÊN THƯỜNG



Nguyễn Văn Trung

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Bình Phước

PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG



Lam Quoc Hung



Phụ lục IV
DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG HỢP BIẾN ĐỘNG TRONG NĂM THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI
(Đến ngày 31/12/2025)

Phường Bình Phước, tỉnh Đồng Nai

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (nay là Bộ Nông nghiệp và Môi trường))

TT	Thông tin do Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã/ Văn phòng đăng ký đất đai xác định									Thông tin khoanh đất		Kết quả kiểm tra thực địa của cấp xã
	Số hiệu thửa đất		Tên người sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Diện tích có biến động	Mã loại đất		Mã loại đối tượng		Trước biến động	Sau biến động	Nội dung thay đổi
	Trước biến động	Sau biến động				Trước biến động	Sau biến động	Trước biến động	Sau biến động			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	465	465	Nguyễn Văn Nhứt	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
2	139	139	Nguyễn Đức Tuấn	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
3	443	443	Lê Thị Nhiên	Bình Phước	64,7	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
4	987	987	Hồ Hữu Tường	Bình Phước	120	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
5	958	958	Đỗ Ngọc Đông	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
6	35	35	Đinh Văn Đạt	Bình Phước	70	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
7	167	167	Trịnh Công Vinh	Bình Phước	29,1	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
8	17	17	Hồ Thị Ánh Tuyết	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
9	189	189	Trần Văn Cường	Bình Phước	24	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

10	220	220	Đào Xuân Uân	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
11	129	129	Lê Thị Hồng	Bình Phước	60	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
12	235	235	Nguyễn Thị Suý	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
13	729	729	Phạm Thị Yến	Bình Phước	80	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
14	740	740	Lê Thị Sa	Bình Phước	40	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
15	1530	1530	Nguyễn Công Chính	Bình Phước	258,3	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
16	1531	1531	Huỳnh Ngọc Khanh	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
17	843	843	Lê Thị Thu Cẩm Phước	Bình Phước	722	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
18	844	844	Đỗ Thị Thảo	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
19	845	845	Nguyễn Bá Duy	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
20	956	956	Hồ Thị Cẩm Nhung	Bình Phước	24	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
21	844	844	Đỗ Thị Thảo	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
22	1245	1245	Nguyễn Thị Thúy	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
23	272	272	Huỳnh Đức Hiệp	Bình Phước	83,5	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân



24	454	454	Lã Thị Loan	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
25	353	353	Lê Viết Châu	Bình Phước	60	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
26	202	202	Vũ Đức Viên	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
27	186	186	Phan Hoài Nam	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
28	187	187	Nguyễn Thị Huyền	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
29	330	330	Nguyễn Thị Hồng Vân	Bình Phước	590,5	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
30	331	331	Nguyễn Thị Hồng Vân	Bình Phước	589,6	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
31	648	648	Nguyễn Thị Cẩm Loan	Bình Phước	70	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
32	604	604	Nguyễn Trung Dũng	Bình Phước	262,9	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
33	144	144	Đàm Quang Long	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
34	563	563	Phạm Văn Thắng	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
35	699	699	Phạm Văn Thắng	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
36	782	782	Đàm Quang Ngọc	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
37	86	86	Đàm Quang Dân	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

PHÒNG
KINH
TẾ
Đ
H PH

38	373	373	Đàm Thị Kíp	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
39	369	369	Đàm Thị Kíp	Bình Phước	120	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
40	371	371	Đàm Thị Kíp	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
41	372	372	Đoàn Thị Thủy	Bình Phước	190	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
42	377	377	Đàm Thị Kíp	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
43	450	450	Dương Hùng Mạnh	Bình Phước	43,8	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
44	571	571	Phạm Văn Thiêm	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
45	264	264	Lê Văn Năng	Bình Phước	1326,7	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
46	356	356	Vũ Xuân Hoà	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
47	387	387	Lưu Thị Luyến	Bình Phước	329,1	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
48	388	388	Vũ Xuân Hòa	Bình Phước	328,6	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
49	266	266	Vũ Xuân Cúc	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
50	333	333	Trần Hữu Hải	Bình Phước	119,8	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
51	188	188	Đinh Công Vinh	Bình Phước	225	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân



52	1034	1034	Lý Thị Xuân	Bình Phước	991,1	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
53	384	384	Vũ Xuân Hòa	Bình Phước	198,5	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
54	1643	1643	Nguyễn Ngọc Minh	Bình Phước	25	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
55	2811	2811	Trần Ngọc Tuấn	Bình Phước	1500	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
56	3	3	Hoàng Đức Thế	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
57	2811	2811	Trần Ngọc Tuấn	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
58	79	79	Lê Thị Nguyễn	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
59	2112	2112	Phạm Duy Sơn	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
60	102	102	Nguyễn Thị Thu Thảo	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
61	1233	1233	Trần Thị Hằng	Bình Phước	255	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
62	2345	2345	Huỳnh Nguyễn Gia Hân	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
63	284	284	Phạm Thị Chiến Thắng	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
64	151	151	Đàm văn quyền	Bình Phước	500	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
65	2785	2785	Chế Ngọc Tuấn	Bình Phước	1751	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

66	2786	2786	Hoàng Thị Luyến	Bình Phước	500	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
67	1586	1586	Nguyễn Thị Thùy Linh	Bình Phước	170	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
68	378	378	Phạm Quang Hoà	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
69	388	388	Phan Thị Kỳ	Bình Phước	500	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
70	397	397	Đinh Thị Bấm	Bình Phước	156,3	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
71	543	543	Trần Thành Đạt	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
72	406	406	Ngô Thị Lệ Mỹ	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
73	127	127	Đinh Thị Bấm ủy quyền Nguyễn Văn Nhật Duật	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
74	128	128	Vũ Ngọc Thịnh	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
75	138	138	Đậu Xuân Thảo	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
76	465	465	Nguyễn Thị Hoài Thương	Bình Phước	44,1	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
77	467	467	Nguyễn Tiến Đạt	Bình Phước	216	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
78	211	211	Phạm Văn Thành	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
79	471	471	Nguyễn Văn Y	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân



80	473	473	Nguyễn Thị Hồng Phương	Bình Phước	350	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
81	382	382	Phạm Thị Mơ	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
82	499	499	Nguyễn Thị Oanh	Bình Phước	125	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
83	500	500	Nguyễn Thị Oanh	Bình Phước	125	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
84	547	547	Nguyễn Ngọc Tuấn	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
85	548	548	Trịnh văn trọng	Bình Phước	46,4	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
86	550	550	Trần Phước Tâm	Bình Phước	96,3	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
87	551	551	Trần Phước Tâm	Bình Phước	103,9	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
88	498	498	Nguyễn Thị Hương	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
89	1153	1153	Trần Hưng Liên	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
90	1154	1154	Trần Hưng Liên	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
91	1155	1155	Trần Hưng Liên	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
92	1156	1156	Trần Hưng Liên	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
93	1154	1154	Trần Hưng Liên	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

107	1551	1551	Nguyễn Văn Hưng	Bình Phước	900	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
106	276	276	Vũ Thị Thủy	Bình Phước	304,7	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
105	301	301	Nguyễn Văn Toàn	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
104	300	300	Nguyễn Trung Trần	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
103	278	278	Nguyễn Thị Thủy	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
102	301	301	Vũ Thị Thủy	Bình Phước	329,7	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
101	1696	1696	Nguyễn Hữu Khang	Bình Phước	40	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
100	1992	1992	Hoàng Trọng Hiếu	Bình Phước	1000	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
99	1992	1992	Hoàng Trọng Hiếu	Bình Phước	1000	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
98	395	395	Trần Văn Mạnh	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
97	170	170	Nguyễn Văn Hưng	Bình Phước	75	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
96	116	116	Nguyễn Thị Thanh Lương	Bình Phước	35	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
95	498	498	Cao Tuấn Anh	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân
94	1153	1153	Trần Hưng Liên	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyên mục đích HGD, cá nhân

108	1555	1555	Đặng Thị Ngọc Duy	Bình Phước	335	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
109	1555	1555	Nguyễn Văn Hưng	Bình Phước	335	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
110	2413	2413	Nguyễn Văn Hưng	Bình Phước	765	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
111	2552	2552	Lê Trần Quốc Cường	Bình Phước	10	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
112	2554	2554	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	36	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
113	2555	2555	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	36	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
114	2556	2556	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	36	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
115	2557	2557	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
116	2558	2558	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	37	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
117	2559	2559	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	16	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
118	2560	2560	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	30	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
119	2561	2561	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	30	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
120	2564	2564	Nguyễn Mạnh Hùng	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
121	1546	1546	Trần Thị Phe	Bình Phước	97	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

H. T. VÀ

T. Đ. N.

122	2701	2701	Nguyễn Thị Nền	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
123	705	705	Nguyễn Tuấn Anh ủy quyền Đinh Quang Thận	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
124	1129	1129	Nguyễn Tuấn Anh ủy quyền Đinh Quang Thận	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
125	2613	2613	Nguyễn Thị Biên	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
126	603	603	Vũ Văn Dũng	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
127	2514	2514	Trần Thị Tuyết Sương	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
128	902	902	Nguyễn Trọng Vượng	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
129	66	66	Trần Thị Liên	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
130	1807	1807	Tôn Nữ Tuyết Hồng	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
131	2382	2382	Nguyễn Đăng Dương	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
132	194	194	Nguyễn Quang Thắng	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
133	181	181	Mai Thị Thanh	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
134	442	442	Phan Công Lý	Bình Phước	2000	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
135	134	134	Lê Văn Phú	Bình Phước	60	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân



164	141	141	Vũ Thị Nga	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
165	440	440	Đỗ Trường Linh	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
166	938	938	Lưu Đình Phong	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
167	569	569	Đặng Hoài Nam	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
168	520	520	Phạm Văn Tiết	Bình Phước	350	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
169	489	489	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Bình Phước	12	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
170	303	303	Nguyễn Văn Sơn	Bình Phước	25	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
171	204	204	Trần Văn Tròn	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
172	273	273	Nguyễn Thị Yến Nhi	Bình Phước	60	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
173	210	210	Đỗ Thị Nhài	Bình Phước	72,15	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
174	42	42	Lê Thị Thủy	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
175	74	74	Nguyễn Quốc Hưng	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

136	362	362	Phạm Thị Thùy Trang	Bình Phước	20	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
137	650	650	Đoàn Thị Anh UQ Dương Thị Yến	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
138	152	152	Trịnh Thanh Điềm	Bình Phước	800	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
139	474	474	Phan Quốc Việt	Bình Phước	220,1	LUK	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
140	86	86	Nguyễn Văn Ninh	Bình Phước	300	NTS	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
141	61	61	Nguyễn Vũ Diễm Quỳnh	Bình Phước	20	NTS	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
142	21	21	Ngô Thị Hồng	Bình Phước	60	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
143	315	315	Phạm Thị Thủy Duyên UQ Hoàng Thị Nữ	Bình Phước	72,5	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
144	334	334	Nguyễn Văn Nhất	Bình Phước	20	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
145	187	187	Phan Hồng Ngân	Bình Phước	90	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
146	339	339	Mai Thị Thoa	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
147	129	129	Cao Hữu Thiết	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
148	82	82	Trần Văn Cường	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
149	569	569	Lê Văn Đạt - Phan Thị Sen	Bình Phước	20	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

178	143	143	Lưu Ngọc Long	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
179	714	714	Trương Quang Toàn	Bình Phước	30	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
180	35	35	Văn Minh Nguyệt	Bình Phước	52	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
181	43	43	Nguyễn Thị Liên	Bình Phước	300	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
182	320	320	Lê Thị Kim Dung	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
183	59	59	Nguyễn Minh Khánh	Bình Phước	120	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
184	134	134	Trị Thị Vuốt	Bình Phước	10,2	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
185	232	232	Đỗ Văn Quảng	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
186	906	906	Trần Thị Trung Hiếu	Bình Phước	350	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
187	657	657	Võ Thị Thu Hương	Bình Phước	40	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
188	316	316	Thái Bình Nguyên	Bình Phước	40	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
189	728	728	Vũ Thị Tốt	Bình Phước	70	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
190	569	569	Nguyễn Văn Hào	Bình Phước	100	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
191	704	704	Lê Thị Thảo	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKH kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

192	314	314	Hồ Đình Luận	Bình Phước	30	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
193	408	408	Phạm Văn Phan	Bình Phước	10	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
194	160	160	Nguyễn Đình Bình	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
195	408	408	Phạm Văn Phan	Bình Phước	26	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
196	687	687	Lưu Ngọc Long	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
197	763	763	Phạm Hùng Cường	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
198	671	671	Lưu Đức Thịnh	Bình Phước	800	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
199	671	671	Lưu Đức Thịnh	Bình Phước	800	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
200	36	36	Nguyễn Thị Minh Hương	Bình Phước	500	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
201	726	726	Lê Hoàng Vinh	Bình Phước	600	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
202	657	657	Đào Thị Thu Nguyệt	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
203	24	24	Trần Ngọc Hữu	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
204	94	94	Lê Thị Sương	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
205	167	167	Huỳnh Quang Phúc	Bình Phước	611,9	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BĐKĐ kỷ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân



276	49	49	Đào Thị Vở	Bình Phước	57,7	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
277	103	103	Nguyễn Thị Hải	Bình Phước	50	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
278	1084	1084	Phạm Văn Nhượng	Bình Phước	27	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
279	1328	1328	Đào Thị Hiền	Bình Phước	50	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
280	108	108	Nguyễn Tài Trung	Bình Phước	20	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
281	1532	1532	Đặng Thị Ngọc Bích	Bình Phước	300	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
282	1389	1389	Nguyễn Hữu Tuấn	Bình Phước	26	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
283	264	264	Vũ Đình Việt	Bình Phước	50	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
284	478	478	Nguyễn Thị Ngoại	Bình Phước	54,5	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
285	799	799	Nguyễn Thị Hương	Bình Phước	45,4	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
286	798	798	Lê Văn Trường UQ Hoàng Minh Tiến	Bình Phước	550	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
287	814	814	Lê Văn Trường	Bình Phước	580	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
288	839	839	Phạm Đắc Hào	Bình Phước	40	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
289	841	841	Nguyễn Văn Thành	Bình Phước	40	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

206	216	216	Ngô Doãn Đào	Bình Phước	641	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
207	323	323	Phạm Văn Tân cùng sử dụng Chu Văn Sơn	Bình Phước	792,5	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
208	305	305	Nguyễn Văn Quân	Bình Phước	400	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
209	67	67	Nguyễn Văn Hiền	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
210	450	450	Hồ Ngọc Hiếu	Bình Phước	106	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
211	223	223	Nguyễn Thanh Thương	Bình Phước	70	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
212	367	367	Đoàn Quang Tươi	Bình Phước	150	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
213	541	541	Trần Thị Thương UQ Võ Thanh Vương	Bình Phước	200	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
214	25	25	Nguyễn Tuấn Anh	Bình Phước	170,4	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
215	233	233	Bùi Văn Sĩ	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
216	234	234	Trần Duy Rụ	Bình Phước	50	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
217	341	341	Đàm Thị Kíp	Bình Phước	1000	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
218	42	42	Ngô Thị Diễm Hương	Bình Phước	73,2	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
219	318	318	Lương Cư	Bình Phước	80	CLN	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân

290	551	551	Lê Văn Trường	Bình Phước	1401,7	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
291	796	796	Lê Văn Trường	Bình Phước	1401,7	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
292	143	143	Nguyễn Sơn Tùng	Bình Phước	56,7	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
293	430	430	Đỗ Thế Vinh	Bình Phước	75	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
294	224	224	Bùi Văn Huân	Bình Phước	40	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
295	5,6,7,8,9,18, 19,20,34,35, 36,47,48,49, 50,51,64,66	5,6,7,8,9,18,1 9,20,34,35,36, 47,48,49,50,5 1,64,66	Dự án Khu đô thị Tiến Hưng 3	Bình Phước	102343	CLN	ODT	TKT	TKT	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích tổ chức kinh tế
296	70	70	Trạm khí tượng thủy văn	Bình Phước	5089,08	TSQ	DKT	TSQ	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích tổ chức
297	190	190	Ông: Bùi Nguyên Thặng Bà: Trần Thị Bích Tuyền	Bình Phước	5.143,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
298	191	191	Ông: Quách Văn Lực Bà: Bùi Thị Thắm	Bình Phước	1.012,2	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
299	235	235	Ông: Bùi Viết Thái Bà: Vũ Thị Hiền	Bình Phước	4.613,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
300	236	236	Ông: Dương Văn Vi	Bình Phước	3.993,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
301	934	934	Bà: Vũ Thị Hạnh	Bình Phước	353,3	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
302	197	197	Ông: Trịnh Xuân Hoàn Bà: Phạm Thị Nhật	Bình Phước	1.716,0	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi

290	551	551	Lê Văn Trường	Bình Phước	1401,7	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
291	796	796	Lê Văn Trường	Bình Phước	1401,7	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
292	143	143	Nguyễn Sơn Tùng	Bình Phước	56,7	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
293	430	430	Đỗ Thế Vinh	Bình Phước	75	ODT	ODT	TKT	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
294	224	224	Bùi Văn Huân	Bình Phước	40	ODT	ODT	CNV	CNV	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích HGD, cá nhân
295	5,6,7,8,9,18, 19,20,34,35, 36,47,48,49, 50,51,64,66	5,6,7,8,9,18,1 9,20,34,35,36, 47,48,49,50,5 1,64,66	Dự án Khu đô thị Tiến Hưng 3	Bình Phước	102343	CLN	ODT	TKT	TKT	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích tổ chức kinh tế
296	70	70	Trạm khí tượng thủy văn	Bình Phước	5089,08	TSQ	DKT	TSQ	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Chuyển mục đích tổ chức
297	190	190	Ông: Bùi Nguyên Thặng Bà: Trần Thị Bích Tuyền	Bình Phước	5.143,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
298	191	191	Ông: Quách Văn Lực Bà: Bùi Thị Thắm	Bình Phước	1.012,2	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
299	235	235	Ông: Bùi Viết Thái Bà: Vũ Thị Hiền	Bình Phước	4.613,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
300	236	236	Ông: Dương Văn Vi	Bình Phước	3.993,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
301	934	934	Bà: Vũ Thị Hạnh	Bình Phước	353,3	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
302	197	197	Ông: Trịnh Xuân Hoàn Bà: Phạm Thị Nhạn	Bình Phước	1.716,0	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi

PHÒNG
KINH
TẾ
TÀI
ĐO
THU

303	198	198	Ông: Đặng Thanh Phương Bà: Nguyễn Thị Bảy	Bình Phước	1.222,9	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
304	199	199	Ông: Nguyễn Văn Tuyên Bà: Nguyễn Thị Tuyền	Bình Phước	1.597,2	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
305	229	229	Ông: Nguyễn Xuân Thủy Bà: Nguyễn Thị Tươi	Bình Phước	10.132,2	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
306	230	230	Ông: Đinh Xuân Át Bà: Bùi Thị Sáng	Bình Phước	6.225,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
307	246	246	Bà: Nguyễn Thị Quyên	Bình Phước	645,1	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
308	249	249	Ông: Đinh Ngọc Tân và Bà: Trịnh Thị Tuyết	Bình Phước	1.680,7	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
309	205	205	Ông: Nông Văn Lương và Bà: Nông Thị Thiều	Bình Phước	4.570,7	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
310	206	206	Ông: Trương Minh Lương	Bình Phước	19.905,1	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
311	253	253	Bà: Lưu Thị Chinh	Bình Phước	15.988,3	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
312	678	678	Bà: Lưu Thị Chinh	Bình Phước	12.318,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
313	220	220	Ông: Lương Văn Tâm Bà: Nguyễn Thị Át	Bình Phước	5.300,6	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
314	221	221	Ông: Nông Văn Hoan Bà: Nguyễn Thị Ánh Lâm	Bình Phước	15.675,2	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
315	222	222	Bà: Nguyễn Thị Liễu Ông: Tô Ngọc Huệ	Bình Phước	11.914,1	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
316	223	223	Ông: Bùi Bách Diệp	Bình Phước	6.903,0	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi

331	145	145	Ông: Bùi Văn Hai	Bình Phước	6.815,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
332	281	281	Ông: Nguyễn Văn Đào	Bình Phước	8.061,3	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
333	2508	2508	Ông: Lê Sĩ Nam Bà: Phạm Thị Minh Nguyệt	Bình Phước	10.768,7	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
334	283	283	Ông: Trương Văn Tuấn	Bình Phước	293,9	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
335	363	363	Ông: Bùi Văn Quá	Bình Phước	2.211,6	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
336	2509	2509	Ông: Lê Sĩ Nam Bà: Phạm Thị Minh Nguyệt	Bình Phước	1,8	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
337	9	9	Ông: Võ Tấn Lập Bà: Nguyễn Thị Mười	Bình Phước	2.970,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi

Ngày.....tháng..... năm 2026

Đơn vị tư vấn lập biểu

Ngày.....tháng..... năm 2026

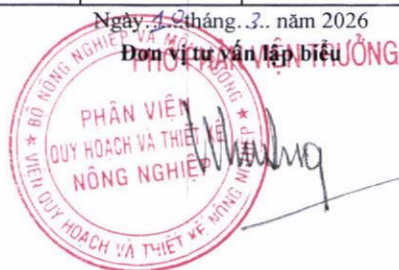
Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Bình Phước 

317	225	225	Ông: Hoàng Ngọc Thuần Bà: Nguyễn Thị Khuyên	Bình Phước	14.902,3	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
318	226	226	Ông: Trương Minh Lương	Bình Phước	14.414,3	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
319	245	245	Ông: Bùi Đăng Đạt	Bình Phước	2.908,7	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
320	113	113	Ông: Mai Dân	Bình Phước	518,1	NTS	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
321	114	114	Ông: Nguyễn Đình Quảng Bà: Nguyễn Thị Tâm	Bình Phước	0,8	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
322	117	117	Bà: Nguyễn Thị Át	Bình Phước	6.008,8	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
323	177	177	Ông: Lương Văn Tâm và Bà: Nguyễn Thị Át	Bình Phước	2.506,6	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
324	1288	1288	Ông: Nguyễn Văn Duyệt Bà: Trần Thị Nga	Bình Phước	108,1	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
325	1484	1484	Ông: Nguyễn Ngọc Phương	Bình Phước	2.960,1	NTS	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
326	1540	1540	Ông: Nguyễn Văn Hán	Bình Phước	237,8	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
327	165	165	Bà: Lưu Thị Thúy	Bình Phước	44,4	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
328	134	134	Bà: Hà Thị Mai Tùng	Bình Phước	341,1	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
329	136	136	Bà: Hà Mai Phượng	Bình Phước	571,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
330	141	141	Ông: Nguyễn Văn Hung	Bình Phước	5.907,4	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BDKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi

331	145	145	Ông: Bùi Văn Hai	Bình Phước	6.815,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
332	281	281	Ông: Nguyễn Văn Đào	Bình Phước	8.061,3	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
333	2508	2508	Ông: Lê Sĩ Nam Bà: Phạm Thị Minh Nguyệt	Bình Phước	10.768,7	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
334	283	283	Ông: Trương Văn Tuấn	Bình Phước	293,9	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
335	363	363	Ông: Bùi Văn Quá	Bình Phước	2.211,6	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
336	2509	2509	Ông: Lê Sĩ Nam Bà: Phạm Thị Minh Nguyệt	Bình Phước	1,8	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi
337	9	9	Ông: Võ Tấn Lập Bà: Nguyễn Thị Mười	Bình Phước	2.970,5	CLN	DGT	CNV	TSQ	Theo BĐKĐ kỳ trước	Theo bản đồ khoanh đất	Thu hồi

Ngày 12 tháng 3 năm 2026

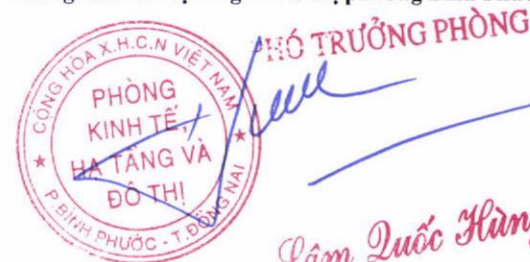
Đơn vị tư vấn lập biểu



Nguyễn Văn Trung

Ngày 10 tháng 3 năm 2026

Phòng Kinh tế Hạ tầng và Đô thị phường Bình Phước



Lâm Quốc Hùng

